VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

võ đình

SỐ 61 THÁNG 3 - 1991

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY:

● **Thư tòa soạn:** *trang 1* ● **Trần văn Tích:** *chuyện vật làng văn* biên khảo trang 3 ● **Nguyễn Ngọc Bản Mường:** *bản mường* thơ trang 15 ● **Khoa Hữu:** *tuyên ngôn của thơ* thơ trang 16 ● **Trần Ái Nhân:** *tương lai - hãy nhắc anh* thơ trang 18 ● **Mai Thảo:** *chạy bộ kiểu mỹ* truyện ngắn trang 20 ● **Trần thị Lai Hồng:** *đông miên* thơ trang 28 ● **Luân Hoán:** *bi ca* thơ trang 29 ● **Ngô Nguyên Dũng:** *núi man rợ* truyện ngắn trang 30 ● **Trần thị Diệu Tâm:** *một mẩu tin buồn* tùy bút trang 40 ● **Ngữ An:** *cuối năm hoàng hôn* thơ trang 44 ●**Sĩ Liêm:** *tình nghĩa thầy trò* truyện ngắn trang 47 ● **La Toàn Vinh:** *suy niệm cho một ngày* thơ trang 76 ● **Nguyễn Tất Nhiên:** *mưa nhẹ* thơ trang 77 ● **John Broadus / Thanh Hương dịch:** *nhớ, sợ và yêu* truyện ngắn trang 78 ● **Đoàn Nhật Tấn:** *một vấn đề trong chính tả quốc ngữ: khôi phục lại dấu nối* biên khảo trang 90 ● **Tôn Thất Ngự:** *giao thừa* thơ trang 98 ● **Cao Xuân Huy:** *người muôn năm cũ* tạp bút trang 99 ● **Nguyễn Đức Lập:** *phong vũ tiêu tiêu, lôi vũ động* truyện dài trang 107 ● Tranh bìa Võ Đình ● Phụ bản nguyễn trọng khôi

BAN CHỦ BIÊN:

Nguyễn Mộng Giác ☼ Nguyễn Xuân Hoàng ☼ Cao Xuân Huy ☼ Hoàng Khởi Phong ☼ Nguyễn văn Sâm ☼ Trịnh Y Thư ☼ Khánh Trường ☼ Trương Vũ

Chủ bút: Trịnh Y Thư

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Trị sự: Khánh Trường

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45.831.912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow N.S.W. 2211 Australia. Tel: (02)771.1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học
P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA
Phone: **(714) 898.9074**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

thư tòa soạn

Với số Tân niên 1991 quý vị đang cầm trên tay, Văn Học bước sang năm thứ sáu từ khi có mặt trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của người Việt tị nạn tại hải ngoại. Năm năm tuy không phải là một thời gian dài nhưng cũng đủ để chứng tỏ sự tha thiết của những người chủ trương tờ báo với Tiếng Mẹ trong cảnh huống vô cùng khó khăn khi thực hiện một tờ tạp chí văn nghệ như tờ Văn Học. Hành trang duy nhất chúng tôi có trong tay vẫn chỉ là tấm lòng với văn chương, với tương lai văn hóa dân tộc. Tờ báo có vững mạnh hay không là do sự đóng góp quý báu của tất cả văn, thi hữu xa gần và nhất là sự ủng hộ nhiệt tình của độc giả khắp năm châu.

Nhìn lại một năm qua, chúng tôi nhận thấy có không ít những khuyết điểm từ phía nhóm chủ trương cần được khắc phục. Tựu trung, những khuyết điểm đó phần lớn ở khâu điều hành, trị sự. Chúng tôi nhận biết điều đó và mỗi số báo là một kinh nghiệm mới để từ đó những bài học được rút tỉa, chiêm nghiệm. Ngoài ra, ý kiến xây dựng của bạn đọc cũng là nguồn ý vô cùng quý giá để tờ báo mỗi ngày thêm khởi sắc.

Một năm qua đi và những ngày đầu năm cũng là dịp để chúng ta ngồi xuống minh định thành quả đạt được và tìm kiếm hướng đi mới, nếu cần. Xét chung, Văn Học được độc giả yêu mến trong suốt thời

gian qua vì những bài biên khảo giá trị và thơ văn của những cây bút uy tín ở hải ngoại. Đường hướng đó chúng tôi sẽ cố duy trì để không phụ lòng yêu mến của quý văn hữu và độc giả mà qua giai phẩm Xuân Tân Mùi vừa qua đã thể hiện rõ nét. Thêm vào đó, chúng tôi sẽ cố gắng giới thiệu những người viết mới, vì không một nền văn học nào có thể tồn tại lâu dài nếu không có làn sóng sau tràn lên làn sóng trước. Kế đến, thơ văn có giá trị nhân bản gửi ra từ trong nước cũng sẽ được đăng tải cẩn thận vì dù hoàn cảnh sống có khác nhưng Văn Học vẫn luôn luôn là tờ báo gắn liền với nguồn cội dân tộc.

Nhân dịp này, chúng tôi cũng xin kính cáo cùng quý độc giả là vì phí tổn thực hiện tờ báo gia tăng khá nhiều trong thời gian qua nên chúng tôi buộc lòng phải tăng giá tiền bán báo từ US$3.00 một số lên thành US$3.50. Xin xem phiếu mua báo ở trang sau để biết giá biểu mới mua báo dài hạn.

Một lần nữa, chúng tôi vẫn không biết nói gì hơn ngoài lời cảm tạ chân thành nhất đến thi văn hữu và độc giả bốn phương.

Văn Học

TRẦN VĂN TÍCH

chuyện vặt làng văn

*

Cô vọng ngôn chi cô thính chi
(Vương Sĩ Trinh - Đề từ *Liêu Trai Chí Dị*)
Nói láo mà chơi, nghe láo chơi.
(Tản Đà dịch)

Năm Quí Hợi (1863), vua Tự Đức cử một phái bộ sang Pháp do Hiệp biện Đại học sĩ Phan Thanh Giản (1796-1867) và Tả Tham tri Lại bộ Phạm Phú Thứ (1820-1881) lãnh đạo. Khi về nước vào năm sau, cụ Chánh sứ họ Phan trình bày với vua cảm nghĩ của mình về văn minh kỹ thuật Tây phương:

Bá ban xảo kế tề thiên địa,
Duy hữu tử sinh tạo hóa quyền.
(Trăm nghề tinh xảo ngang với trời đất,
Chỉ có sống chết mới tùy quyền tạo hóa).

Chỉ ba năm sau, bậc danh thần cướp quyền Tạo hóa để tự mình định đoạt đời mình. Còn Phạm Phú Thứ thì thực tế hơn; qua *Tây hành Nhật ký*, ông nhìn cách ăn xúp uống rượu của Tây Đầm một cách dí dỏm:

Nhất bôi trà hậu tửu,
Bán điệp phạn tiền canh.
(Một ly rượu sau trà,
Nửa đĩa canh trước cơm).

Chả là các cụ chỉ quen nhâm nhi rượu trong bữa ăn, cuối bữa mới

uống trà; đằng này Tây mời trà trước, *servir* rượu sau; còn canh thì ăn trong đĩa mà lại nhè ăn trước cơm. Thật quả là *Tây di.*

*

Nhưng chẳng phải chỉ có Tây mới bị quan phó sứ phê bình. Người bình dân Việt nam từng thống trách cả tiền bối của Hitler:

Trách Alơmăng nó lăng xăng làm loạn,
Thiếp đưa chàng lại láng dòng châu.

Hai câu này mô tả nỗi lòng người vợ tiễn chồng tòng chinh sang Pháp *đánh đổ Đức tặc* thời gian 1914-1918. Đó là chuyện thế chiến thứ nhất. *Alơmăng* là phiên âm chữ *Allemand,* tiếng Pháp, nghĩa là người Đức. Còn tên nước Pháp *France* thì thoạt tiên được tổ tiên chúng ta chuyển âm thành *Phất lang,* ví dụ trong *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa* (thế kỷ XVII?):

Ô trâu tốt bấy trâu đen,
Ở Phất lang quốc dệt nên giống này.

hoặc *Phất lang sát* trong *Vân đài loại ngữ,* mục *Hình tượng ngữ* của Lê Quí Đôn (1726-1784): *"Sách Khôn dư đồ thuyết* (của Ferdinand Verbies) *bàn về địa lý, địa cầu, núi non, sông biển... khi nói đến các nước châu Âu cũng có ghi tên Phất lang sát."* Lối phiên âm này có xuất xứ từ chữ Hán đọc theo giọng Việt; còn khổ lục bát được đan cử nhằm mô tả giống cừu lông đen mà các cụ cho là ở bên Pháp mới có.

*

Nếu ở Tây dương có cừu đen thì ở xứ Tiểu Tây dương (Nam dương) có *dân mặt đen,* mà Lý Văn Phức (1785-1849) mô tả số phận với tâm trạng bất bình trong *Sứ trình yếu thoại khúc:*

Cao xa phì mã hồng mao quỷ,
Bại lạp tàn sam hắc diện nhân.
(Xe cao ngựa béo là của quỷ Hồng mao,
Nón mê áo rách chỉ có dân mặt đen).

Tương tự Cao Bá Quát (1809-1855) trong *Dương trình tập,* khi ông sang Giang lưu ba (Java) năm 1843:

Cá cá ô nhân ngự bạch nhân.
(Toàn người da đen đánh xe cho người da trắng).

Ngoài ra, tác giả *Nhị thập tứ hiếu* khi qua Lữ tống (Phi luật tân) cũng sửng sốt thấy rằng người địa phương không hề biết gì về đạo tam cương ngũ thường trong khi người kế nghiệp ông, Phạm Phú Thứ, lại cho rằng chỉ nước Đại Thanh mới là văn hiến, người châu Âu chẳng có chút ý niệm nào về tứ đoan! (1)

Còn phụ nữ Âu châu thì được nhà nho làng Phú thị mô tả:

Bả duệ nam nam hướng lang thuyết.
(Níu áo chồng nói chuyện ríu rít).

và

Phiên thân cánh thiến lang phù khởi.
(Nghiêng mình, lại đòi chồng nâng dậy).

Chắc ông tuy đối xử với vợ theo cung cách *tương kính như tân* (2) nhưng vẫn không quen *galăng* như đồng hương bà Thatcher!

*

Cũng Cao Chu Thần, trong đời làm quan, có lần phải vào Đà nẵng phục vụ. Ông gọi là "*lại bị phát phối*" (tái phát) và ký thác tâm sự một cách ai oán:

Thử sinh qui lộ chuyển du du.
(Con đường về đối với đời ta từ đây xa lắc).

Vì ông cho rằng nơi mình sắp bị đày đến (!) chính thị là vùng Ngũ khê và vùng Dạ lang, những địa điểm biên viễn tít mù của nước Tàu ngày trước (Dạ lang là một quốc gia cổ, ngày nay ở phía tây Quí châu):

Ngũ khê minh nguyệt Dạ lang châu.
(Ánh trăng sáng Ngũ khê, con thuyền Dạ lang).

Câu thơ lấy điển từ bài thơ tiễn bạn nổi danh *Văn Vương Xương Linh tả thiên Long Tiêu dao hữu thử ký* (Từ xa gửi Vương Xương Linh khi nghe tin bị giáng đi Long Tiêu) của Lý Bạch (701-762):

Dương hoa lạc tận tử qui đề,
Văn đạo Long Tiêu quá Ngũ khê.
Ngã ký sầu tâm dữ minh nguyệt,
Tùy quân trực đáo Dạ lang tê (tây).
(Hoa dương tàn tạ, tiếng chim quốc kêu,

Nghe nói đường đi Long Tiêu phải qua Ngũ khê.
Ta gửi ánh trăng sáng nỗi lòng buồn nhớ,
Theo bác đến mãi phía tây Dạ lang).

Long Tiêu là đất thuộc huyện Kiềm dương, tỉnh Hồ nam ngày nay. Đi Đà nẵng làm quan mà nghe cứ như đi *lao động hợp tác quốc tế* ở Sibérie!

*

Không chịu sự mô tả người phụ nữ phương Tây một cách chừng chạc, đĩnh đạc của tác giả *Dương trình tập*, Tú Xương (1879-1907) nói năng bốp chát, trào lộng. Chẳng có nhà nho nào lại nhắc đến mông, đến đít nữ giới như ông:

Trên ghế bà đầm ngoi đít vịt.

Còn phục sức của họ thì cũng chẳng ra làm sao cả:

Váy lê quét đất mụ đầm ra.

Dẫu vậy, thơ ông Tú thì không thiếu gì người ngưỡng mộ, kể cả Tản Đà (1888-1939), vốn nổi tiếng là ngông nghênh. Họ Nguyễn từng tự nhận trong đời thơ của mình chỉ địch nổi Tú Xương một lần thôi bằng chữ *vèo* trong bài thơ *Cảm thu, Tiễn thu* của ông:

Vèo trông lá rụng đầy sân.

Chữ *vèo* trong câu thơ - đặt ở đầu câu, nên giữ chức năng nhấn mạnh và do đó, mang trọng âm - tưởng cũng có đối thủ là một chữ *vèo* khác, nhưng lại nằm cuối một câu thơ, của Nguyễn Khuyến (1835-1910):

Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.

Hàm nghĩa biểu đạt, sắc thái cảm xúc của *vèo* được nâng lên do tư thế *mạt tự* (3)của nó: nó mô tả chiếc lá hay những chiếc lá tiếp tục chao đảo, không ngớt lượn lờ một khi rời cành; còn thanh điệu *huyền* góp thêm phần tạo một âm sắc nhẹ nhàng mà kéo dài. Đó chẳng phải là cung cách rơi của lá vàng trong một khí quyển thanh vắng, tĩnh lặng ư?

*

Có thể xem cả hai câu thơ có chữ *vèo* đều là thần cú trong kho

tàng văn học dân tộc. Trong khi đó lại có những câu thơ gây băn khoăn cho người đọc, ví dụ câu sau đây của Nguyễn Phi Khanh trong bài *Thu trung bệnh* (Ốm vào mùa thu):

Đa bệnh hoàn liên Mã Trường Khanh.
(Bệnh nhiều lại càng thương cho Mã Trường Khanh).

Chú thích câu này, nhóm biên soạn *Thơ văn Lý Trần*, Viện Văn Học Hà nội cho là "*Mã Trường Khanh (...) tức Tư Mã Tương Như một nhà văn đời Hán. Khi cho phép Nguyễn Phi Khanh lấy con gái mình, Trần Nguyên Đán đã nêu Tương Như là một tấm gương lập công danh cho Phi Khanh.*" Nhưng nếu vậy thì tại sao thân phụ Nguyễn Trãi lại nhắc đến "một tấm gương lập công danh" vào lúc đang bị đau ốm? Và cũng nếu thế thì tại sao sau Nguyễn Phi Khanh (1355?-1428?) cả năm thế kỷ, Nguyễn Thông (1827-1884) cũng đề cập đến Tương Như vào một lúc nằm liệt giường, mặc dù trong tiểu sử, không thấy nói gì đến chuyện hai nhạc phụ của tác giả *Ngọa du sào tập* - vì Nguyễn Thông có một vợ chánh và một bà thiếp - từng "nêu Tương Như là một tấm gương lập công danh" cho nhà thơ đất Long an? Câu thơ Hy Phần thuộc bài *Ngọa bệnh thu hoài* (Nằm bệnh tả nỗi lòng):

Đỗ Phủ vô gia biệt,
Tương Như trường niên bệnh.
(Không nhà ly biệt như Đỗ Phủ,
Bệnh hoạn liền năm giống Tương Như).

Trong lịch sử y học Trung hoa, có những người bệnh rất nổi tiếng, tỉ như Tả Khưu Minh (thế kỷ VI, V trước công nguyên), người viết phần bình luận, giải thích *Kinh Xuân Thu (Tả truyện)*, mang cùng chứng tật nhãn khoa với Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), cho nên có khi được gọi là Manh Tả; chẳng hạn trong thơ Tùng Thiện Vương Miên Thẩm (1819-1870), bài *Độc Nguyễn Đình Chiểu điếu nghĩa dân tử trận quốc ngữ văn* (Đọc bài văn Nguyễn Đình Chiểu điếu nghĩa dân chết vì nước):

Quốc ngữ danh tề Manh Tả sử.
(Quốc ngữ cũng hay như họ Tả mắt mù viết sử).

Hoặc Hạng Vũ (232-202 TCN) với chứng *trùng đồng* (mắt có hai

con ngươi), như *Hạng Vũ bản kỷ* trong *Sử Ký* của Tư Mã Thiên (145-90?) ghi nhận; và cũng được chính một tác giả đời Trần, Phạm Sư Mạnh (? - ?) đan cử trong *Ô giang Hạng Vũ miếu* (Miếu Hạng Vũ ở Ô giang):

Nhất bôi liêu vị lỗi Trùng đồng.
(Vì Trùng đồng mà rưới một chén rượu xuống đất).

Với văn học, bệnh án Tư Mã Tương Như (179-117) cũng rất nổi tiếng vì qua nó, y sử Trung hoa đã chứng minh rằng mình biết đến bệnh đái đường từ trước Công nguyên, mà tên gọi thuở bấy giờ là *tiêu khát,* như trong câu thơ bài *Hán cung từ* của Lý Thương Ẩn (813-858):

Thị thần tối hữu Tương Như khát.
(Nhiều quan lại bị đái đường như Tương Như).

Hay trong bài thơ *Y nguyên vận ký Thanh oai Ngô Tú Nguyên* của Tố Như (1765-1820):

Tiêu khát nhật tăng Tư Mã bệnh.
(Bệnh tiêu khát của Tư Mã Tương Như ngày càng nặng).

Và vì bệnh đái đường là một bệnh do thiểu năng nội tiết nên nó kéo dài suốt đời, do đó khi muốn mô tả tình trạng ốm đau liên miên là người xưa liên tưởng đến nó. Tóm lại, thân phụ Nguyễn Trãi đã nhắc đến Mã Trường Khanh khi đau ốm chỉ vì đó là một trường hợp bệnh lý lừng danh và quen thuộc của phương Đông, chứ chẳng phải vì nhớ lời ông ngoại Nguyễn Trãi. Tuy nhiên chuyện vặt này thực chẳng có gì quan trọng, nếu đem so với công trình vừa bề thế vừa nghiêm túc của nhóm sưu tầm biên soạn. *Even Homer sometimes nods.* Homère cũng có khi ngủ gà cơ mà.

*

Bởi vì không ai biết được hết mọi chuyện nên có người làm quan đành mất chức. Đó là trường hợp Hà Tông Quyền (1798-1839). Đậu Hội nguyên khoa thi năm 1822, ông giúp vua Minh Mạng nhiều việc cho đến một hôm, vua hỏi ông Vị xuyên là tên sông hay tên châu. Ông trả lời sai nên bị giáng chức, phải đi dương trình hiệu lực ở Nam dương theo phái bộ Phan Thanh Giản (4). Cũng cần nói thêm là vị tiền bối họ Hà tư chất rất thông minh, văn chương lỗi lạc, từng nổi tiếng thời

bấy giờ. Phần vua Minh Mạng thì về sau chắc cũng hối hận nên đã phục chức cho ông và cuối cùng, thăng ông đến Tham tri bộ Lại.

Ngược lại, có người nhờ có của gia bảo là một pho sách quí nên đã được thăng quan tiến chức. Trong *Ngô gia văn phái,* bộ Tùng thư gồm nhiều quyển tập hợp sáng tác của dòng họ Ngô Thì, có cuốn *Trương Phủ công thi văn* do Ngô Thì Du (1772-1840) viết. Sách có đoạn kể: *"Bính tý chiếu cầu Thiên Nam dư hạ, dĩ thư tiến, phụng thưởng bạch kim bách lạng, bổ Đông cung thị giảng."* [Năm Bính tý (1756) có chiếu cầu sách *Thiên Nam dư hạ,* (cha tôi) đem sách ấy dâng lên, được thưởng một trăm lượng bạc và được bổ làm Đông cung thị giảng). Nhà nho may mắn nói ở đây là Ngô Thì Đạo (1732- ?). Tuy vậy, ông đã đậu Á nguyên năm 1753. Nhưng thăng chức như vậy là rất cao; để có một ý niệm, chúng ta tạm dùng đẳng trật quan lại triều Nguyễn để đối chiếu, dẫu rằng họ Ngô làm quan cuối triều Lê. Người đậu Cử nhân thường chỉ được chức Hành tẩu, Tự thừa ngang hàm Chánh cửu phẩm trên bậc thang quan chế, trong khi Thị giảng ở vào hàng Tòng tứ phẩm. Như vậy, chỉ sau ba năm, nhờ bộ sách hiếm, chủ nhân xem như đã được thăng lên tám bậc! Và món hiện kim kèm theo quan chức cũng khá hậu hỉ, vì Nguyễn Công Trứ (1778-1859) khi tòng sự ở trấn Nam định, do lương bổng không đủ ăn, mật tấu về triều đình chỉ được vua Minh Mạng phái người mang đến cho mấy gói trà, trong mỗi gói có giấu một lượng bạc.

*

Cũng dưới triều vua Minh Mạng, vào năm 1830, hai nhà thơ Tùng Thiện Vương và Tuy Lý Vương cùng với người em Tương An quận vương tháp tùng hoàng đế ngự duyệt thủy binh tại cửa biển Thuận an. Dọc đường gặp cơn dông rất lớn, sóng to, chiếc thuyền Hòa lạc chở ba vị hoàng tử suýt bị đắm, may nhờ thuyền hộ tống của vua đến cứu kịp. Lúc trở về, ba anh em làm một bài liên ngâm thể song thất lục bát gồm 64 câu, cứ một người đọc trước rồi người khác đọc tiếp, gọi là *Hòa lạc ca.* Cảnh phong ba bão táp được mô tả:

Tùng Thiện Vương:

Mây trời khôn dễ trước dè,
Chớp ngày lửa cháy, mây hè nực un.

Tuy Lý Vương:

Gió ùn ùn, cát bay đá chạy,
Sáu hiệp mờ tiếng lại vo vo.

Tương An quận vương:

Gió càng to, sóng càng to,
Mấy neo cũng đứt, mấy đò cũng xiêu.

Toàn là những câu thơ không có gì đặc sắc; trái lại, chúng như muốn cung cấp thêm luận cứ cho lời phê bình tương truyền là của Cao Bá Quát liên quan đến thi xã Mặc Vân của ba ông hoàng và nhắc đến con thuyền Nghệ an. Phải chăng *Thi đáo Tùng Tuy thất Thịnh Đường (Thơ đến như Tùng Tuy thì mất thời Thịnh Đường)* chỉ là tâng bốc quá đáng? Chưa hẳn đã vậy, vì lúc Tùng Tuy làm thơ *Hòa lạc* thì ông anh mới mười một tuổi và ông em mới mười tuổi. Hơn nữa, thể liên ngâm cũng gây thêm khó khăn cho việc chọn chữ lựa vần.

*

Nếu như bài thơ dài trên đây có những câu non nớt thì bài thơ xuân của sư Huyền Quang Lý Đạo Tái (1254-1334), dưới hình thức tứ cú cô đọng của luật Đường ghi trong *Toàn Việt thi lục,* đã dành cho người đọc rất nhiều không gian suy tưởng để lĩnh hội điều vẫn được thi ca ngày xưa gọi là *ý tại ngôn ngoại* (ý ở ngoài lời):

Nhị bát giai nhân thích tú trì,
Tử kinh hoa hạ chuyển hoàng ly.
Khả liên vô hạn thương xuân ý,
Tận tại đình châm bất ngữ thì.
(Người đẹp vừa đôi tám ngồi thêu gấm chậm rãi,
Dưới chùm hoa tử kinh tiếng oanh vàng thỏ thẻ.
Thương biết mấy nỗi lòng thương xuân vô hạn,
Đang dồn cả vào giây phút dừng kim và im phắc).

Hoa lá, thanh âm, nhưng nhất là nét đẹp duyên dáng, hình ảnh tình tứ của giai nhân đôi tám ngồi thêu (đã chậm rãi mà lại còn thỉnh thoảng ngừng kim) chứng tỏ rằng âm sắc thiên nhiên và tâm tư trần

tục còn vang vọng vào Phật tâm của vị cao tăng khá sâu đậm. Cho nên hai nhà nho, Lý Tử Tấn (1378-1457) đời Hồ và Lê Quí Đôn đời Lê, khi đọc đến bài thơ này, đã phải thốt lên: *"Thi tuy giai phi tăng gia ngữ." (Thơ tuy hay nhưng không phải là lời của bậc tu hành).* Và dẫu rằng thời gian gần đây đã có luận cứ chủ xướng bài thơ thực ra có tiền thân là một tác phẩm thiền đời Tống, vẫn có thể nêu nghi vấn phải chăng vị đại sư đã chỉ mượn lời người xưa khi đối cảnh sinh tình?

*

Đọc lại trước tác người xưa nhiều khi gặp những chuyện sai lầm rất kỳ quặc.

Nguyễn Thiên Túng (thế kỷ XIV), khi "tập chú" sách *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi (1380-1442), đã lẫn lộn câu chuyện nàng Tô Thị ở xứ Lạng trong câu ca dao quen thuộc *Đồng đăng có phố Kỳ lừa. Có nàng Tô Thị có chùa Tam thanh (...)* với câu chuyện nàng Tô Huệ chép trong *Tấn thư, Liệt nữ truyện* nên đã hạ bút: *"Tục truyền rằng ngày xưa người ở phủ Nam sách tên là Đậu Thao làm tướng thời Tiền Ngô Vương, đem quân đi chống giữ biên giới phía Bắc. Vợ là Tô thị Huệ thủ tiết mười năm dệt bức gấm, có bài hồi văn gửi cho chồng. Sau bèn cùng gia nô trèo lên núi cao chót vót một mình ở Lạng sơn, ngóng chồng không thấy, bèn gieo mình mà hóa kiếp, nhân thế mới gọi tên là Vọng phu."* Nguyễn Thiên Túng đã lầm lẫn lung tung về thời điểm sinh sống, về nguyên quán, về chức tước Đậu Thao; về gốc gác và kết thúc câu chuyện nàng Tô Thị, vì vị tiền bối đã bất quàng chuyện lịch sử bên Tàu với chuyện cổ tích bên ta.

Nhưng hình như ngay Nguyễn Du cũng chẳng phải là không phạm sai lầm. Trong một bài thơ, Tố Như nhắc đến Đỗ Phủ (717-770) với bệnh lắc đầu:

Trạo đầu cựu chứng y thuyên vị?
(Chứng lắc đầu cũ giờ đã khỏi chưa?)

Chúng tôi đã xem một số tài liệu văn học sử ngoại ngữ liên quan đến Đỗ Phủ để tìm biết về bệnh tật nhà thơ nổi tiếng đời Đường này; nhưng chưa thấy tác giả nào ghi nhận chứng *trạo đầu* trong bệnh sử

vốn khá phức tạp của Đỗ Thiếu Lăng, khi cao tuổi đâm ra điếc đặc, nói chuyện phải dùng lối bút đàm, chi trên bên phải lại bại liệt, viết thư thì con viết thay. Trong khi đó thì bản thân Đỗ Phủ lại nhắc đến một người bạn chung của mình và Lý Bạch (701-762) là Khổng Sào Phủ với chứng lắc đầu (bệnh Parkinson?):

Sào Phủ trạo đầu bất khẳng trú.
(Bác Sào Phủ lắc đầu không chịu ở lại).

Tác giả *Truyện Kiều* đã nhớ sai Sào Phủ thành Đỗ Phủ chăng?Hay Đỗ Tử Mỹ còn có thơ khác đề cập đến chứng lắc đầu của chính ông?

Phan Tản Đà (1889 - 1939) thì lại phạm sai lầm về địa lý, mặc dù trong *Giấc mộng con,* ông từng mô tả những cuộc du ngoạn tưởng tượng sang Hoa kỳ, Canada. Câu đồn thuộc khổ xếp bài hát nói *Ngày xuân chúc quốc dân* của họ Nguyễn đem quê hương bà Aquino đặt vào châu Mỹ:

Quân bất kiến Phi luật tân
nhi kim Mỹ châu độc lập quốc?
(Anh không thấy Phi luật tân
nay đã là nước độc lập thuộc châu Mỹ?)

Giá thi sĩ sông Đà núi Tản có "ý đồ" vượt biên thì chắc ông đã chẳng viết như vậy.

*

Tiền nhân có lầm lẫn thì chỉ khiến chúng ta thấy vui vui khi đọc lại các cụ. Nhưng các "đồng chí" mà viết sai thì độc giả chỉ có nước khóc.

Trong *Hànội ta đánh Mỹ giỏi,* Nguyễn Tuân mô tả thủ đô miền Nam trong dịp Tết Mậu Thân 1968 như sau: *"Sàigòn không có điện, chỉ thắp bằng pháo sáng quân sự Mỹ. Nước thiếu, và cả Sàigòn ăn bằng đồ hộp Hoa kỳ"* (trang 137). Trước đó ít dòng, ông gọi hãng thông tấn UPI là "đài" UPI.

Còn cụ Ca Văn Thỉnh trong một bài viết về Nguyễn Đình Chiểu đăng trên tạp chí Văn Học số 4, năm 1972, nơi trang 48, lại kể chuyện một ông lão mù ở Hốc môn *"bí mật nuôi cán bộ trong nhà, ở dưới hầm,*

thường dùng mật hiệu bằng đĩa hát: khi có địch đến thì báo động bằng bài Khốc hoàng thiên, *còn bài* Khổng Minh tọa lâu *là báo an. Mật thám theo dõi, nghi ngờ ông. Khi tên mật thám vào nhà ông, nghe hát bài* Khốc hoàng thiên, *nó lấy đĩa hát* Khổng Minh tọa lâu *bảo ông thay đĩa đang hát. Lanh trí, ông với tay lấy đĩa hát, vờ lỡ tay đánh rơi xuống đất làm đĩa hát vỡ ra mấy mảnh. Tên mật thám cầm một mảnh đĩa hát vỡ nhọn và sắc, đe dọa ông phải khai báo "Việt cộng" giấu dưới hầm. Ông cự tuyệt không khai. Tên ác ôn lấy mũi đĩa hát đâm vào con mắt phải, tiếp tục đe dọa nữa. Ông vẫn nhất quyết không khai. Nó liền đâm vào con mắt trái. Vì kiên quyết bảo vệ cán bộ mà ông lão Hốc môn bị mù. Dù mù, ông vẫn tiếp tục phục vụ cách mạng."* Theo nội dung câu chuyện thì nó chỉ có thể xảy ra giữa năm 1968 và năm 1972. Cụ Ca Văn Thỉnh không thể hình dung được rằng vào giai đoạn đó, miền Nam chỉ có đĩa hát bằng nhựa, và loại đĩa hát này thì chẳng thể nào *"vỡ ra mấy mảnh"* khi người ta *"vờ lỡ tay đánh rơi xuống đất."* Cụ Đồ đất Bình dương chắc có tài tiên tri nên đã dành một câu thơ cho cụ Thỉnh trong *Ngư tiều vấn đáp ý thuật:*

Đổi trời, dối đất, đảo điên việc người.

Sau 1975, Sàigòn được đọc một vài cuốn sách gọi là thuộc loại trinh thám, điệp viên. Có một cuốn mang tựa đề *X30 Phá Lưới,* được các tờ lá cải khoe khoang là đã được dịch sang tiếng Nga. Tác giả hư cấu nhiều chuyện rất huê dạng; ví dụ: Cậu Cẩn họp báo ở Huế, bà Ngô Đình Nhu ngồi trong dinh Độc Lập vặn TV xem trực tiếp truyền hình cuộc họp báo!!! Khi "quân cách mạng" tấn công vào cứ điểm của Mỹ ở Pleiku, "đế quốc" cho xe mô-tô ba bánh một người lái một người ngồi kèm bên cạnh rú ga chạy ào ào. Khổ nỗi loại xe đó đồng bào miền Nam đều biết rằng chỉ có "phe xã hội chủ nghĩa" mới trang bị cho công an.

*

Để chấm dứt, xin kể một chuyện vặt làng văn trên... *Văn Học.* Giáo sư Đoàn Khoách, qua bài viết về Cụ Phan Bội Châu mới đây (Văn Học số 58, tháng 12-1990) đã đan cử đôi câu đối nhà chí sĩ cách mạng

khóc vợ mà theo giáo sư thì từng xuất hiện trên báo *Tiếng Dân* cuối năm 1940:

Ngã bần khanh vị chi dưỡng,
ngã bệnh khanh vị chi y,
hoàn hải công tri khanh thị phụ;
Khanh bệnh ngã bất năng y,
khanh tử ngã bất năng táng,
giang sơn hàm tiếu ngã phi phu.

Đôi câu đối được thân phụ giáo sư họ Đoàn dịch là:

Ta nghèo mình lo nuôi nấng,
ta bệnh mình cố thuốc thang,
thiên hạ đều hay mình đúng là vợ;
Mình bệnh ta chẳng thuốc thang,
mình chết ta không chôn cất,
núi sông mím miệng ta chẳng đáng chồng.

Có điều sao đôi câu đối này lại giống lời khóc vợ của Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872) như hai giọt nước:

Ngã chi bần khanh độc năng trợ,
ngã chi oan khanh độc năng minh,
triều quận công xưng khanh thị phụ;
Khanh chi bệnh ngã bất đắc dưỡng,
khanh chi tử ngã bất đắc táng,
giang san ưng tiếu ngã chi phu.

Nguyễn Văn Nghĩa dịch:

Tớ nghèo mình lo giúp, tớ oan mình lo kêu,
chòm xóm đều khen mình đáng vợ;
Mình đau tớ chẳng nuôi, mình chết tớ chẳng táng,
non sông thẹn phận tớ làm chồng. (5)

Tác giả *Kim Thạch kỳ duyên* nhắc đến chuyện vợ giúp đỡ, vợ kêu oan vì ông vốn con nhà chài lưới nên nghèo, chính nhạc phụ đã nuôi dạy cho ăn học đỗ thủ khoa và khi ông bị vu oan thì bà Nguyễn thị Tồn đi ghe bầu ra tận Huế đánh trống Tam tòa kêu oan cho chồng. Phần ông, khi bà ốm và mất thì lại đang bị giáng làm lính đóng ở đồn Vĩnh

thông (Châu đốc) nên *đã chẵn ba năm mới đặng thăm* (sau khi bà từ trần).

Vậy ai là tác giả thực sự của đôi câu đối này? Có một điểm nhỏ đáng để ý: Trong đôi câu đối được xem là do Sào Nam tiên sinh sáng tác, có hai chữ *y*, một ở vế trước, một ở vế sau, mà chữ *y* thứ hai không phải do tác giả cố ý nhắc lại. Liệu ông đầu xứ San có huy động chữ nghĩa như vậy chăng?

Chú thích:

(1) Tứ đoan là nhân, nghĩa, lễ, trí.

(2) (Vợ chồng) trọng nhau như khách.

(3) Chữ ở cuối câu.

(4) Một người làm quan phạm lỗi có thể được cử theo giúp việc một phái đoàn công cán ở nước ngoài để chuộc tội, như thế gọi là *dương trình hiệu lực*.

(5) *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập IV (1858-1920), quyển I, nhà xuất bản Văn Học, Hànội, 1984, trang 51. Trên *Làng Văn* số 60 (tháng 8-89), bài *Tình gia thất trong thơ* tôi đã đề cập đến đôi câu đối này nhưng lại ghi bằng quốc âm do tưởng nhầm Bùi Hữu Nghĩa điếu vợ bằng văn Nôm, vì ông sáng tác khá nhiều bằng tiếng mẹ đẻ. Sau đó tìm đọc thêm mới biết là nguyên tác thực ra bằng chữ Hán.

NGUYỄN NGỌC BẢN MƯỜNG

bản mường

*

Ai vào thăm bản mường tôi?
Cuối con suối, cuối cái đèo chông chênh
Cuối thời gian, cuối không gian
Cuối cơn hoan lạc, cuối nguồn tịnh tu
Cái tâm nó đóng bụi mù
Cái trí cùn nhụt, cái thù căm căm
Chỉ còn cái nhớ xa xăm
Nó đeo đẳng đẳng mười năm không rời.

KHOA HỮU

tuyên ngôn của thơ

*

'Tôi làm thơ như đào huyệt
thơ là tiếng cuốc trối đời mình
nghe suốt đất suốt trời suốt cái chết
bật cười ghê miệng lưỡi yêu tinh
Cầm từng giọt máu
chưa lành kín vết thương
đào mặt phẳng quá khứ
vùi lấp tiếp tương lai
mỗi hòn đất nén nỗi đau thế sự
dấu lãng quên cho mỗi con người.
Tôi làm thơ như đào huyệt
sống hai bàn tay
chết lớp da sượng sần thay hình đổi lốt
mệt trí ăn năn
chôn chữ nghĩa từng ngày
mở cửa bình minh
đóng chặt hành lang cõi chết
mùa đông rụng xác lá vô hồn kia
trên những ngôi mộ đá chờ bật khóc
thơ là chiếc chìa khóa giao cho kẻ trở về
miễn hấn thuộc và mở được.
Bãi cỏ ấy bàng hoàng cuộc trăm năm
cháy sém cơn lửa hạ
trang giấy trải thảm nghĩa trang này
bài thơ viết cho cùng thời khắc
quên một ngày đã qua
vẫn một ngày sắp đến
những vì sao ánh mắt chim kêu
trong mỗi chiều hạ huyệt
kẻ viếng ta đến từ ngoài vô biên

bóng trắng tinh như gió lốc
chờ ở đó ba mươi năm
nghe từng đời đau nhức.
Thời ấy
tần thủy hoàng
đốt sách
giết nho sĩ
chôn sống thư sinh
lịch sử ngấn hai giọt lệ
biển máu sôi bất bình
thế hệ ta trở lại vấn tội bằng mắt
quật mồ bằng lòng xót thương
trả hài cốt cho sự thật
cùng thời ấy
những Thi Sĩ sống còn
dù đã chết hơn hai nghìn năm.
Tôi đã đi qua hoang đường bốn nghìn năm
đến cùng Tổ Quốc tôi
như một gã mù hát xẩm
về một góc nghĩa trang
tìm quên lãng cho hết đời mình
thơ đòi được phục sinh.
Nơi nghĩa trang này sẽ chôn những xác chết
bất kể kẻ nào bất kể tuổi nào
vô dụng thừa mứa như cỏ rác
vì Hòa Bình vì Tự Do
vì con người vì hạnh phúc
mỗi chữ viết oằn một niềm đau
thơ không khuất phục.
Người mất ngủ một trăm năm
vừa yên giấc.
Đào xới dĩ vãng
cuốc vào mặt lồi lõm tương lai
rưng trái tim khát vọng
là tiếng thơ ta gửi lại cho đời.

TRẦN ÁI NHÂN

tương lai

*

Một mai tôi trở lại đời
Tay cầm cán cuốc đầy vơi nỗi buồn
Mồ hôi mấy bát tôi tuôn
Sắn khoai chân lý, con đường cõi âm
Một mình tai điếc miệng câm
Vào ra thơ thẩn, chửi thầm mà chơi
Người ơi, người chẳng nên người
Khua tay náo loạn, hát lời ngu ngơ
Người ôm ảo tưởng đứng chờ
Tôi ôm cán cuốc vật vờ bóng ma!

LTS: Trần Ái Nhân là bút hiệu mới của một nhà thơ thành danh trước 75 tại miền Nam Việt nam. Văn Học hân hạnh gửi đến độc giả hai bài thơ tù của ông làm trong thời gian ông bị giam cầm trong các trại cải tạo và gần đây được chuyển ra hải ngoại.

hãy nhắc anh

*

Khi em lên thăm anh
Nhớ cho anh kim chỉ
để anh vá lại tình người
Khi em lên thăm anh
Nhớ cho anh kim đan
để anh đan lại tình thương
hãy nhắc anh bảy mươi lần bảy
để anh tha thứ cho đời.
Khi em lên thăm anh
Hãy nói với anh ngọt ngào
để anh quên đi nỗi niềm cay đắng
để anh nhớ ra mình còn hơi thở
Hãy đọc anh nghe thơ Nguyễn Du
để anh nhớ ra mình còn có quê hương
Khi em lên thăm anh
Nhớ cho anh những bông hồng thật tươi
Mà anh hằng khao khát
Ôi, những bông hồng tuyệt vời
Bay ra từ môi em
Để anh quên đi những lời cay đắng
để anh quên đi những gương mặt mùa đông
Và để anh quên đi
Xiềng xích, cùm gông!

MAI THẢO

chạy bộ kiểu mỹ

*

Khu Tiểu Sàigòn Độ ở, con đường Bolsa, con đường Brookhurst cửa tiệm Việt từng khu từng dãy, con đường Magnolia, con đường Westminster quán hàng Việt từng bó, từng chùm, *parking,* ngã tư nào cũng Việt cũ Việt mới gọi nhau ơi ới, đúng là một Sàigòn thu nhỏ. Như ở Việt nam. Như ở Sàigòn. Nhưng ngọn triều lấn lướt của vè, gầu và của giả cầy tuy đã đẩy giạt được phần lớn dân Mỹ trong vùng, thích sống yên tĩnh và rất ky ồn động, phải rời chuyển ra những vùng kế cận, có một nếp sống đặc biệt Mỹ, một cảnh tượng thuần túy Mỹ vẫn còn ngày ngày khơi khơi tồn tại.

Đó là những người Mỹ, mỗi sáng, ra khỏi nhà, chạy bộ ở ngoài trời và ở ngoài đường, môn thể dục toàn quốc này, mà một tín đồ trung kiên là ông Tổng thống Mỹ đương nhiệm George Bush, người Mỹ gọi là *jogging. Jogging.* Cho máu huyết lưu thông. *Jogging.* Cho thân thể vận động. *Jogging.* Cho bắp thịt nảy nở, cho hơi thở đều hòa. *Jogging* còn là liều thuốc trường sinh thần diệu giúp cho mập ú hóa mảnh mai, gầy teo hóa đẫy đà, sống lâu trăm tuổi nữa. Ấy là Độ đã thấy hàng chục cuốn sách Mỹ dạy về cách thức *jogging* và cổ võ *jogging* nói vậy. Nhiều cuốn *best-sellers* in hàng triệu bản, dịch ra hàng chục thứ tiếng, bán hết vèo vèo ở khắp năm châu.

Từ ngày mà người thể tháo gia ở Độ chỉ còn thu lại tập luyện vào độc một môn thể dục có những động tác ngất ngưởng, rất lăng ba vi bộ, rất khỏe người mà không phải đổ một giọt mồ hôi nào là môn thể dục cô-nhắc, Độ khiếp hãi và thù nghịch với hết thảy những môn thể dục khác, kể cả *jogging* thứ thiệt là chạy bộ kiểu Mỹ ở ngoài đường.

Nhưng nhìn người Mỹ chuyên cần *jogging* mỗi sáng thì lại là một cái nhìn rất vui mắt. Và Độ thường đứng tránh sang một bên đường nhìn *jogging* Mỹ tới và *jogging* Mỹ qua. Vui mắt, trước hết ở nơi *jogging* có hẳn một y phục riêng, đủ kiểu, nhằm thuận hợp với tuổi người và khí hậu từng mùa của chạy bộ. Mùa hè, ngày nắng, vải vóc mỏng tanh, phất phới, hở vai, hở lưng, hở đùi, hở bụng. Thân trần nữa. Mùa lạnh, buổi sáng sương mù và không mặt trời, có buổi còn lất phất mưa, *jogging* nai nịt kín mít từ đầu đến chân, nhiều cái *jogging* đề phòng mưa gió còn chít khăn đội mũ, áo ấm thắt ngang lưng, vớ hai lần dầy cộm. Vui mắt và ngộ nghĩnh nữa là *jogging* không giống nhau mà cả ngàn cách thế khác biệt. Cặp vợ chồng Mỹ già này nặng nề, ì ạch, cùng chạy bên nhau, cùng rán phóng tới, nhưng không khí lại như một bức tường vô hình đẩy lùi trở lại, càng rán càng như dậm chân một chỗ. Tiểu thư Mỹ kia, chạy bộ mà như khiêu vũ theo một nhịp nhạc thầm, đôi chân lượn thành sóng cho thân hình cũng lượn theo. Kỳ dị nữa, lắm buổi còn có những *jogging* tư tưởng và hư vô chủ nghĩa, nơi nhiều chàng trẻ tuổi Mỹ, thân hình đầy đặc những hình xâm ma quái, anh chạy dềnh dàng vừa chạy vừa lẩm bẩm như đang đọc những lời chú Tây tạng, đang chạy thốt băng vụt qua đường rồi thôi không chạy nữa, anh chạy thoắt rẽ vào một ngõ cụt rồi chạy dội trở ra. Những cái sự *jogging* thất thần mê sảng này, Độ gọi chung là *jogging* điên.

Như thế, mỗi sáng, một thời gian, trong khu Tiểu Sàigòn và *jogging* Mỹ. Nhưng sự lấn lướt không ngừng gia tăng, với những lớp người Việt như một làn sóng từ khắp nơi tiếp tục đổ về, tràn chiếm những hè đường cản trở hết chạy bộ Mỹ. Và chạy bộ Mỹ thua, mỗi ngày một thưa vắng, mỗi ngày một rút lui. Nhiều buổi sáng, đứng khá lâu trên một bờ cỏ, ngó dọc đầu phố tới cuối phố, không thấy một bóng *jogging* Mỹ nào xuất hiện, Độ nghĩ quả là nước Mỹ siêu cường đã bị đuổi khỏi khu Tiểu Sàigòn cùng với môn thể dục chạy bộ ngoài đường lừng danh của nó. Cho tới một buổi sáng kia, *jogging* xuất hiện đột ngột trở lại, trước cặp mắt ngạc nhiên và vui thích của Độ. Cái sự *jogging* mới mẻ này không Mỹ mà Việt nam, nhưng đúng là *jogging*.

Thiếu phụ, trên cái đà chạy bộ lướt nhanh qua mặt, lần đầu Độ

không thấy rõ được khuôn mặt nàng, tầm vóc nàng, thân hình nàng. Phải sau mấy buổi sáng mới thấy. Lứa tuổi của nàng nữa. Không lượng đoán được buổi sáng đầu, chỉ đoán chừng được những buổi sáng sau.

Ở giữa khoảng 30 và 40, Độ thấy nàng đẹp và đúng nhất khi đặt tuổi nàng vào một lưng chừng mơ hồ không rõ rệt, nàng không có nước da rám nắng của người vùng Nam California, mà trắng muốt, trắng ngần, đường gáy như ngọc ngà, đường cổ như sữa đọng, của người từ một phương xa thiếu mặt trời vừa tới với Little Sàigòn lòa nắng. Khuôn mặt tròn, nét cằm tròn, sự tròn trĩnh được chữa lại bằng một cặp mắt sâu, đen thẳm, và một gờ mũi dọc dừa, rất Tây phương. Hơi đẫy một chút, da thịt đoán thấy những khu còn núng nính của mỡ đọng, chưa có kích thước tiêu chuẩn của một dân *jogging* đã mòn vẹt đế giầy. Chắc mới chạy thôi. Mái tóc búi chặt, đơn giản. Quần áo không giống với *jogging* Mỹ, sặc sỡ, mà đen tuyền, cái áo *chemise* đen, cái quần dài đen không thắt bó, thứ quần áo cho *jogging* cũng được, cũng được cho *shopping*, đi chợ hay hằng ngày ở trong nhà. Không có một nét khốc liệt, khác thường nào đập vào mắt. Ngoại trừ một vẻ đẹp dịu dàng. Ngoại trừ, *jogging* Mỹ đã di tản đi nơi khác, Việt nam trong khu Tiểu Sàigòn không ai *jogging*, một mình nàng ung dung *jogging*. Và điều làm Độ yêu thích nhất là nàng gợi nghĩ đến một cái gì không phải nàng và ở ngoài nàng. Như một góc sau của chợ Bến thành đầy ắp những trái cây tươi mới chở từ Lục Tỉnh lên. Như một hè phố Nguyễn Huệ, một buổi sáng chủ nhật. Như một vườn măng cụt Thủ thiêm, có một con đường nhỏ từ đường lớn dẫn vào, đầy bóng mát.

Jogging ở nàng rất đúng giờ, lộ trình của *jogging* cũng cố định, rất tiện cho Độ đón đường và chờ thấy. Mỗi ngày, tám giờ rưỡi sáng, đen tuyền chạy bộ xuất hiện ở đầu ngã tư Hazard, khởi sự chạy đi từ vỉa hè phía phải đường Bolsa qua khu Asian Village, và nhỏ dần và nhòa vào đám đông ở phía Magnolia. Mấy buổi đầu, Độ chờ nàng chạy trở về hè đường đã chạy. Không thấy. Đoán nàng về bằng hè đường bên kia. Sau mới biết là không phải. Tới đường Magnolia nàng ngoẹo mặt. Và chạy trở về nhà bằng những con phố nhỏ ở phía sau. Lối chạy của nàng

bình thường, không nhanh, không chậm, nửa *jogging* nửa nhàn tản, nét mặt bình tĩnh, tươi tắn, mắt nhìn thẳng, cặp mắt cũng tươi cười. Không ỳ ạch như mấy ông già bà già Mỹ. Cũng không thất thần như lối *jogging* điên của mấy gã đàn ông Mỹ, hình xâm đầy người và thuộc phái hư vô chủ nghĩa. Nàng chạy, mát mẻ, vậy thôi, giữa dòng người, không một giọt mồ hôi, không dồn dập hơi thở. Như một phụ nữ Việt nam, vui vui trong lòng muốn chạy một chút thì chạy, trên đường sang nhà hàng xóm chơi.

*

Một buổi sáng trên một bờ cỏ của con đường Bolsa, Độ cũng sẽ chỉ biết đứng ngắm cái *jogging* nữ phái và xinh đẹp chạy qua, người ta không thể vô cớ giữ lại một cái đang chạy qua để làm quen hay chào hỏi, như thế vừa đường đột vừa chẳng giống ai, nếu buổi sáng hôm đó, đúng 8 giờ 30, trời đang tạnh ráo chợt mưa đổ đột ngột. Độ rời cái bờ cỏ vẫn đứng, lùi lại mấy bước, ẩn mưa dưới một hàng hiên và nghĩ *jogging* chắc phải nghỉ ở nhà một buổi. Nhưng không, đầu đường Hazard, bộ quần áo toàn đen vẫn xuất hiện và chạy tới giữa mưa. Chắc nàng đã lỡ ra khỏi nhà rồi thì mưa cũng cứ chạy.

Sáng đó là một sáng chủ nhật, phố xá thường vắng vẻ. Lại trời đổ mưa nữa, nên suốt chiều dài của hè đường không có một ai, chỉ một mình nàng dưới mưa *jogging*. Nàng chạy tới, một mình, nàng chạy tới đơn độc, nàng chạy tới như một đương đầu với mưa đổ, nàng chạy tới, như một dũng cảm với chính nàng, thân hình in lên nền mưa bay nghiêng, mái tóc đọng mưa. Và nàng đẹp lạ lùng, đẹp vô tả khiến Độ không dừng được một cử chỉ, dù biết ồn ào và kinh động. Là khi nàng vừa chạy tới, chàng vỗ một tràng pháo tay thật dài, thật lớn. Như người Mỹ vỗ tay cổ võ cho một nữ đấu thủ Thế vận của giải đường trường *Marathon* đang đội mưa dẫn đầu của họ vậy.

Thiếu phụ chạy qua trước Độ nhiệt liệt vỗ tay, nhìn sang, cười với chàng. Độ đã tưởng nàng chạy tiếp. Nhưng không, chỉ thêm mươi thước rồi nàng đứng lại, và lững thững đi lên cái hàng hiên Độ đứng. Rũ rũ mái tóc, nhìn xuống quần áo:

- Trời mưa còn chạy, tôi khùng thật rồi.

Độ đứng ngây người trước một hấp dẫn lần đầu sát gần, lần đầu ở cạnh. Cười, không nhìn Độ:

- Ông vỗ tay làm gì vậy? Chọc quê tôi làm chi.

- Xin lỗi. Tôi thấy hay quá và không đừng tay được. Thời tiết nào mỗi sáng cô cũng *jogging* sao?

- Gần như vậy. Vì tôi đang rất thích, không muốn bỏ một buổi nào.

Liếc nhanh sang Độ:

- Mà ông thấy rồi còn hỏi làm chi. Tôi đã thấy ông. Mỗi sáng tôi chạy qua khúc đường này, mỗi sáng ông đứng ở bờ cỏ kia. Cái bờ cỏ ấy thì có gì. Thời giờ ông sao nhiều quá vậy?

Nàng đã thấy. Chẳng biết nói lại thế nào, Độ đành hỏi lảng:

- Cô chạy tiếp?

Nhìn ra cơn mưa nặng hạt dần dần, nàng lắc đầu:

- Thôi, chạy thêm mấy bước chắc ướt như chuột lột.

- Cô cũng bị thấm mưa rồi đấy, rất dễ cảm lạnh. Cũng chưa thể về nhà. Cũng không nên đứng lâu dưới hàng hiên gió lạnh này. Phía sau chúng ta, cách mấy bước thôi, có một nhà hàng đã mở cửa, có máy điều hòa không khí. Cho tôi được mời một tách cà phê. Cho cô ấm người lại và chờ mưa ngớt.

Thiếu phụ nhìn Độ. Khóe môi nàng thoáng một rung động nhỏ. Nàng nghĩ một chút rồi gật, đưa một ngón tay lên:

- Vâng, được. Nhưng một ly cà phê thôi nhé!

*

Không chỉ một ly cà phê thôi nhé! Mà nhiều. Nhiều như sau này. Trong cái quán cà phê, trò chuyện, làm quen kéo dài, nhờ ông trời giúp Độ một tay, thả thêm mây cho kéo dài trận mưa nghìn vàng tới gần trưa mới dứt. Tâm tính nàng rất cởi mở. Nói điều gì cũng rất bình thường và tự nhiên, sự bình thường và tự nhiên của một bản thể tốt lành và một tâm hồn cân đối. Hai người quen nhau. Tên nàng là Xuân. Minh Xuân. Cho Độ biết là vừa từ thành phố Salt Lake City ở tiểu

bang Utah sang sau khi xin nghỉ sở sáu tháng không lương ở bên ấy. Tới quận Cam, ở tạm nhà một người bạn gái ở Norwalk một tuần. Rồi đi ở riêng. Mướn một *apartment* cho độc thân gần góc đường Hazard, Bolsa chưa được một tháng. Thu xếp chỗ ở tạm tươm tất mất mười ngày. Rồi khởi sự ra đường mỗi sáng *jogging* thì ngay buổi đầu đã thấy Độ đứng trên bờ cỏ. Hỏi vì sao bỏ Utah sang khu Tiểu Sàigòn, cười, nói vắn tắt là vì một chuyện riêng. Cười, nói tiếp là vẫn chỉ thích những món ăn Việt nam, ở gần người Việt. Cười, nói thêm, với một thoáng nghịch ngợm, là còn thích vì trời Nam Cali quanh năm tạnh ráo, không nhiều tháng mưa tuyết như ở Utah, sáng nào *jogging* cũng được.

Trận mưa dứt hạt. Nàng bằng lòng nhận lời Độ mời bữa ăn trưa hôm sau ở một nhà hàng Việt nam trong khu Tiểu Sàigòn. Bữa ăn trưa hôm sau ấy, nàng bằng lòng đi ăn tiệm mỗi cuối tuần một lần với Độ. Nhưng đổi lại, với một ngón tay giơ lên, anh không được sáng sáng đứng trên một bờ cỏ, đón đường đàn bà *jogging* nữa. Điều mà Độ nghe theo. Điều làm nàng rất đẹp lòng. Và đổi lại, hai tháng sau trận mưa nghìn vàng, thân gần hơn gấp bội, nàng bằng lòng cho Độ được lâu lâu tới thăm. Một vài lần, *jogging* rồi, trên đường trở về còn ngừng lại ở một nhà hàng bán *food to go,* mua đồ ăn về đãi Độ ăn trưa nữa. Ăn trưa, thân mật, tay đôi ở cái *apartment* nhỏ, sáng láng, rất ngăn nắp. Với một cái giá thấp ở một góc phòng khách, hàng chục đôi giày chạy bộ đủ kiểu và một cái giá khác ở một góc phòng khác, mấy chục cuốn sách nói về *jogging*, dậy về *jogging*. Ở một bữa ăn ở nhà ấy, nàng giải thích cho Độ về cái thú *jogging* của nàng. Vẫn bằng giọng nghịch ngợm, như mỗi khi nàng nói tới môn thể dục hàng đầu của người Mỹ:

-Mới đầu em có biết *jogging* là cái quỉ gì đâu. Trên xe hơi đi làm chỉ thấy Mỹ già, Mỹ trẻ hùng hục chạy. Đôi khi cũng dừng lại một bên đường nhìn họ chạy qua như anh vậy. Rồi một hôm nằm nhà đọc báo, em tình cờ đọc hết một tờ dành trọn số trang cho mọi khía cạnh về đời sống của người đàn bà Mỹ bây giờ. Với những bản thống kê và trưng cầu ý kiến hàng ngàn phụ nữ mọi tuổi, mọi thành phần, số báo đưa tới những đáp số với em rất mới lạ. Như người đàn bà của thập niên 90

vĩnh viễn không còn lệ thuộc vào người đàn ông, như cái rẻ rách phải cuốn chặt lấy một trụ cột như xưa nữa. Trả lời vậy, đến ngót 90 phần trăm. Như người đàn bà sống một mình với một đời sống độc lập rất được, không sao, không thảm kịch. Trả lời vậy, 85 phần trăm. Như người đàn bà sống một mình có thể có những *enjoy* cho mình hệt như những đàn bà có hạnh phúc gia đình được không. Trả lời là có, rất *enjoy,* ngót 70 phần trăm. Tới *jogging.*

Bật cười, đập vào tay Độ:

- *Jogging* mà lười thể dục, anh nói anh khiếp hãi đến bạt hồn bạt vía. Đó là trước câu hỏi *enjoy* những cách nào thì *jogging* đứng đầu, 65 phần trăm.

Giọng hơi buồn đi:

- Lúc đó em cũng sống một mình như bây giờ, ở Utah. Nhưng khác với bây giờ là tinh thần xuống thấp, rất buồn. Vì sống một mình chưa quen. Vì sợ sống không nổi. Số báo Mỹ làm em kinh ngạc. Dựng em đứng thẳng lại. Với một lời nói trong đầu, như một xác quyết với chính mình: Hầu hết sống được một mình, ta cũng một mình ta sống. Và nếu *jogging* là một *enjoy* chính, sao ta không chạy bộ xem sao. Thế là em thử, những buổi sáng Utah. Thấy được. Thấy là chạy một độ đường dài, cảm thấy không trì trệ, không chôn vùi, giữa đời sống vẫn mỗi đầu ngày là một phóng tới, một chuyển động mạnh mẽ. Và *jogging* một mình như một hành động, một tỏ hiện độc lập vậy. Chạy xong, thân thể bừng bừng, về nhà dội ào nước lạnh, rất tỉnh táo, rất sảng khoái. Thật tốt. Vậy là em *jogging* và sang đây mỗi sáng mỗi *jogging.*

Thì vẫn *jogging.* Nhưng Độ đã trở thành một rào cản trên con đường chạy bộ kiểu Mỹ của nàng. Thêm vài tháng nữa. Những gặp mặt đã mang ý nghĩa của hò hẹn. Và những trò chuyện đã riêng tây như những tự tình. Chạy bộ trở nên không thường xuyên. Thỉnh thoảng có ngày không. Dần dần trở thành bữa đực bữa cái. Những buổi bộ đồ chạy toàn đen không xuất hiện ở đầu đường Hazard là những ngày nàng đã có hẹn với Độ. Đi chơi với chàng trọn ngày. Ra một bãi biển. Tới một thắng cảnh. Đi từ sớm, chiều tối mới về. Với lời

cằn nhằn của nàng, càng ngày càng chiếu lệ: "Anh lại làm mất một buổi chạy bộ của em rồi".

Sau cùng là cái "chuyện riêng" nàng nói với Độ lần gặp đầu, buổi sáng mưa. Cái chuyện riêng đưa tới *jogging*, tới rời khỏi Salt Lake City, tới đời sống độc lập:

- Tên ảnh là Tuyên. Sang Mỹ du học từ trước 75 rồi ở luôn không về. Gặp nhau, không như cái lối sáng sáng đón đường phụ nữ *jogging* của anh đâu. Mà một vụ họp hãng, em văn phòng Salt Lake City, ảnh văn phòng Georgia. Cuộc chung sống không vì tình yêu, chỉ như một hợp lý. Nhưng cũng được. Ảnh khác hẳn anh. Anh đùa cợt cả với những chuyện đứng đắn, ảnh thì rất mực nghiêm trang. Chỉ giống anh một điểm là chẳng thể dục thể thao gì hết. Bất đồ vợ con ảnh, xa cách và đứt liên lạc đã mười mấy năm sang được Mỹ. Ảnh khá ngay thẳng, cho em biết rõ chuyện vợ con tới. Để cho em quyết định. Nếu em không bằng lòng, ảnh sẽ thu xếp chỗ ăn ở cho vợ con mọi bề tươm tất, rồi ly dị vợ trở về sống lại với em. Em chưa biết quyết định thế nào, nhưng ngày vợ con ảnh tới, cũng ra phi trường, đứng nhìn từ xa. Thấy từ trong máy bay đi ra một người đàn bà chậm chạp, quê mùa và mấy đứa nhỏ ốm tong ốm teo, đứng ngơ ngác trước người bố xa lạ. Em nghĩ thầm: Cái thứ vợ con thế kia mà không có một người chồng, người bố ở cạnh thì sống thế nào được ở Mỹ. Nghĩ vậy rồi em bỏ đi luôn.

Chuyện kể lại buồn rầu, khiến cặp mắt sâu thẳm ứa lệ. Độ phải ôm chặt lấy thật lâu và dịu dàng an ủi mãi, chạy bộ kiểu Mỹ mới tươi cười lại được. Đập vào tay Độ:

- Rồi gặp anh đón đường. Độc lập vừa dành lại được thế là tiêu luôn. Hỏng luôn cả *jogging* của em nữa. Thôi, từ mai không hẹn gì buổi sáng với anh nữa. Để cho em lại chạy bộ mỗi ngày, kẻo mập ú đến nơi.

*

Nhưng cái đầu đường Hazard, như mấy con đường Brookhurst, Westminster cửa tiệm từng khu từng dẫy, con đường Bolsa, Magnolia quán ăn từng bó từng chùm, là để cho chợ búa, ăn nhậu, buổi sáng

bún thang, buổi trưa cháo lòng, buổi chiều tiết canh. không phải chỗ cho *jogging*. Như *jogging* Mỹ đã phải đi chơi chỗ khác. Cũng không phải chỗ cho những kẻ sáng sáng đứng trên một bờ cỏ, đón đường nữ phái chạy bộ. Cái bờ cỏ không còn thấy Độ nữa. Nơi đầu đường Hazard cũng mất đi cái bộ đồ chạy bộ màu đen.

Hạnh phúc không cần *jogging*. Kể cả *jogging* thứ thiệt, *jogging* kiểu Mỹ. Hạnh phúc không đem tới máu huyết lưu thông, chẳng làm cho thân thể vận động cũng không sao hết. Nó mập ú hay nó gầy teo thế nào cũng được hết. Và hạnh phúc giống người Mỹ ở khu Tiểu Sàigòn, thích sống yên tĩnh, rất sợ ồn động đã lần lượt rời khỏi khu Tiểu Sàigòn. Nó cũng rời đi. Bằng sự rời đi tuyệt vời của nó, hư ảo và hoang đường, đến một thế giới riêng. Thế giới ấy, hết thảy bạn hữu của Độ ở khu Tiểu Sàigòn mãi mãi đều không bao giờ biết được là thế nào và ở đâu.

TRẦN THỊ LAI HỒNG

đông miên

*

nhà ta ẩn dưới cội tùng
trúc che nửa mái mây lồng ngoài hiên
cỏ cây còn lánh muộn phiền
lãng quên say giấc đông miên mặc đời
cội mai gầy dưới chân đồi
trầm tư lặng lẽ đơm ngời sắc hoa
chợt nhìn ngỡ cánh tuyết sa
đong đưa gió thoảng hương mùa vừa sang
âm thầm hoa báo tin Xuân.

LUÂN HOÁN

bi ca

*

1.
Giết em không phải tầm thường
yêu em tôi tập đau buồn trước tiên
phải chi mình đừng gặp tiên
gặp rồi đau đớn triền miên thế này

2.
Đêm qua tắm, cắt móng tay
ủi quần áo, đánh bóng giày hẳn hoi
sáng nay em bận học bài
uổng công tập nói yêu... hoài cả đêm

3.
Con chim đội mũ thất tình
dậu đâu cũng khóc một mình thảm thay
lòng tôi không biết sao đây
nhánh thơ cứ trổ dòng cay đắng hoài.

NGÔ NGUYÊN DŨNG

núi man rợ

*

- Dạ, thưa ông cảnh sát trưởng, chúng tôi vẫn sống hạnh phúc bên nhau hơn mười năm nay. Trước ngày anh ấy mất tích, chúng tôi không có xích mích chuyện gì cả.

Người cảnh sát trưởng từ tốn tháo cặp kính cận đặt lên mặt bàn, rút khăn tay lau mắt. Cặp mắt ông trông nhỏ hẳn lại, đỏ ngầu mệt mỏi. Ông cất giọng điềm tĩnh:

- Tên chồng bà đọc như thế nào nhỉ? Tôi cứ quên mãi.

- Luận, thưa ông. L u a n.

- A, Lu-an. Chỉ có vậy mà không nhớ, xin bà tha lỗi cho. Còn người bạn gái của bà... xem nào... phải tên "Hang" không?

- Vâng, Hằng.

Người đàn ông dùng hai ngón tay mập ú mầy mò gọng kính thép, trông như con cua quơ càng lưỡi biếng kẹp cọng rong biển, không một chút hứng thú. Rồi hai ngón tay nâng gọng kính, đeo lên mắt. Đôi mắt xanh đục chợt trở nên sống động. Bung ra. Nhen ánh sáng.

- Xin lỗi bà vì mấy câu hỏi đường đột, nhưng bổn phận của tôi là phải tìm cho ra lý do về vụ mất tích lạ lùng này... Bà có nghĩ rằng ông Lu-an và bà "Hang" có tư tình với nhau không? Ồ, câu hỏi ngu xuẩn quá. Đúng ra, tôi phải hỏi thế này, bà có nghi ngờ gì về mối quan hệ giữa chồng bà và bà "Hang" không?

Một vài giây im lặng. Đủ để nghe tiếng vòi nước bồn sứ không vặn

chặt nơi góc phòng nhểu giọt tách... tách... Và cả sự im lặng cũng tạo nên tiếng động, những thanh âm u u giao thoa nhún nhảy trong đầu.

- Không... chắc không...

- Câu trả lời của bà không được dứt khoát.

- Tôi đang tra lục trí nhớ, thưa ông. Chồng tôi bặt thiệp, ăn nói hoạt bát, rất hiếu khách, nhất là đối với phái nữ. Thành ra cho đến bây giờ, tôi vẫn không rõ là anh ấy có tình ý gì với Hằng hay không.

- Chuyện ấy mà bà phải ưu tư đắn đo thế kia, chắc là không có gì rồi, vì tôi hoàn toàn tin cậy vào giác quan thứ sáu của nữ giới, nhất là trong lãnh vực tình cảm.

- Tôi không biết. Tôi không có cảm tính quý báu đó.

Người cảnh sát trưởng lại tháo kính, lần này để lau mồ hôi rịn trên trán và dưới vòm mắt. Bầu không khí nóng hâm hấp, dù cánh cửa đã mở hé. Vẫn im lặng. Hay vì quá chú tâm để trả lời những câu hỏi cho mạch lạc mà người đàn bà không nhận ra sự sống quay mòng bên ngoài khung kính. Tiếng động cơ rú ga rồi lạc lõng mất hút. Tiếng giày nện ngoài hành lang. Tiếng chuông điện thoại nơi nào vọng lại, sai nhịp rồi tắt. Tiếng máy chữ lọc cọc nho nhỏ, như những ngón tay gõ lên phiến gương ký ức, truy lục tận cùng tâm thức.

- Oi bức quá. Thôi, ngừng ở đây vậy. Có điều gì cần hỏi, tôi sẽ liên lạc với bà sau.

Nhìn ánh mắt ngờ vực của người đàn bà, ông cảnh sát trưởng cười xòa:

- Thật ra, bao nhiêu đó chi tiết cũng đủ lắm rồi. Chỉ là một vụ mất tích. Bà ra phòng ngoài, điền vào tờ khai lý lịch, hình dạng và những điểm cá biệt của chồng bà để cảnh sát điều tra. Chúc bà một buổi tối đẹp. Cám ơn. Chào bà.

*

Dãy núi đá mọc dựng, mũi nhọn chĩa lên trời, trông như những cây giáo của người tiền sử đục đẽo vụng về, sót lại sau cơn tiên tai. Từ xa, ngọn núi chỉ gợi cảm giác đê mê lạ lùng. Như thỏi nam châm có sức hút những tâm hồn mẫn cảm. Dưới chân đèo nhìn lên, gần hơn, đã

có thể bắt được nét man rợ của lớp đá núi xếp gấp lên nhau, tỏa màu chì đã chín mùi, ửng tím, lóng lánh sắc xanh, bốc rờn rợn ánh lửa quang phổ Barium màu lục. Ngoằn ngoèo uốn lượn một đường đèo hẹp. Mây vắt sóng soãi lưng chừng. Sườn núi ẩm ướt như lên cơn sốt, tỏa hơi lãng đãng. Những sợi khói tan nhẹ vào không gian, chẻ không gian ra mà thẩm thấu, soi mòn ảm đạm một nỗi sầu vô cớ. Chiếc xe lừ đừ trườn quanh co. Lên cao, lên cao dần. Tới một lúc, xe bị ngọn núi nuốt chửng. Chung quanh chỉ toàn một màu xám, lòe nhòe phân ranh với bầu trời trong vắt, ngậm màu xanh không đáy. Trên những đụn đất mỏng, cỏ phủ kín và những rặng thông rướn cành yếu ớt.

Mỗi năm, khi hè phất phơ nắng ấm, Luận và Mai Khanh lại háo hức sửa soạn đón vợ chồng Giao và Ngân Hằng đến thăm, để sau đó cùng nhau du ngoạn về nơi có đỉnh núi đá. Luận đã kể cho Mai Khanh nghe về thắng cảnh ngoạn mục này. Nơi đó, vài ngàn năm trước là một ngọn hỏa sơn đỉnh nhọn. Sau những trận phun lửa kinh hồn, dai dẳng, mỏm núi bị khoắm một đường kính dài chừng cây số. Khi ngọn núi ngưng hoạt động thì mặt đất chuyển động ầm ầm, nứt ra vô số vực sâu, vẽ thành đường loằng ngoằng như những lằn sấm chớp. Từ đáy vực thăm thẳm đen ngòm nóng rát ấy, trồi lên nhiều khối đá khổng lồ, như những cây nấm sắt, lầm lì nhả khói. Dãy núi đá tạo thành một hàng rào thiên nhiên bao bọc mỏm núi hõm sâu. Rồi mưa rót nước vào. Gió mang bụi và đất phủ lên những trũng nham thạch. Hạt cỏ và phấn thông cũng theo gió về cư ngụ trên những cồn đất ốm. Vũng nước hỏa sơn đầy dần, thành một cảnh hồ thủy mênh mông. Nước hồ hòa với chất đồng và lưu huỳnh trong không khí, thành một màu xanh huyền bí. Cõi thiên nhiên mầu nhiệm đầy hấp lực ấy lôi cuốn hai cặp vợ chồng trẻ mạnh mẽ đến nỗi, năm nào họ cũng hẹn nhau cùng viếng thăm thắng cảnh ấy.

Từ khách sạn nằm dưới chân núi lên tới đỉnh mất chừng nửa tiếng. Suốt hai tuần nghỉ hè, họ lên đây cắm trại từ sáng đến chiều bốn lần cả thảy. Mang theo thức ăn, nước uống cho cả ngày. Ngoài những buổi đi dạo, hai người đàn ông chơi cờ, bàn bạc chuyện thời sự; hai người đàn bà đọc sách, đan áo hoặc kể nhau nghe bí quyết xào nấu

một món ăn, chăm sóc da mặt... Rất ít khi cả bốn có một đề tài trò chuyện. Luận trầm lặng nhu mì. Giao thăng trầm nhưng nông nổi. Mai Khanh liến thoắng và khôn ranh. Còn Ngân Hằng hồn nhiên nhí nhảnh như con chim chưa hề rét mướt trong mưa bão. Bốn mảnh tâm hồn từ đất quê nhà sang đây, tấp vào nhau chỉ vì cùng yêu một cảnh thiên nhiên hùng vĩ. Luận bị bầu không gian câm lặng tê điếng của những trụ núi đá mê hoặc, nhất là những ngày trời nổi mây, lộng gió. Ngắm những đụn mây xám ngắt cuốn oặn uốn quanh những mỏm đá nhọn lêu khêu, Luận cảm thấy rợn người. Như tan vào vùng huyễn hoặc không đáy. Trong khoảnh khắc, chuỗi thời gian từ quá khứ sơ khai ào ạt trở về, xóa mất lằn ranh chia cắt hiện tại. Dòng phún xuất thạch như con trăn đỏ trườn mình xuống sườn núi tím. Con trăn ấy bò vào giấc mộng chàng, há miệng phun lửa. Nóng rực. Sáng ngời. Luận giật mình ngồi dậy, mồ hôi rịn ướt ngực trần. Chàng xỏ quần đùi, rón rén tốc chăn, mở cửa ra ban-công ngắm trời đêm miệt núi. Đêm xanh tím. Khi tia nhìn đã quen với bóng tối, chàng có thể nhận ra rặng thạch sơn in hình lờ mờ nơi chân trời, hắt yếu ớt một đường sáng cắt góc màu lục non. Luận nghĩ đó là ánh sáng của mây bụi ngoài vũ trụ rơi vào hai từ cực trái đất. Hay cũng có thể do mặt hồ hỏa sơn chứa nhiều sul-phát đồng phát quang mà thành. Luận bấu tay vào thành ban-công. Người run lên. Cảm giác muốn lao mình xuống khi đứng từ đỉnh cao nhìn xuống đáy vực lại rậm rật nổi loạn. Gió đêm liếm mồ hôi chàng tuôn thành dòng xuống ngực và sống lưng, mát lạnh. Núi vẫn câm nín. Mây vẫn trơ trẽn giao hoan cùng những đỉnh đá nhọn. Man rợ và say đắm.

Mai Khanh không cho Luận cảm giác đó khi hai người yêu nhau. Mai Khanh thật quá. Khi Luận hôn nhẹ lên má nàng, xoay người gặm nhấm khoái lạc tí tách âm ỉ trong huyết quản, chàng có cảm tưởng, người đàn bà ấy đã bước vào cuộc đời chàng mềm mại như một chiếc bóng.

*

Người cảnh sát trưởng mở hộp thiếc, mời Giao thuốc lá. Chàng

rút một điếu cắm lên môi, nhìn người đàn ông ngồi đối diện từ tốn giơ hai ngón tay mập ú bốc lấy điếu thuốc, nhẹ nhàng kỳ lạ, gần như âu yếm. Khẽ đóng nắp lại, Giao nhận ra những đường hoa văn gô-tích khắc trên nắp hộp. Người cảnh sát bật lửa. Mùi xăng tỏa nồng. Bàn tay thô kệch ấy châm lửa cho Giao, cặp mắt tinh ranh ngắm chàng sau lớp kính. Bất động vài giây. Không thể đoán được ông ta nghĩ gì. Giao hít một hơi dài, sâu vào hai buồng phổi, nhả khói ra mũi và miệng. Hơi thuốc khiến chàng ngầy ngật. Chàng đã bỏ hút từ nhiều năm nay. Ký ức chàng theo khói thuốc tuôn chảy nồng nàn. Hiện lên lừng lững những mỏm đá màu tím than, ngạo nghễ nhọn lểu, man dại kiêu hãnh. Nhưng quyến rũ vô cùng, như thể dãy núi là những thanh nam châm hút bật ra những phân tử sắt trong máu.

Như đọc được ý nghĩ chàng, người cảnh sát trưởng cất giọng hỏi:

- Ông cảm nhận điều gì khi đứng trước cảnh thiên nhiên hùng vĩ đó?

- Nhỏ bé.

Người cảnh sát trưởng lim dim mắt, không nói.

- Vâng, tôi thấy mình nhỏ nhoi, tầm thường, nông cạn và dơ bẩn vô cùng. Và tôi bắt đầu suy tư.

- Như vậy có nghĩa là trước đó, ít khi nào ông suy tư?

- Đúng hơn, không có dịp để suy nghĩ, có lẽ vì đời sống vội vã quá.

- Hành nghề địa ốc như ông, mấy ai có nhiều thời giờ?

Giọng Giao thấp xuống như tâm sự:

- Thật ra, tôi không phải là một người hay suy nghĩ, không giống như Luận. Chúng tôi là hai thái cực. Luận trầm tĩnh, sống nhiều với nội tâm. Còn tôi thích động, chuộng những nơi huyên náo. Dù vậy mỗi năm một lần, chúng tôi vẫn tới miền núi đó để nghỉ mát, coi như một đại lễ thường niên. Nếu dân tộc ông hằng năm, tới độ tàn đông lại ăn mừng lễ hóa trang thì vợ chồng chúng tôi đi xem núi đá vào mỗi mùa hè, đâu có gì lạ.

Người cảnh sát trưởng cười khề khà:

- Lạ chứ, vì có tới hai người mất tích, và một trong hai là vợ ông.

Không đợi ông ta hỏi thêm, Giao bắt đầu câu chuyện với điếu thuốc sắp lụn giữa hai ngón tay:

- Như những lần trước, sáng đó chúng tôi khởi hành từ sớm, lúc thái dương vừa hé ở phương đông. Đêm trước trời nhiều sương, rơi ướt đẫm kính xe, phủ dầy đặc cả nương bắp dưới thung lũng. Luận giữ tay lái. Mai Khanh ngồi cạnh. Vợ chồng tôi ngồi ở băng sau. Ngân Hằng than mệt, tôi biết lý do tại sao, vì đêm qua nàng nằm mộng dữ, thức giấc giữa chừng, rồi chập chờn thức ngủ cho tới sáng. Nàng kể cho tôi nghe, đã chiêm bao thấy đi lạc giữa những ngách đá. Bầy dơi trong hang tối nghe động, xua cánh tan tác, hé những chiếc mõm nhú răng nanh chơm chởm. Tiếng cánh đập cấp bách, kinh hoảng càng lúc càng khủng khiếp hơn khi mặt đất dưới chân nàng chợt rúng động. Vách đá ngậm nước ẩm ướt cựa mình như những xác chết từ đáy huyệt lồm cồm đẩy nắp quan tài, đội đất trồi lên dương gian. Trận địa chấn càng lúc càng dữ dội, cộng thêm sấm sét, rạch những đường quang điện lên da trời màu sắt rỉ. Ngân Hằng nói với tôi: "...và gió dậy như nổi bão. Cuốn theo những con dơi yếu đuối. Kéo thốc em lên đỉnh núi đá chập chùng ẩn hiện theo từng đường sấm lóe. Đất vẫn không ngừng rung chuyển, lắc lư âm ỉ. Từng lớp đá vô tri vã mồ hôi theo cơn lâm bồn kỳ lạ. Rồi mưa tuôn ồ ạt. Em tưởng tượng ra cảnh hoang sơ trên mặt địa cầu khi đấng tạo hóa dựng trời lập đất. Gió đưa em tới đứng trước miệng hỏa sơn. Khói bốc cao ngút. Bụi vũ trụ từ lòng đất bắn lên, rơi xuống bám đầy tóc và hai vai em. Ngọn núi đá lung lay như chực ngã. Từ hố hỏa sơn đen ngòm rực khói ấy, đột ngột trườn lên một khối nham thạch đỏ hỏn, trông như một quả trứng lửa khổng lồ. Hơi nóng hắt vào người em bỏng rát, đẩy em rơi xuống sườn đá dựng cheo leo. Em chấp chới trong không gian đỏ lừ vấy máu, thấy đứa con hực lửa của ngọn núi man rợ úp xuống người mình..." Thưa ông cảnh sát trưởng, có lẽ ông nghĩ rằng vợ tôi là một người giàu tưởng tượng. Không, nàng ngây thơ và thực tế vô cùng. Cũng vì vậy mà tôi rất ngạc nhiên khi biết nàng ngủ mộng những điều quái gở đó. Chắc ông đang tự hỏi, giấc mơ ấy có liên quan gì tới sự kiện nàng và Luận đột nhiên mất tích cùng một lúc? Biết đâu chừng có, thưa ông, vì trưa ấy sau khi

chúng tôi đi dạo trở về chỗ dựng lều thì mây xám kéo tới thâm u. Gió quất những đường roi hung bạo lên mặt hồ xám xỉn. Ánh sáng tắt ngấm. Trong thoáng chốc, cả vùng dã sơn trong hoang vu tựa miền đất bị loài người vô tâm bỏ quên. Đợi một hồi thì mưa tới. Chúng tôi rối rít chui vào lều trú mưa. Không hiểu những người khác nghĩ sao chứ lòng tôi lúc ấy xốn xang lạ lùng. Luận bật lò khí đốt, nấu nước pha trà. Nhìn ngọn lửa *propan* ánh màu vàng tái, tôi cảm thấy mọi chuyện bỗng trở nên mơ hồ quá. Tất cả đều không có thật. Hồ núi lửa, cơn mưa hè muộn, chung trà bốc khói và cả bốn người chúng tôi nữa. Có đó mà như không, vì đời người ngắn ngủi biết chừng nào, so với khoảng thời gian đất trời bất tận và cõi không gian mênh mông vô biên...

Giao ngập ngừng ngưng tiếng, chớp mắt. Người cảnh sát trưởng vẫn im lặng, bình thản chờ đợi nghe lời giải của một câu đố khó.

- Cơn mưa núi giam chúng tôi lại đấy trọn ngày. Thật ra nếu chúng tôi nhất quyết trở về thì chỉ cần chạy ra xe, lái xe xuống núi, để lều lại, mai vòng trở lên tháo dọn cũng được, chẳng sao. Nhưng khi Luận lên tiếng đề nghị ở lại qua đêm, chúng tôi đều đồng ý. Tôi có cảm tưởng trong giây phút đó, chúng tôi không phải là bốn người với bốn cá tính riêng biệt nữa, mà đã nhập lại thành một, đồng điệu với cảnh sắc thiên nhiên man rợ ngạo nghễ vây quanh. Cơn mưa làm đêm mùa hè đến mau hơn. Tám giờ, trời đã xẩm tối. Chúng tôi ăn bằng mấy thứ còn lại sau bữa trưa. Rồi Luận và tôi chạy ra xe, mang vào cây đèn khí và mớ chăn dạ lúc nào cũng bỏ hờ trong thùng xe. Chúng tôi uống trà, bàn bạc chuyện người chuyện mình, những va chạm trong cuộc sống. Khi bóng tối đặc quánh chung quanh thì trời dứt mưa. Vẫn không ai muốn về khách sạn. Chúng tôi vén lều bước ra ngoài. Đêm miệt núi trầm mặc bí ẩn như một pho kinh. Trong màn đêm lạnh lùng, chập chùng bất trắc, ngọn đèn khí từ lều vải toát ra một thứ ánh sáng yếu ớt vô cùng. Như một chấm sao bé nhỏ lạc lõng trong triệu triệu chấm sao trên trời đêm thênh thang. Lúc ấy tôi chợt nghĩ, tỷ như có đời sống trên một hành tinh khác ngoài thái dương hệ, từ đó các sinh vật nhận thấy trái đất cũng chỉ là một vì sao lớn phản

chiếu lấp lánh ánh sáng mặt trời. Ông đừng cho là tôi mơ mộng hão. Không đâu, những điều mà người khác cho là phi lý ấy đã được tôi suy gẫm nhiều lần. Cuối cùng đi tới kết luận, mỗi cá nhân chúng ta hoàn toàn không có một giá trị gì cả. Khi loài người lên tiếng đòi "chinh phục thiên nhiên" thì đó chỉ là cách để họ giải tỏa những ẩn ức, những khát vọng sinh ra từ mặc cảm tự tl, chứ làm sao con người có thể chế ngự được thiên nhiên! Và tôi bỗng rùng mình khi bắt được điểm then chốt: muốn chế ngự thiên nhiên, mình phải "nhập" vào nó! Điều đó đồng nghĩa với vái chết. Vâng, chỉ khi chết chúng ta mới có thể nhập vào cõi đất trời ngạo mạn ngoài kia...

Người cảnh sát trưởng nhìn thẳng vào mắt Giao, chau mày nhẹ. Như người bị thôi miên, Giao vẫn tiếp tục câu chuyện bằng một thứ ngôn ngữ mắt xích, tuôn ra như sợi dây neo rớt mãi xuống lòng đại dương không đáy.

- Không ai trong chúng tôi muốn đi ngủ sớm. Mưa xong, thời tiết mát mẻ lạ thường. Tôi đề nghị để hai người đàn bà ngủ trong lều, còn Luận và tôi ra xe ngủ. Tất cả đều đồng ý. Đã quá nửa đêm mà chúng tôi vẫn còn ngồi ngoài bến đá, vì trước đó Ngân Hằng cất tiếng dự đoán, mây sắp sửa tan và trăng sao sẽ hiện. Thật vậy, trò chuyện quanh quẩn một hồi, ngẩng lên chúng tôi thấy mây chỉ còn vài phiến xám mỏng trôi vội vã trên khung trời đẫm màu xanh pha sắc tím. Một vầng trăng con treo lơ lửng và ngàn sao chập chùng chớp tắt những vòm mắt liêu trai. Vũ trụ huyền diệu như chuyện thần tiên. Ngó xuống, tôi thấy khói phong sương phủ lên mặt hồ hỏa sơn một lớp chăn mỏng, run rẩy lùa theo gió phất. Bao quanh, như một bức trường thành, dãy núi đá in hình đen sẫm lên nền trời lấp lánh trăng sao. Ánh trăng chiếu xuống mặt nước ngậm sul-phát đồng, hắt lên những tia sáng màu lục đẹp lạ lùng, như có hằng hà sa số con trai ẩn dưới lòng nước sâu đồng loạt há vỏ, chiếu ánh ngọc lóng lánh màu lam bạc lên vòm trời đêm. Tôi rùng mình chới với trước cảnh sắc tuyệt vời ấy, quay sang ôm Ngân Hằng trong tay, đâu ngờ rằng đó là lần cuối... Chúng tôi ngồi ngắm đất trời tới khi người chớm lạnh sương khuya mới đi ngủ. Sau một ngày dài mệt mỏi, tôi chìm vào giấc ngủ say.

Nắng và tiếng ngỗng trời oang oác trên không đánh thức tôi dậy. Không thấy Luận bên cạnh. Cửa xe khép hờ, khung kính mờ hơi sương. Tôi xỏ giày, khoác túi ngủ quang người vì hơi núi ban mai se sẽ lạnh; bước qua liều vải, lên tiếng gọi một lúc thì chỉ thấy có mỗi Mai Khanh vén liều ló đầu ra, nét mặt ngái ngủ. Tôi ngạc nhiên hết sức khi nghe Mai Khanh nói là không biết Ngân Hằng thức dậy lúc nào và bỏ đi đâu mất. Tôi kêu lên: "Cả Luận nữa." Chúng tôi hốt hoảng nhìn nhau. Mai Khanh hấp tấp mặc áo choàng, tốc liều bước ra ngoài, cùng tôi lùng kiếm những nơi gần đó. Tới khi nắng lên cao, mồ hôi rịn đầy trán, mặt hồ núi lửa lạnh lùng lóe ánh thái dương, chúng tôi vẫn không tìm ra Luận và Ngân Hằng. Mai Khanh bắt đầu bấn loạn, ngồi phịch xuống phiến đá núi, ôm mặt khóc rấm rức. Tôi bắc loa tay, luân phiên gọi Hằng và Luận. Âm thanh va vào vách đá vây bọc, vọng lại trầm trầm, nghe như chuỗi cười nhạo báng. Khi đó tôi mới nhận ra bộ mặt lầm lì hung bạo của dãy núi đá. Chúng có lực hút vô hình mạnh mẽ của một khối nam châm vĩ đại, kéo tới, kéo tới mãi, không rời... Chờ cho nắng bớt gắt, tôi và Mai Khanh tìm lối leo lên mỏm núi gần nhất. Đứng nhìn từ xa, tưởng dễ, đến gần mới thấy vạn nan. Cạnh sắc gie ra lớp lớp, bén như dao. Những chỗ bằng lại đọng sương mây trơn trợt. Ngẩng đầu lên, mây trắng cuốn gió lưng trời băng ngang trùng trùng, tạo cảm giác như chỏm đá nhọn đang cùng lượt lao về một phía, chực đổ xuống. Loay hoay một hồi, chúng tôi tìm ra một ngách hẹp dẫn lên cao. Tôi đi trước mò mẫm mở lối, rồi nắm tay kéo Mai Khanh theo sau. Đâu chừng nửa tiếng, không gian dường như đổi khác. Không còn nghe tiếng chim muông trẽo trẹt gọi bầy. Cả hơi thở vi vu của rừng thông xanh mởn. Tưởng như thể tôi vừa bước qua lằn ranh phân chia giữa sống và chết. Hay nói cách khác, giữa bên này và bên kia đời sống. Nơi đây chỉ còn gió, vách đá và mây mù. Gió lách qua những khoen đá thủng, những rãnh nham thạch bị thời tiết soi mòn, phát ra những âm thanh quái dị. Như những bàn tay đẫm mồ hôi đập vào nhau chan chát. Như tiếng tru thảm thiết của bầy sói tuyết sơn. Như những thân tre dập nát hung hãn xô vào nhau rầm rập. Như lời đay nghiến của những hồn ma chưa tới hạn đầu thai. Mai Khanh sợ hãi

ôm lấy tôi, váy đầm lụa mỏng màu nguyệt bạch run giật trong gió chướng. Vẫn không thấy Luận và Ngân Hằng đâu. Lưng chừng trời có những cánh quạ đen lao chao lượn lờ, bật vài tiếng kêu khản, lúc được lúc mất. Chợt nỗi sợ hãi bất ngờ xô tới. Chúng tôi dáo dác nhìn quanh, rồi không hẹn, cùng níu tay nhau chạy xuống triền núi hiểm trở. Tay áo Mai Khanh vướng gai nhọn, rách toạc một mảnh, sướt da rướm máu. Cái sợ át cái đau, nàng bặm môi lao theo đà tay tôi. Cuối cùng, không biết bằng cách nào, chúng tôi cũng xuống được bên dưới. Khung cảnh vẫn vậy, bình thản như không có chuyện gì xảy ra. Chúng tôi vội vàng thu dọn lều vải, gom góp đồ đạc vào xe, lái xuống thung lũng, tìm tới ty cảnh sát, thông báo mọi sự...

Bây giờ, người cảnh sát trưởng mới lên tiếng hỏi:

- Họ có cho người đến đấy tìm kiếm chứ?

- Có, nhưng chỉ tìm thấy mảnh áo rách của Mai Khanh vướng trong bụi gai và những dấu chân người giẫm nát lối cỏ hẹp dẫn lên đỉnh núi đá. Của chúng tôi. Chỉ có vậy, thưa ông.

Đôi mắt người cảnh sát trưởng khép lim dim, miệng lẩm bẩm:

- Lạ nhỉ! Thật là lạ.

Đột ngột giọng ông ta trở nên sống động:

- Riêng anh nghĩ như thế nào về câu chuyện mất tích đầy bí ẩn này?

Giao nhún vai, ngần ngừ đáp:

- Tôi hoàn toàn không có một khái niệm nào cả. Chắc chắn một điều, ông còn biết nhiều vụ biệt vô âm tín không tìm ra tông tích khác nữa. Có những người chồng nói với vợ, ra hiệu tạp hóa mua một bao thuốc lá rồi không bao giờ trở lại. Có những người vợ, sau bữa cơm tối, mang rác xuống nhà đổ rồi biến mất, như những sợi khói tan nhập mãi mãi vào không gian. Chỉ có thể giải thích thế thôi.

Người cảnh sát trưởng gật gù, lập lại:

- Chỉ có thể giải thích như thế mà thôi.

Và ông ta nhún vai, nét mặt lộ vẻ ngao ngán.

TRẦN THỊ DIỆU TÂM

một mẩu tin buồn

*

Anh Vũ Khuê, nguyên trưởng ty Lao động tỉnh Bà rịa, nguyên giáo sư trường Võ bị Quốc gia, nguyên tổng thư ký nguyệt san Đa Hiệu, đã tạ thế tại Đàlạt ngày 25-12-1989. Anh chết đang lúc trên đường hành nghề đi bán bong bóng và vé xổ số.

Cái chết nào cũng như nhau. Hai tay rồi buông xuôi. Hai mắt rồi phải nhắm. Nhưng quan trọng hơn là trường hợp chết. Anh Khuê chết đang trên đường đi bán bong bóng và vé xổ số. Điều này tưởng chừng như có vẻ nghịch lý với ba chữ *nguyên* của anh.

Nghịch lý bởi vì sự sống và sự chết của anh chẳng tương quan gì với nhau cả. Sống một đằng, chết một nẻo. Thế nhưng, có một điều gì đó nơi anh làm tôi xúc động. Tôi muốn tìm hiểu tại sao anh đi bán bong bóng, tại sao anh đi bán vé xổ số. Hai loại hàng tôi cho là "kỳ ảo".

Bong bóng là một vật thể đẹp có nhiều màu sắc reo vui. Hình tròn. Nó tượng trưng cho một điều toàn hảo, nhưng khó cầm giữ, lại rất dễ vỡ, rất dễ hư không, và có thể bay bổng. Con nít rất mê.

Vé số là một tấm giấy có mang những con số từ 0 đến 9. Những con số nằm đảo lộn, không theo một thứ tự sắp xếp nào. Nó tượng trưng cho một hạnh phúc, dù là hạnh phúc treo lủng lẳng cuối tận chân trời. Người lớn rất ham.

Bong bóng là ảo vọng hạnh phúc của tuổi thơ. Vé số là ảo vọng hạnh phúc của người lớn.

Xã hội Việt nam sau 75. Con người sống cùng quẫn khốn đốn, hạnh phúc dù biết là ảo vọng đi chăng nữa, họ vẫn luôn luôn mơ ước, vẫn luôn luôn hy vọng bắt lấy, nắm giữ.

Anh Vũ Khuê muốn mình là kẻ đi rao bán hạnh phúc nhỏ bé, cho trẻ em và cả người lớn.

Tôi tưởng tượng ra anh, mỗi ngày đạp xe đạp gò lưng leo lên những con dốc cao, chạy đổ về các thung lũng quanh co, các nẻo đường Minh Mạng, rạp hát Ngọc Điệp...

Những chiếc bong bóng xanh đỏ trắng vàng theo anh bay tung tăng trong nắng sớm. Trẻ con đưa mắt đợi chờ.

Đâu đây, tiếng một đứa bé khóc.

- Nín đi, để mẹ mua cho con chiếc bong bóng.

Đứa bé cầm bong bóng, hớn hở, thôi khóc. Người mẹ nói:

- Anh cho tôi một tấm vé số tuần tới xổ đi.

Cầm tấm vé số, nhìn những con số bí ẩn kỳ lạ, người mẹ cảm thấy lòng nao nao.

Hành trình của anh Vũ Khuê là hành trình đi vào thiện, bởi vì anh đưa niềm an ủi và hy vọng đến cho tha nhân.

Thế nhưng điều thiện thường khó sống, không sống lâu, điều thiện luôn luôn thuộc về một cõi cô đơn nào đấy. Anh Vũ Khuê chết, anh chết vào một ngày Chúa giáng sinh đem tình yêu cho nhân loại, và đem yêu thương cho riêng anh. Anh chưa kịp nhận thì anh đã chết.

Cái chết không loại trừ một ai.

- Tại sao chết?

- Tại vì đau khổ.

- Tại sao đau khổ?

- Tại vì sinh ra làm người.

À, vậy ra cái chết là điểm tận cùng của đau khổ, là hậu quả tất yếu của trần gian thê lương. Thế mà ít ai trong chúng ta mong muốn cái chết, chỉ thích cái sống. Người ta thèm sống, thèm đau khổ, và người ta sợ chết, sợ hạnh phúc.

Ôi, cái chết.

Vũ trụ bây giờ bất trắc, số phận mong manh. Biết bao người chết mỗi ngày. Chiến tranh, chết. Thanh bình, chết.

Nó bí hiểm và không giải thích được. Nó thản nhiên và dửng dưng đến với mỗi người, rồi ra đi.

Nhưng nó để lại muôn vàn sợ hãi cho con người. Con người cầu viện đến mọi tôn giáo, mọi thượng đế để trốn tránh sợ hãi. Nhưng tôn giáo nào có thể giải thích về nó? Sự chết. Tôn giáo nào cũng vuốt ve ta, vỗ về ta. Hãy chấp nhận cuộc đời này nhé. Hãy gắng làm điều tốt nhé. Rồi mai kia ngươi sẽ đến cõi niết bàn, rồi mai kia ngươi sẽ đến cõi thiên đàng.

Niết bàn rất xa, thiên đàng rất cuối. Bởi thế mà khi nghĩ đến hai danh từ mỹ miều đó, tôi thèm, thèm đến chảy nước miếng đôi chữ gợi nồng gợi ấm. Nhưng chờ cho đến khi mình chết đi, mình mới thấy được nó. Thú thật tôi chẳng cần đến thứ niết bàn ấy, thiên đàng ấy.

Tôi xin đi tìm một thiên đàng hiện tại: *Con người muốn sống hiền hòa thì sẽ được hiền hòa, con người muốn yêu thương thì sẽ được yêu thương. Ngay ngày hôm nay, chứ không chờ đến mai kia mốt nọ.*

Chân lý ấy xin ai đào xới, kiếm tìm hộ tôi. Nó bị vùi lấp kể từ khi ông Adong và bè Eva ăn trái cấm. Nó bị vùi lấp kể từ khi con người chém giết nhau, sát hại nhau, hận thù nhau. Ai trong chúng ta có thể tìm được chân lý đích thực ấy? Tôi, anh hay kẻ khác? Tôi, anh hay là cả chúng ta? Và sự sống, hãy luôn luôn là kiếm tìm, là mời gọi, là hữu ích. Cái ý nghĩa sự chết, tôi không hiểu được, nhưng ý nghĩa sự sống tôi có thể tìm hiểu nó. Bởi vì tôi đang sống.

Tôi nhớ những ngày còn nhỏ. Tôi luôn luôn tò mò về cái chết. Người lớn chẳng ai giải thích và dặn dò về nó. Họ chỉ giải thích với tôi những điều thế này:

"Con gái phải có ý tứ. Con gái thì phải ăn xem nồi, ngồi xem hướng. Con gái không được chạy nhảy, không được leo trèo, và con gái không được bạ đâu ngủ đó". Tôi không nghe họ nói: "Con gái thì không được chết".

Vậy chắc chắn rằng con gái cũng như con trai, cũng như người lớn đều có thể chết. Và cái chết sẽ đến lượt mình. Những buổi chiều đang nhảy lò cò với lũ bạn hàng xóm, chợt thấy đám tang đi ngang (lúc bấy

giờ người ta chết nhiều lắm), tôi bỏ lũ bạn, chạy theo nhìn mọi người khóc lóc thảm thiết. Tôi theo lên tận nghĩa địa, len lỏi qua đám người lớn để nhìn cho được tận mặt cái hòm gỗ nằm sâu dưới lòng đất. Tôi thấy người chết sao hiu quạnh. Nếu tôi nằm dưới ấy, chắc là buồn lắm. Sau đó, cứ mỗi lần thấy đám ma, tôi tuôn ra cửa chạy theo quan tài.

Nhưng dù tò mò, cố ý tìm hiểu mấy đi nữa, con bé cũng chẳng hiểu được tại sao con người lại nằm sâu dưới lòng đất thế kia. Cho đến lớn như hôm nay, đọc bao nhiêu bài viết về cái chết, sau khi hồi sinh, họ tả lại hồn lìa khỏi xác, người ta cảm thấy như trôi tuột vào một không gian hình ống, lơ lửng trong đó, người ta gặp những đám ánh sáng chập chờn, rồi người ta nhìn lại cuộc đời mình đã qua, như một khán giả ngồi xem mình làm diễn viên đóng hết đoạn đời đã trải trên dương thế. Đọc thế, tôi lại nghĩ, chắc gì đã như thế. Cho nên mỗi lần nhìn thấy một tin phân ưu hay chia buồn, thì tôi ngẩn ngơ.

Hôm nay đọc mẩu tin buồn của một người bạn chồng, tôi lại càng ngẩn ngơ hơn. Cái chết của anh Vũ Khuê cho tôi nỗi ngậm ngùi.

Có một người đi buôn ảo vọng.

Nhưng có nhiều thứ ảo vọng. Ảo vọng của anh Vũ Khuê là thứ ảo vọng mà đứa bé con có thể "sờ" được, "thấy" được, reo vui được, là thứ ảo vọng mà người lớn có thể "cầm" được, "hy vọng" được, "có thể" được.

Nhưng còn thứ ảo vọng của Mác, ảo vọng của những kẻ kế thừa Mác? Ai có thể sờ được, ai có thể thấy được? Vậy mà có biết bao nhiêu người đã mua nó với một giá rất đắt, một giá bằng cả cuộc đời đớn đau của mình. Tội nghiệp cho Mác, tội nghiệp cho những kẻ kế thừa Mác. Và tội nghiệp cho quê hương chúng ta.

Quê hương đã ở lại, còn chúng mình thì ra đi.

Mảnh đời tị nạn nó lạt nhách như mảnh trăng treo lửng lơ trong bầu trời đêm xứ lạnh. Mỗi lần nhìn trăng ở đây, tôi thèm được trở về nơi ấy.

Xin cho tôi tìm lại được mảnh trăng xưa đầm thắm trên quê hương mình.

NGỮ AN

hoàng hôn, cuối năm hoàng hôn

*

hoàng hôn, cuối năm hoàng hôn
nao nao lòng người phiêu bạc
bao năm bước mỏi chân chồn
dặm ngàn vẫn còn nghiêng ngả
ngồi rưng rưng trong quán nhỏ
ngoài kia thiên hạ khuất dần
rượu uống chuốc từng chén nhỏ
cuối năm uống cạn nỗi buồn
chân đi một trời xiêu vẹo
xuôi vai nhớ phố giang hà
chiều nay gọi về cố xứ
nghe hồn sỏi đá trầm ca
hoàng hôn cuối năm hoàng hôn
mưa rơi cho lòng buốt giá
chiều xưa đã buông xuống rồi
lắng nghe cõi lòng tê tái
hỡi ai đang còn rong ruổi
trên đường thiên lý xa xăm
có nghe nỗi buồn thiên cổ
mỗi khi chiều về cuối năm

nguyễn trọng khôi

SĨ LIÊM

tình nghĩa thầy trò

*

Mấy năm qua, cứ mỗi lần Tết sắp đến, tôi nhận được tấm thiệp Xuân của thầy Năm từ bên Texas gửi qua Pháp cho tôi. Tấm thiệp đặc biệt, do chính tay thầy vẽ. Năm đầu, thầy vẽ một cậu trai mới lớn, khuôn mặt giống như khuôn mặt tôi đang vịn cành mận hồng đào sai trái. Năm thứ hai, thầy vẽ cậu trai đó ngồi vá vỏ xe đạp dưới gốc mận hồng đào. Năm thứ ba, thầy vẽ cậu trai đó xách giỏ mận đi bán. Kèm các hình vẽ luôn luôn là chữ Cung Chúc Tân Xuân tô kim nhũ lóng lánh.

Năm thứ tư, thầy vẽ cái dĩa đựng bốn trái mận, và thầy ghi trong tấm thiệp: *Cô em và hai em của em đã vượt biển đến trại Song-Kla, thầy đã bảo lãnh cô em đến Texas rồi.*

Năm nay thầy vẽ cái dĩa đựng tới năm trái mận. Tôi đoán là cô tôi sắp có thêm tí nhau nữa. Quả vậy, thầy cho biết cô đang mang bầu.

Thầy trò tôi gửi thư cho nhau rất ít, nhưng thư nào cũng dài như một truyện ngắn. Vào dịp lễ Giáng Sinh, hoặc ngày Tết thầy có thói quen gọi điện thoại xuyên đại dương để chúc Tết và trò chuyện cùng tôi. Năm nay, trước Giáng Sinh tôi nhận được gói quà đựng chiếc khăn quàng.

Mỗi lần nhận được thiệp Xuân, thiệp Giáng Sinh hay quà của thầy Năm, tôi bần thần nghĩ ngợi.

Và năm nay, cô Năm gửi biếu má tôi xấp mỹ a nhuộm mặc nưa đen bóng mà cô đã gửi mua từ quê nhà. Thuốc nhuộm Âu Mỹ dễ gì sánh kịp. Sa teng tuyết nhung đen của Tây lâu ngày phai màu đen, trổ màu đất đỏ, còn hàng mỹ a càng giặt càng đen bóng như huyền, vóc hàng càng chắc thêm. Chỉ cần ủi sơ qua, bông hoa dệt trên vóc hàng sẽ ngời lấp lánh. Má tôi, khi đi đám tiệc ưa diện áo dài. Chiếc quần mỹ

a làm cho má tôi đẹp lòng biết bao vì nó rất hợp với áo dài bằng nhung hoặc bằng gấm, hoặc bằng hàng lụa bên Tây. Và cứ mỗi lần cặp mắt tôi bắt gặp những đồ vật của thầy cô Năm gởi tặng, tự dưng những ngày xưa bỗng quay về trong tâm tưởng như một cuộn phim trước mặt.

*

Đời học sinh với bảng đen phấn trắng, với mực tím, với bàn cây ghế gỗ, giống như một con tàu thiên lý. Mỗi trạm qua là có vài kỷ niệm vui hoặc buồn. Riêng tôi không thể nào quên được hình ảnh thầy Nguyễn văn Năm. Thầy dậy môn toán, dáng dấp nho nhã, gầy gầy. Thầy đã ngoài tứ tuần và bên trong hàm chứa một tâm hồn quảng đại, bao dung. Bộ mặt thầy đen xạm với gió bụi thời cuộc. Và lúc nào cũng buồn như cây sầu đông. Những học sinh nào trải qua một lần làm học trò của thầy đều nhớ tiếc thầy mỗi độ hè về, hoa phượng đỏ sân trường, ve sầu tấu khúc biệt ly. Phải nói thầy Năm là một người thầy khó kiếm trong giới phấn bảng lớp học.

Dạo đó, tôi vừa lên lớp chín ở trường Linh Quân huyện Thủ đức. Ông thầy Luân bỏ nước ra đi giữa học kỳ I. Lớp tôi có diễm phúc được thầy Năm thay thế làm chủ nhiệm. Người cô hay người thầy làm chủ nhiệm rất là quan trọng đối với một lớp học. Gặp phải một người chủ nhiệm "ó đâm" học sinh khó mà "đầu thai". Học đường trong thời kỳ Cộng sản đâu phải tự do như thời kỳ trước 75. Thầy cô được huấn luyện như những tên công an chìm, họ dò dẫm tư tưởng học sinh qua cử chỉ và lời nói. Học đường như một nhà tù giam lỏng. Thầy Năm làm chủ nhiệm sẽ bao che, đùm bọc cho lớp học chúng tôi thoát cảnh lo âu và hồi hộp. Chúng tôi có lỡ lời hoặc làm điều gì sái quấy, thầy nhỏ nhẹ khuyên lơn trong lớp, chớ không bao giờ thầy tường trình lên ban giám hiệu. Tư tưởng của thầy chỉ bị nhuộm giáo điều đỏ của Cộng sản ở bề ngoài. Thầy không như bọn thầy cô "Tân Gia Ba" (Tân: mới; Gia: gia nhập; Ba: 30/4) khác "tới đây dầu đói giả no, dầu khôn giả dại đặng dò... học sinh".

Nhà thầy Năm ở trong cư xá Kiến Thiết cách nhà tôi và chợ Hoa

Lư bởi một con đường tráng nhựa đầy ổ gà lổm chổm. Căn nhà thầy lụp xụp với một vợ và hai con nhỏ. Trước nhà thầy có một cái sân trồng một cây mận hồng đào, vài líp rau để cả nhà thầy ăn dặm qua ngày. Bên hông là một khoảnh đất tráng xi măng vừa đủ căng một tấm bạt sửa xe đạp để thầy kiếm thêm tiền nuôi vợ con vào mỗi sáng (vì thầy dạy buổi trưa). Cùng ở chung một con đường nên tôi thường xuyên đạp xe ngang nhà thầy mỗi lần đi học.

Thấy gia cảnh nghèo nàn của thầy, tôi đau lòng xót dạ. Thầy nghèo đến nỗi không có tới một chiếc xe đạp đỡ chơn. Mỗi buổi trưa, thầy lội bộ đến trường dạy học cách nhà ba bốn cây số đường dài. Những ngày đầu năm học tôi còn bỡ ngỡ với thầy nên chưa dám hó hé đến gần, vì mặt thầy trông nghiêm lắm. Khoảng một tháng sau, thầy trò mới có dịp lấp được hố ngăn cách bằng tình cảm chơn thật nhứt của con người. Tôi không còn sợ thầy như trước nữa. Và tôi dạn dĩ hẳn lên.

Trưa hôm đó, tôi đi học sớm hơn mọi ngày nửa tiếng. Tôi đạp xe ra đứng núp ở khóm trúc bên hông nhà thầy Năm. Tôi chồm người liếc vô trong nhà thấy thầy còn ngồi ở bên trong. Tôi yên tâm đứng đợi. Lòng tôi hồi hộp khôn tả. Khoảng mười phút sau, thầy Năm bước ra khỏi nhà. Vợ của thầy đứng trong cửa sổ nhìn theo không chớp mắt. Tôi nhận thấy trong ánh mắt của vợ thầy ẩn chứa một niềm hận tủi xa xôi. Đợi cho vợ thầy quay vào tôi mới phóng lên xe đạp chạy theo thầy Năm. Còn cách mấy thước, tôi nhảy xuống dẫn bộ và kêu thầy nho nhỏ:

- Dạ thưa thầy!

Thầy Năm quay đầu lại nhìn tôi mỉm cười, gật đầu chào tôi rồi điềm nhiên đi thẳng ra đầu lộ. Thầy có vẻ lạnh lùng quá. Tôi nghĩ chắc thầy mặc cảm thân phận nghèo hèn của mình nên mới có thái độ hất hủi sự thương mến của tôi như thế. Tôi đon đả dẫn xe đạp chạy lẹ tới thầy để đi song song bên thầy. Tôi nhìn thầy ân cần:

- Thầy leo lên em chở thầy đi.

Thầy Năm nhìn tôi lắc đầu:

- Cám ơn em. Thầy đi bộ được rồi. Em đến trường trước đi.

Tôi biết thầy ngại nên mới từ chối như vậy. Tôi cố thuyết phục:

- Thầy leo lên em chở cho lẹ - Tôi chỉ cái yên đằng sau cho thầy Năm thấy - Leo lên đi thầy.

Thầy Năm mỉm cười với cử chỉ ngây thơ của tôi. Thầy lắc đầu nguầy nguậy:

- Thôi, không được đâu em. Khi thầy trò mình tới trường, mấy học trò khác thấy như vậy thì kỳ lắm.

Tôi mỉm cười vì thấy thầy mắc cở như con gái. Tôi nài nỉ:

- Thì em chở thầy tới nghĩa địa rồi thả. Thầy xuống nghĩa địa cách trường cả trăm thước đâu có ai thấy đâu thầy. Leo lên đi thầy.

Không biết nghĩ sao mà thầy Năm gật đầu ưng chịu. Có phải vì nghĩa địa cách trường cả trăm thước hay vì thầy tội nghiệp thằng học trò dai như đỉa đói? Tôi mừng rỡ vịn chặt chiếc xe đạp cho thầy leo lên. Tôi chở thầy phía sau mà lòng lâng lâng sung sướng. Thầy Năm bề ngoài tuy ốm mà nặng xương dữ! (Đối với sức học trò của tôi). Mà cho dù thầy có nặng trăm ký tôi cũng rán hết sức bình sinh cong lưng, thè lưỡi ra mà đạp. Tôi đạp mà không dám thở mạnh vì sợ thầy ngại ngùng. Đối với tôi, chở thầy đi dạy học là một điều vô cùng vinh dự. Ở đời, ai mà có diễm phúc như tôi. Dọc con đường hai thầy trò chẳng nói một câu nào. Vì rằng dẫu có muốn nói, tôi nói cũng không ra hơi. Thầy Năm nặng quá chừng chừng! Gần tới nghĩa địa, tôi dịnh bụng chạy luôn tới trường. Nhưng thầy Năm khều lưng tôi:

- Tới đây được rồi em!

Tôi như tuân theo một mệnh lệnh, bóp thắng nhè nhẹ cho xe ngừng lại. Thầy Năm bước xuống vỗ vai tôi, bảo:

- Vô trường em đừng có nói tùm lum nghe không.

Tôi "dạ" lớn và hứa với thầy:

- Bí mật mà thầy! Tôi nói thầm trong bụng: "Thầy làm như em nhiều chuyện lắm vậy".

Thầy trò tôi chia tay nhau vội vã. Rồi cứ thế, mỗi ngày tôi đều đến rước thầy đi dạy học. Tôi không còn đứng ở khóm trúc chờ thầy nữa

mà tôi vô thẳng trong nhà thầy ngồi. Vào trong nhà thầy, tôi mới thấy gia đình thầy bệ rạc rõ rệt. Nhà thầy trống trơn không có một món gì quý giá, ngoài bộ bàn cũ kỹ với cái giường bằng ván xấu, sờn mặt loang lổ. Trên bàn ăn còn sót lại dĩa rau muống xào tỏi ăn dở, bên cạnh một dĩa nước mắm dầm hột vịt. Vung vãi dưới sàn nhà xi măng vài hột bo bo mà con thầy làm rơi rớt khi ăn. Hai đứa con của thầy, một trai tên Trung, một gái tên Hồng, ốm tong teo, bận đồ sờn vai vá víu. Nhưng chúng rất sạch sẽ tươm tất. Vợ thầy đẹp mặn mòi, giọng nói hiền từ, dáng dấp mảnh mai, cử chỉ lịch sự. Nhìn tư cách gia đình của thầy, tôi đoán thầy phải có một thời kỳ phong lưu, khá giả. Đồ đạc trong nhà chắc đã bán hết mua gạo rồi chăng? Tôi tự đặt cho mình nhiều câu hỏi về quãng đời cũ của thầy. Nhưng tôi không bao giờ dám hỏi. Vì một lẽ đơn giản: tôi là học trò chớ không phải công an. Ở phòng khách thầy Năm có treo bức ảnh vợ chồng thầy chụp hồi còn trẻ. Cả hai đều xinh đẹp, mặt mày sáng láng. Cô Năm cầm bó bông, bàn tay của cô mũi viết, mu bàn tay mịn màng, ngón suông, móng tay bôi vẹc ni đỏ và được cắt dũa khéo léo. Còn thầy choàng tay qua vai cô, bàn tay của thầy cũng đẹp và phong lưu, tuy không mềm, không mịn như bàn tay đàn bà, nhưng nhìn vào tôi biết ngay, với bàn tay đó thầy chỉ cầm viết, cầm cục phấn bảng trước ngày đổi đời 30-4-75. Khuôn mặt thầy trong ảnh thật tươi, thật rạng rỡ, dung quang chói ngời vẻ trí thức. Mặt cô Năm hình trái soan, đôi má cô nõn nà. Giờ đây mặt thầy khô quắt, khô queo. Mặt cô dù hãy còn đẹp nhưng gò má cô nhô cao, đôi mắt quầng sâu nỗi lo lắng, nụ cười phảng phất vẻ chua chát.

Tình thầy trò qua khung lớp và qua những buổi trưa nắng gắt chở nhau đến trường đã tạo cho tôi với thầy Năm nhiều kỷ niệm êm đềm khó quên. Có lần tôi chở thầy, không biết lạc tay lái làm sao, tôi với thầy Năm té lăn cù trên đất. Cũng may là không có bề nào. Tôi còn nhớ rõ lần đó mặt mày tôi xanh lè, xanh lét như đàn bà mới phá thai. Chúng tôi trở thành một đôi bạn thương mến nhau thắm thiết. Tuy rằng tuổi tôi với tuổi thầy cách nhau khá xa, nhưng tình thương mến không biên giới.

Hằng đêm, tôi cố gắng thu xếp bài vở cho xong để sáng sáng đến nhà thầy coi thầy sửa xe đạp. Ban đầu, tôi ngồi kế bên phụ thầy nạy bánh xe, xiết ốc hay lấy kềm lấy búa. Tôi làm thợ vịn, thợ rờ, thợ mó, thợ hỏi rất đắc lực. Tuần qua tháng lại êm đềm, thầy vừa sửa vừa truyền nghề cho tôi. Tôi thụ giáo và thu thập bí quyết rất nhanh chóng. Tôi trở thành một tay thợ "tài tử" chuyên nghiệp chớ không còn lon ton như trước nữa. Thầy ngỏ ý chia tiền cho tôi. Nhưng tôi nhứt định không lấy là không lấy. Gia đình tôi khá giả, tôi sung sướng hơn thầy. Lấy tiền của thầy coi sao được. Tôi thương thầy, chớ đâu phải vì đồng tiền, chén cơm mà tôi phụ giúp thầy. Thậm chí, tôi còn rình rình ăn cắp gạo của má tôi rồi len lén đổ vô thùng gạo của thầy nữa là khác. Không biết vợ thầy có để ý hay không, nhưng tôi thấy vợ thầy vẫn tỉnh bơ. Như vậy chứng tỏ họ chưa khám phá ra điều gì. Nếu thầy biết được, đời nào thầy chịu nhận. Thôi thì tôi cứ âm thầm mà giúp cho trọn nghĩa thầy trò.

Tôi thương thầy vô bờ bến. Ở gần thầy tôi học hỏi nhiều điều hay lẽ phải và cách cư xử với người đời sao cho phải đạo. Thầy thường xuyên nhắc nhở tôi, một thằng nhãi ranh mười bốn tuổi, tâm hồn bén nhạy, dễ rung động với tình người:

"Nghèo cho sạch, rách cho thơm. Trọng nghĩa khinh tài. Sau này có công thành danh toại phải khiêm nhường với mọi người chung quanh. Nghe khen đừng nên mừng vội và chê cũng đừng lấy đó làm buồn. Tiền bạc, vật chất là phù du ảo ảnh. Có đó rồi mất đó. Chỉ có cái tình là còn lại...".

Tôi khắc sâu lời thầy trong tâm khảm và nguyện sẽ làm đúng lời thầy dạy.

Muốn cho gia đình thầy có tiền thêm. Tôi về nhà viện cớ với má tôi là môn toán tôi yếu quá nên cần có một người thầy kèm thêm. Cái gì chớ vấn đề học má tôi quan tâm ghê lắm. Tôi là thằng con trai độc nhứt nên ba má tôi hy vọng tất cả nơi tôi. Má tôi đồng ý kiếm thầy kèm thêm môn toán cho tôi mỗi tối thứ hai, tư, sáu. Tôi ngỏ ý với thầy Năm. Thầy mừng rỡ chấp thuận. Má tôi trả cho thầy mười đồng một tháng (dạo đó một ký gạo tốt giá hai đồng). Nói là kèm chớ thật ra tôi

với thầy chỉ ngồi nói chuyện vẩn cho qua thời giờ. Tháng đầu lãnh lương để đãi ngộ tôi, thầy mời tôi một chầu chè thưng trong chợ Nhỏ. Tôi sung sướng với cái hạnh phúc nho nhỏ của thầy. Để tìm niềm vui mcũngi tôi thường xin tiền má tôi cùng thầy đi ăn chè và lâu lâu dư chút đỉnh tôi mua bánh biếu vợ thầy và hai đứa nhỏ. Thường thường lúc nào thầy cũng giành trả. Tôi biết thầy túng ngặt nên thầy không bao giờ dám mời ai đi ngồi quán. Do đó người giành trả lúc nào cũng là tôi. Tôi thương mến thầy và không thể xa thầy được nữa. Tình cảm con người là như vậy. Thầy Năm chiều chuộng tôi như một đứa con và sẵn sàng bênh vực tôi hết mực trong lớp. Thầy đã ló mòi thiên vị rồi đó! Trong lớp, mỗi lần có kiểm tra môn toán, thầy Năm đều cho tôi biết trước đầu đề phải làm. Nếu tôi dở toán thì thầy đâu dám làm như vậy để hư thằng học trò. Đằng này tôi lại rất giỏi toán. Thầy có cho tôi biết trước hay không thì cũng vậy. Nhưng vì không có món quà tình cảm nào dành cho tôi nên thầy làm như vậy để tỏ lòng thương mến tôi. Tôi hiểu tấm lòng thầy và không bao giờ có ý nghĩ thầy là một nhà mô phạm không liêm khiết. Đó là chuyện bí mật "học đường đại sự" giữa thầy trò tôi. Không một người nào được biết.

Trước nhà thầy Năm có cây mận hồng đào. Năm đó không biết mắc chứng gì mà nó ra trái trùng trùng điệp điệp. Trái nào trái nấy ú na ú núc và đỏ bóng như tô son. Thầy Năm cho tôi ăn mận ngập mặt mà mận cũng không hết. Tôi đề nghị với thầy:

- Hay là mình hái đem ra chợ Thủ đức bán đi thầy!

Thầy Năm vỗ đầu tôi cười:

- Không lẽ thầy ra ngoài chợ bán mận? Cô mắc cỡ mấy đứa nhỏ làm sao đi bán?

Kỳ cục ghê. Làm thầy giáo thiệt là khổ. Muốn làm gì cũng phải giữ ý tứ. Có người chở tới trường cũng sợ mà đi bán mận cũng sợ. Tôi nghĩ như vậy nên nhìn thầy lắc đầu:

- Lớn lên em không làm thầy giáo đâu.

Thầy tôi cười hiền hậu:

- Tại sao vậy?

- Tại vì làm thầy giáo mất hết tự do. Làm cái gì cũng phải coi chừng học trò thấy.

Thầy Năm cười lớn:

- Em thử tưởng tượng thầy mà đứng ở chợ bán mận thì còn ra con giáp nào?

Cô Năm ngồi rửa rau gần đó cười ra tiếng. Tôi mỉm cười nhìn thầy Năm từ đầu tới chơn:

- Đúng rồi! Thầy mà đứng bán mận học trò nó thấy nó cười chết. Thầy chỉ có đứng trên bục gỗ giảng bài mà thôi.

Nhìn lên những cành mận quằn trái, tôi tưởng tượng nếu đem bán cũng kiếm được một số tiền không nhỏ. Tôi nhìn thầy, hăng hái:

- Hay là để em bán cho!

Thầy Năm cảm động rồi quàng vai tôi:

- Đâu có được, em.

Tôi vỗ vỗ vào cánh tay của thầy, giọng cương quyết:

- Được mà thầy. Em đâu có sợ ai mà không được. Tôi xuất khẩu thành thơ ngon ơ:

Rớt tú tài em đi bán mận
Thầy ở nhà hái mận cho em

Tôi thuyết phục một hồi, gần cạn nước miếng, môi khô quéo, thầy tôi đành chịu phép. Tôi với thầy Năm vạch kiến lửa đua nhau hái mận gần một cần xé mà trái vẫn còn đầy rật trên cây. Thấy đã tạm đủ, hai thầy trò chúng tôi ngừng tay nghỉ mệt. Lúc này thầy trò tôi mới thấy thấm thía những vết cắn của "quỷ kiến lửa".

Cô Năm chia ra làm từng giỏ nhỏ máng đầy chung quanh chiếc xe đạp. Tôi từ giã thầy cô thẳng xuống chợ Thủ đức. Đúng ra bán ở chợ Hoa Lư thì gần hơn, nhưng tôi sợ má tôi đi chợ bắt gặp được. Ra tới chợ, tôi dựng xe đạp ngay bến xe lam bán một đồng mười trái. Nhờ bán rẻ nên thiên hạ tranh nhau mua. Chưa đầy nửa tiếng đồng hồ mận đã hết sạch sành sanh. Tôi cầm số tiền mười mấy đồng trong tay và nghĩ tới giây phút trao cho thầy mà vui mừng khôn xiết. Tôi đẩy xe đạp ra khỏi bến xe lam. Từ đằng sau có tiếng thầy Năm gọi nhỏ:

- Hưng!

Tôi mừng rỡ quay đầu lại, ngạc nhiên:

- Ủa thầy! Thầy xuống chợ chi vậy?

Thầy Năm đi song song với tôi, thầy cười thích thú:

- Thầy lấy xe lam xuống đứng bên lề đường nhìn em bán mận nãy giờ.

Tôi tròn xoe đôi mắt:

- Thầy đứng bên đường nãy giờ? Sao thầy không ở nhà mà đứng đó làm chi cho cực?

Thầy Năm gật đầu:

- Thầy xuống để chia sẻ với em. Em cực khổ giúp thầy, không lẽ thầy nằm nhà coi sao được? Em thật tốt bụng. Ngày xưa thầy cũng đã từng sống thân mật với thầy của thầy như em với thầy bây giờ. Nhìn em mà thầy nhớ năm nào.

Chưa bao giờ tôi được nghe dĩ vãng của thầy. Hôm nay nghe thầy nói, tôi mừng rỡ, tánh nhiều chuyện của tôi bỗng nổi lên cuồn cuộn:

- Bây giờ thầy của thầy đâu rồi?

Thầy Năm ngó lên triền đốc trước mặt, giọng buồn buồn:

- Ông ta đã chết rồi. Ông ta chính là ba của cô em đó.

Tôi sửng sốt:

- Thầy của thầy là ba của cô Năm em?

Thầy Năm nhìn bộ mặt ngơ ngác của tôi, thầy cười:

- Phải! Ngày xưa thầy thường đến nhà thầy của thầy phụ ông những việc lặt vặt rồi gặp cô Năm. Thầy cô thương nhau rồi lấy nhau được một năm thì ông già vợ của thầy chết.

Tôi ngó thầy Năm đăm đăm:

- Ngộ há! Chuyện thầy giống như tiểu thuyết diễm tình.

Thầy tôi gật đầu:

- Ừ, thầy dự định sau này nếu có dịp thầy sẽ viết một cuốn tiểu thuyết nói về tình nghĩa thầy trò.

Tôi hí hửng:

- Em cũng vậy. Em sẽ viết về tình nghĩa thầy trò giữa em với thầy.

Hai thầy trò chúng tôi nhìn nhau cười sung sướng. Tôi móc tiền bán mận đưa cho thầy. Có quán nước nằm bên lề đường đối diện trường La San Mossard ngay giữa con dốc. Thầy Năm kéo tôi vô quán. Tôi dựng chiếc xe đạp bên gốc me rồi hai thầy trò ngồi xuống cái bàn bên cạnh nằm sát mặt đường. Không muốn thầy tốn tiền nhiều tôi kêu một ly trà đá. Thầy tôi không hút thuốc lá mà ghiền cà phê. Thầy kêu một ly cà phê đậm xây chừng. Tôi nhìn thầy hỏi nhỏ:

- Dạ thưa thầy! Thầy có thấy cuộc sống của dân miền Nam tụi mình sau ngày giải phóng khổ hơn trước nhiều không thầy?

Thầy tôi dòm chừng chung quanh rồi nói nhỏ:

- Thầy không biết phải nói làm sao bây giờ. Mai mốt lớn em sẽ hiểu.

Tôi biết thầy Năm đang ở trong thế kẹt của một giáo viên dưới nhà trường "xã hội chủ nghĩa". Tôi nói bâng quơ:

- Em nghĩ nếu "Bác Hồ" còn sống chắc không đến nỗi nào!

Thầy Năm cười khẩy nói như mai mỉa:

- Bản phụ mà dân mình còn chịu không nổi, huống hồ gì bản chánh hả em.

Tôi hiểu ý thầy nên cười lớn. Coi vậy mà thầy cũng thâm trầm lắm. Từ đó về sau tôi với thầy ít khi bàn về thời cuộc. Hoàn cảnh đất nước không cho phép chúng tôi nói nhiều về những điều mắt thấy tai nghe. Thầy dặn tôi: "Nguy hiểm lắm. Không nên!"

*

Tôi nằm đong đưa trên chiếc võng dưới tàn cây vú sữa sau vườn nhà nhìn sợi dây phơi đầy quần áo ở cuối vườn mà nghĩ tới hai đứa con nhỏ của thầy Năm bận đồ vá víu tả tơi. Tội nghiệp cho chúng quá. Tôi phải ra tay nghĩa hiệp mới được. Một ngọn gió thoảng qua, hàng quần áo trên dây kẽm bay theo chiều gió phất phới. Chiếc quần lãnh mỹ a màu đen của má tôi đập vào mắt tôi cái bốp. Tôi nghe người ta nói ở Huỳnh Thúc Kháng Sàigòn có một khu chợ trời lớn, chuyên mua bán quần áo và những đồ vặt vãnh. Hay là ăn cắp cái quần lãnh mỹ a

này đem ra ngoài Sàigòn bán rồi dùng tiền mua quần áo cho hai đứa con của thầy Năm. Đầu nghĩ, tay làm. Tình thương người của tôi đã biến tôi thành một tên đạo chích "cỡ bự", tôi đứng bật dậy bước lại hàng dậu phơi đồ. Nhìn dáo dác không có ai chung quanh, tôi dùng "ngũ độc thần công" thộp chiếc quần của má tôi đem vào nhà. Quần mới giặt còn thơm mùi xà bông, nhưng nhăn nheo xấu xí như một mụ già tám mươi tuổi, bán ai mà thèm mua. Tôi lấy bàn ủi đem vào phòng khách khóa chặt cửa lại. Hồi nhỏ cho tới lớn tôi chỉ nhìn má tôi ủi đồ chớ có bao giờ đụng tới cái bàn ủi. Tôi loay hoay như bông vụ với chiếc quần thật là khó khăn. Ủi chỗ này, nhăn chỗ kia, ủi chỗ kia, nhăn chỗ nọ. Nhiều lúc muốn xé nó ra hàng trăm mảnh cho rồi, chán hết sức. Phần sợ cháy, phần sợ má tôi đi chợ về, trăm ngàn thứ sợ vây phủ tôi bốn bề. Gần hai chục phút sau cái quần tuy không thẳng lắm, nhưng cũng tạm được hơn lúc đầu. Tôi bỏ vào bịch ny lông cẩn thận. Viết miếng giấy để trên bàn với hàng chữ: "Con đi lại nhà bạn. không ăn cơm ở nhà. Chút nữa con về. Hưng" để má tôi yên tâm rồi lấy xe đạp cùng với cái quần, dùng đường trong đạp thẳng ra Sàigòn. Trước 75 tôi ở Sàigòn nên tôi kiếm chợ Huỳnh Thúc Kháng không khó. Người ta đông như mở hội. Tôi cầm cái quần len lỏi lại hàng bán quần áo cũ hỏi bán:

- Bà mua cái này không?

Một người đàn bà tuổi trạc tam tuần ngồi trên sạp hỏi lớn:

- Mua cái gì?

Tôi mở bịch ny lông lấy cái quần đưa ra cho bà ta:

- Cái quần này nè!

Bà ta cầm cái quần ngó lên ngó xuống, xét qua, xét lại. Bà nhăn mặt:

- Ai ủi cái quần thấy mà ghê vậy nè? Lí liếc gì đâu mà quẹo tùm lum tà la vậy?

Tôi gãi đầu:

- Tại tui không biết ủi. Bà mua về rồi ủi lại giùm.

Bà nhìn tôi với ánh mắt như nhìn một thằng ăn cắp (mà ăn cắp thiệt). Bà hỏi lớn:

- Bao nhiêu?

Mèn ơi, bao nhiêu là bao nhiêu? Hồi nào tới giờ tôi có biết buôn bán quần áo gì đâu mà nói giá. Tôi ngó quanh quất sạp đồ của bà ta. Thấy bên góc trái có một đống đồ con nít đủ màu, đủ cỡ. Tôi nhìn bà ta hỏi:

- Tui không bán mà đổi được không?

Bà ta tròn đôi mắt ngạc nhiên: - Đổi là đổi làm sao?

Tôi chỉ đống quần áo con nít bên cạnh:

- Đổi lấy hai cái áo con nít.

Bà ta nhìn theo ngón tay của tôi rồi nhìn kỹ cái quần lãnh một lần nữa. Bà gật đầu (đôi mắt bà sáng rực).

- Ờ cũng được! Em lựa đi. Hai cái thôi à nghen!

Tôi mừng rỡ nhào lại đống quần áo. Tôi cầm những cái áo vừa khổ với con thầy Năm ướm lên, ướm xuống một hồi rồi lấy hai cái đưa cho bà chủ sạp. Bà cầm hai cái áo nhìn tôi chưng hửng:

- Trời ơi! Làm sao em bận vừa?

Tôi mỉm cười lắc đầu:

- Không phải cho tui. Tui cho hai đứa em.

Bà chủ sạp hiểu ra cười lớn rồi bỏ hai cái áo vô bịch ny lông đựng cái quần lãnh mỹ a của tôi hồi nãy. Tôi cầm cái bịch dẫn xe đạp chen chúc ra khỏi chợ Huỳnh Thúc Kháng. Nghĩ tới một lát nữa đây hai đứa con thầy Năm được áo mới tôi cảm thấy hăng hái hơn. Trên đường về tôi đạp không biết mệt. Con đường làng từ cầu Bình triệu lên Thủ đức sao mà đẹp và thơ mộng không thể tả. Những con rạch, con mương chảy róc rách một bên đường thật bình dị, dễ thương. Bên đây là đường rầy xe lửa chạy hút tầm mắt. Tôi ngắm những xóm làng yên tĩnh dưới nắng trưa lui dần về phía sau lưng mà ước mơ một thuở thanh bình thật sự. Xóm làng này đây. Quê hương Việt nam này đây. Biết tới ngày nào mới được trở lại những ngày xưa thân ái? Nghĩ miên man như vậy cho tới cầu Ngang thì nước mắt của tôi tự nhiên tuôn

trào. Tôi cũng không hiểu tại sao. Tôi chỉ biết đưa tay quẹt nước mắt và đạp thẳng đến nhà thầy Năm.

Tôi dựng xe đạp trước cửa và cầm cái bịch ny lông bước vô nhà thầy. Hôm nay thầy Năm đi họp trên bộ quốc gia giáo dục, các học sinh được nghỉ và thầy Năm không có nhà. Cô Năm đang lui cui trong bếp nghe tiếng, cô bước ra. Trên bộ ván hai đứa nhỏ đang ngủ thẳng cẳng vô tư lự.

Cô Năm kéo ghế mời tôi ngồi, bảo:

- Thầy em mắc đi họp trên thành chưa có dzìa!

- Dạ, em biết. Hôm qua thầy có nói cho em nghe.

Tôi thò tay lấy hai cái áo sơ mi đưa cho cô:

- Cái này em gởi cô cho hai em.

Cô Năm cầm hai cái áo, nhìn tôi đăm đăm:

- Cái gì vậy?

- Dạ, hai cái áo em mới mua. Dĩ nhiên là tôi phải nói mua. Chớ không lẽ nói ăn cắp quần của má mua áo cho hai đứa nhỏ. Biết rằng nói xạo là xấu. Nhưng trong trường hợp này... không còn cách gì hơn. Nói xạo mà không gia hại tới ai thì đâu có sao. Cô Năm thở dài, giọng cô xúc động:

- Trời ơi! Có tiền để dành mà ăn bánh. Đừng có làm như vậy thầy cô ái ngại lắm.

Tôi cười duyên:

- Dạ, thì đâu có sao đâu cô. Em thương thầy cô và mấy em như ruột thịt. Cô lấy cho em vui.

- Cám ơn em. Nhưng lần sau cô không có lấy đâu. Em tới chơi là thầy cô mừng rồi. Bày đặt không hà.

Để cho cô Năm bớt ngại ngùng. Tôi đứng dậy xin phép ra về. Cô Năm tiễn tôi ra cửa và không quên dúi vào tay tôi trái cóc. Tôi cám ơn cô rồi đạp xe thẳng về nhà. Trên đường về tôi cười một mình. Nghĩ cũng tức cười, những gì tôi giúp cho thầy Năm đều là đồ tôi "chôm, chỉa, chụp" ở trong nhà. Bỗng dưng tôi cảm thấy mình biến thành một tên cướp lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo, từ trong tiểu thuyết

kiếm hiệp chui ra. Tôi thầm tính sẽ xâm bên cánh tay trái câu: "*Kiến nghĩa bất vi vô dõng giả. Lâm nguy bất cứu mạc anh hùng*" Bên tay mặt tôi xâm hình con rồng giỡn con cọp.

Trời đã xế. Chợ Hoa Lư hãy còn đông nghẹt kẻ bán, người mua. Vừa đẩy cánh cửa vào, tôi dẫn xe đạp vô nhà. Má tôi đứng bên trong hỏi vọng ra:

- Đi dâu mới về vậy con?

Tôi biết má tôi đã đọc mảnh giấy tôi để lại cho bà rồi. Nhưng bà chỉ hỏi để mà hỏi vậy thôi. Tôi trả lời:

- Dạ, con lại nhà thằng Đông chỉ bài giùm cho nó.

- Ăn cơm chưa?

- Dạ rồi má! (Đâu có ăn cái gì đâu).

Má tôi buồn rầu bảo:

- Má ỷ con có ở nhà. Nhè đâu con đi bất tử, làm cho ăn trộm nó khều mất cái quần lãnh mỹ a của má mới sắm ba mươi mấy đồng tuần trước.

Cái gì? Ba mươi mấy đồng? Trời đất ơi! Vậy là tôi bị hố rồi. Hèn chi con mẹ bán quần áo mắt sáng rỡ như đèn pha. Cha chả tức ơi là tức. Con mẹ ó đâm, dám qua mặt "thường dân vô tội". Cũng tại mình chưa có kinh nghiệm ở chợ trời. Thôi bỏ đi Tám, có tiếc rẻ càng thêm buồn phiền.

Tôi phớt tỉnh nhìn má tôi, như là không hay biết gì ráo trọi:

- Dạ, cái quần nào?

Má tôi chỉ ra chỗ phơi quần áo trống trơn (chắc có lẽ vì sợ bị cắp thêm lần nữa nên má tôi đã đem quần áo phơi vô nhà hết ráo):

- Thì má phơi ở đó đó. Mất rồi. Thời buổi này ăn trộm, ăn cắp sao mà hà rầm. Ăn cắp mà cũng biết lựa đồ tốt mà ăn cắp. Mấy cái khác nó không lấy, nó lấy nhằm cái quần lãnh mới mua. Đúng là bần cùng sanh đạo tặc, thời thế tạo gian hùng có khác.

Tôi nghe toàn thân sao mà nhột nhạt quá chừng chừng. Tôi lẳng lặng chuồn ra nhà sau không dám nói một tiếng gì. Bình thường nếu không phải tôi lấy thì tôi bàn tán xôn xao lắm. Đằng này "còn ai trồng

khoai đất này" nên tôi biết thân im lặng là hơn. Nói ra ngượng miệng, nhột mồm, có khi còn lòi chành nữa là đằng khác.

Ra nhà sau tôi bới một tô cơm nguội, chan nước cá kho và gắp hai khứa cá ra ngoài võng dưới tàn cây vú sữa ngồi ăn ngấu nghiến. Vừa ăn vừa chạnh lòng tội nghiệp cho "bà già". Nhưng tôi sung sướng khi nghĩ đến hai đứa con của thầy Năm bận áo mới. Mặc cảm phạm tội và niềm kiêu hãnh cứu đời đánh nhau chí chóe trong gan ruột. Thây kệ! Một người mất của mà một gia đình sung sướng thì cũng không nên ân hận. Tôi suy nghĩ như vậy và ních hết tô cơm hồi nào không hay. Tôi đánh một giấc ru hồn theo cơn gió của vườn nhà. Mát rượi!

Nhưng tối hôm đó, thấy má tôi ngồi cặm cụi sửa chữa lại quần áo cũ cho tươm tất để mai đem bán ở chợ trời, tôi cảm thấy ray rứt ở lương tâm. Trời ơi, từ khi đổi đời, má tôi hết buôn cái này, bán cái nọ, đầu tắt mặt tối, đi đâu cũng cuốc bộ, không dám đi xe buýt, xe lam. Mặt mày má bị nắng táp, đen thui, đôi má hốc hác, mình mẩy ốm nhom. Má tôi làm ăn chăm chỉ, siêng năng, không gạt gẫm cướp giựt ai. Má đâu xứng đáng mất của bởi thằng con trai cưng "nghĩa hiệp" một cách quái gở như vậy. Tôi tự nguyện, mai sau có trở thành tướng cướp nghĩa hiệp, song song với hai câu xâm "*kiến nghĩa...*" tôi sẽ xâm thêm hai câu trên ngực "*Lên non mới biết non cao. Sống lâu mới biết công lao mẹ hiền*".

*

Một hôm, "tai nạn" xảy đến trong học kỳ hai. Đám bạn vô tình thách thức tôi đốt hình "Bác Hồ muôn vàn kính yêu" treo ở chính giữa bức tường trong lớp học. Tụi nó đánh cá tôi một chầu năm ly chè táo xọn: Tôi đâu có mê ăn chè táo xọn, nhưng vì tuổi trẻ dễ bị khích động nên tôi xí xọn. Người ta thách mà mình không dám làm thì người ta cho mình là nhát, là hèn. Tôi mà hèn, mà nhát à? Sức mấy! Tao làm cho tụi bay coi. Không phải tao làm vì tao mê năm ly táo xọn. Tao làm vì tự ái cá nhân, vì danh dự cho toàn thể gia đình tao! Tôi chấp nhận và không bao giờ hối hận. Tự ái đã làm cho tôi mất hết lý trí và quên hết "tình nghĩa" của "Bác Hồ Chí Minh yêu chúng em nhi đồng". Đợi

tới giờ reng chuông ra chơi, các học sinh đều tản ra sân trường. Tôi lẻn lên lớp (lớp tôi ở lầu một), ngó qua ngó lại không có bóng quân thù, tôi lấy hộp quẹt, bắc ghế leo lên châm lửa đốt hình "Bác". "Bác" cháy ra tro, râu "Bác" khét lẹt. Tội nghiệp cho "Bác" gặp thằng nhi đồng có máu "anh hùng rơm". Thật không may cho tôi chút nào, hồn của "Bác" hình như phảng phất đâu đây tức tưởi, "linh thiêng" dẫn đường cho thằng học trò đeo băng đỏ, có nhiệm vụ giữ trật tự của nhà trường đi ngang qua. Nó đứng khựng lại trợn mắt nhìn tôi, lửa căm thù trong mắt nó ngùn ngụt. Tôi lố mắt nhìn nó, tim tôi đập ầm ầm. Tôi tiến tới nắm vai nó, nhìn nó âu yếm ra chiều thương mến. Tôi tỏ bày tâm sự và hứa cho nó hết năm ly chè táo xọn. Tôi hát bài con cá sống vì nước kỹ quá. Nó nghe xuôi tai, gật đầu bằng lòng. Ai dè nó ham lập công với cách mạng hơn là ăn chè táo xọn. Nó âm thầm xuống văn phòng hiệu trưởng "muôn tâu bác đảng". Thôi rồi! Còn gì thân em? Mười phút sau tôi xuống văn phòng ban giám hiệu (dĩ nhiên là lý do cho biết sau. Đây là cái lệnh!). Đúng lúc đó là giờ của thầy Năm. Thầy kêu tôi ra đứng trước cửa lớp hỏi tự sự. Tôi thật tình cho thầy biết hết mọi chuyện không giấu một điều gì. Thầy nhăn mặt, giọng tức tối:

- Trời ơi! Em dại quá! Khổ thật!

Tôi nhìn thầy cắn môi hối hận đã làm thầy buồn lòng:

- Xin lỗi thầy!

Thầy Năm chặc lưỡi:

- Đốt cái gì không đốt, nhè hình ông Hồ mà đốt. Thầy không ngờ em dại dột đến mức độ đó. Phen này thật là nguy hiểm.

Tôi đứng gục mặt lặng thinh. Thầy Năm vịn vai tôi. Giọng thầy bình tĩnh hơn:

- Thôi xuống văn phòng. Nhớ kỹ lời thầy. Nếu ông giám thị Xuân có la rầy gì thì cứ làm thinh nhận lỗi. Đừng có ngoan cố rất nguy hiểm. Làm kiểm điểm cũng vậy, nhớ là hoan hô cách mạng nhiều chừng nào tốt chừng nấy. Em hiểu lời thầy không, Hưng?

- Dạ, em hiểu.

Thầy Năm nhấn mạnh:

- Nhớ là phải ca ngợi cách mạng nghe chưa? Tránh voi không xấu mặt nào. Ờ, còn điều này nữa. Trong bản kiểm điểm đừng có khai là mấy người bạn thách thức em nghe chưa. Mình là đại trượng phu có làm có chịu. Hãy nhận lỗi một mình, đừng để liên lụy đến người khác. Nhớ chưa?

- Dạ nhớ, thầy.

- Thôi đi đi. Nhớ lời thầy dặn.

Tôi chào thầy Năm rồi đi thẳng xuống văn phòng hiệu trưởng. Tôi buồn dàu dàu vì đã làm phật ý thầy Năm. Thầy lo lắng cho tôi quá. Chuyện dữ của tôi cũng là nỗi đau của thầy. Tình cảm con người thật là bao la. Tại sao người ta lại chém giết lẫn nhau? Tình thương giữa con người và con người ở thế kỷ này sao mà hiếm hoi quá? Sao người ta không thương yêu nhau như tôi thương yêu thầy Năm và thầy Năm thương yêu tôi. Đâu phải chỉ có tình yêu giữa trai gái mà thôi. Tình yêu giữa con người đối với con người cũng đẹp đẽ lắm chớ! Tha thiết nữa là đằng khác.

Nói thì nói vậy chớ thật ra khi tôi bước vào văn phòng, thấy ông Xuân mập ngồi thù lù một đống sao mà tôi ghét cay ghét đắng. Mặt ông đằng đằng sát khí như có một ngàn khẩu AK47 trên gương mặt. Ông là một người Quốc gia a dua chạy theo thời nên tỏ ra yêu Cộng sản đắm đuối. Ông nhìn trừng tôi như là giữa cả hai có mối thù từ tiền kiếp. Tôi nuốt nước miếng cố giữ bình tĩnh trước "quân thù". Mà thiệt cũng ngộ, cái dòng ưa đón gió trở cờ, ngó thấy ghét lắm. Nó nịnh Cộng sản sao mà lộ liễu vậy. Giống như những cô gái nhà quê lên thành theo "mode" rồi ăn mặc lòe loẹt nửa chợ nửa quê, nhìn thấy lố bịch, dị hợm. Ông Xuân mập là hạng người như vậy đó. Nhìn tôi một hồi rồi ông ta đập tay xuống bàn cái rầm:

- Ai cho em cả gan dốt hình Bác Hồ kính yêu của hai miền Nam Bắc?

Ê, nói lộn nói lại nghe! Ông Hồ kính yêu của miền Bắc chớ không phải của miền Nam. Nịnh vừa thôi cha! Tôi nói trong bụng như vậy rồi điềm nhiên trả lời như thầy Năm dặn:

- Dạ, lỗi tại em. Nhưng em không cố ý. Em bồng bột mà thầy!

Ông Xuân mập vỗ bàn cái rầm:

- Em có biết em làm như vậy là hành động vô ý thức hay không?

- Dạ lỗi tại em. Em vô ý thức.

Rồi ông Xuân mập đứng dậy đi tới đi lui, vừa đi ông ta vừa lôi tổ tiên, dòng họ của ông Hồ ra thuyết pháp. Không biết ổng ở chung với ông Hồ ngày nào hoặc má ổng có nấu cơm tháng cho ông Hồ được mấy năm mà ổng rành ông Hồ một cây. Tôi nghe tưởng chừng như ổng ăn chung, ở chạ với ông Hồ từ hồi nhỏ. Ổng lôi từ chuyện ông Hồ ra đi tìm đường cứu nước cho miết tới trồng cây vú sữa, những ngày ông Hồ ở hang Bắc Bó... Ông thao thao bất tuyệt. Tôi đứng nghe muốn nổ cái lỗ tai. Càng nói về ông Hồ ổng càng ngạo nghễ, khuôn mặt dúc dắc, hiên ngang, hãnh diện như đang đứng chào Quốc kỳ. Đúng là thằng nịnh mặt trơ trán bóng! Chẳng thà một tên bộ đội nói về ông Hồ còn coi được. Chớ một người Quốc gia mà nói về ông Hồ sao mà chán chường, nhục nhã ê chề. Theo thời cũng vừa vừa thôi cha! Cái tuồng mặt của ổng làm ra vẻ có hiếu đạo với "Bác Hồ" trông mà ứa gan! Lúc đó tôi muốn phun nhổ một bãi nước miếng vô mặt ổng ghê!

Ông Xuân mập nói khô cả môi, héo cả lưỡi, tê mê cả miệng mới dõng dạc kết luận:

- Đó em thấy chưa, Bác Hồ vĩ đại như vậy đấy. Em nỡ lòng nào mà thiêu hủy hình Bác. Em chép cho tôi một trăm lần năm điều bác dạy. Lẹ lên!

Ông Xuân làm như tôi chép đúng một trăm lần năm điều ông Hồ dạy thì tôi sẽ trở thành như ổng vậy. Nhớ lời thầy Năm dặn, tôi lẳng lặng ngồi xuống bàn. Tôi ngước lên xin ông Xuân mập tờ giấy và mượn cây viết. Ông ta lườm tôi:

- Giấy viết là tài sản của nhà trường, là mồ hôi nước mắt của nhân dân. Em làm lỗi rồi xâm phạm tài sản của nhà trường nữa sao?

Nói xong, ông ta lại bàn viết lấy cho tôi bốn tờ giấy và một cây viết:

- Tôi cho em mượn. Nội ngày mai em phải mua trả lại cho tôi. Còn cây viết *bic*, viết xong em giữ luôn rồi mua cây mới cho tôi luôn.

Thánh thần thiên địa ơi! Bốn tờ giấy mà cũng đòi! Còn cây viết bic viết gần hết mực rồi mà biểu trả nguyên cây mới. Coi bộ ông mập này lạm dụng quyền hành để uy hiếp "phó thường dân" dữ à. Ổng mập mà tấm lòng hào hiệp ông ốm nhom ốm nhách. Tôi nói trong bụng như vậy và tính vùng lên đòi quyền sống. Nhưng nhớ lời thầy Năm dặn. Tôi dằn cơn phẫn nộ cắm cúi viết một trăm lần điều ông Hồ dạy. Viết gần cả tiếng đồng hồ, cánh tay tôi muốn xụi lơ. Ông Hồ thật là thông minh! Ổng nghĩ ra năm điều này áp dụng vào nhà trường cho học sinh chép phạt mỗi khi phạm tội. Thông minh thật đó chớ. Vì nếu ổng nghĩ ra một điều "Bác Hồ" dạy thì tôi chép có một trăm dòng. Đằng này tới năm điều. Tôi phải chép tới năm trăm dòng. Câu nói "năm điều Bác Hồ dạy" thật là ngắn ngủi. Chỉ có một dòng. Nhưng chép ra tới năm dòng. "Hoan hô bác Hồ Chí Minh yêu chúng em nhi đồng". Tưởng chép xong một trăm lần điều ông Hồ dạy là xong. Nào ngờ, ông Xuân mập chơi cái tình "đì". Ổng kêu tôi làm tờ kiểm điểm (chắc ổng thấy linh hồn của "bác" nơi suối vàng chưa được "yên ấm"). Tôi xin thêm tờ giấy. Ổng rút trong hộc tủ ra hai tờ đưa cho tôi:

- Vậy là sáu tờ đó nghe chưa? Ngày mai phải trả cho nhà trường đó.

Biết rồi! Thiếu có mấy tờ giấy mà nhắc hoài. Làm như thiếu bạc triệu không bằng. Tôi tức tối. Tôi khó chịu như gặp người hôi nách mà xức nước hoa. Cái mạng của tôi đang ở trong nanh vuốt quân thù đâu có làm gì hơn được là chửi lén trong lòng. Tôi cắm cúi làm tờ kiểm điểm. Khi viết bản kiểm điểm, tôi nhớ lời thầy Năm dặn ban nãy nên tôi nhận tội một mình. Tôi tự cho là mình bồng bột và tôi đập đầu tự hứa từ đây về sau trôi sẽ giữ gìn hình "bác" như một vật vô giá (trị). Nhớ lời thầy, tôi không tiếc chữ tung hô cách mạng và cuối cùng cũng không quên chúc cây vú sữa của "bác" ăn mau chóng lớn. Không còn một từ ngữ Việt nam nịnh bợ nào cao siêu hơn nữa. Tôi ký tên rồi đưa cho ông Xuân mập. Ổng cầm lấy tờ kiểm điểm chăm chú đọc một thôi một hồi. Đọc xong ổng để xuống bàn rồi đôi mắt lồi của ổng nhìn

thẳng vô mặt tôi, không biết ổng nghĩ gì mà cái mặt ổng thộn ra, nụ cười lạt lẽo nở trên môi, tôi có cảm giác như ổng đang mấp máy: "Sư phụ! Hãy nhận em làm đồ đệ" hay sao đó! Ổng bằng lòng cho tôi về lớp. Tôi bước vô lớp thì đã đổi giờ khác. Thầy Năm đã không còn đó nữa. Mấy đứa bạn nhìn tôi lo ngại. Còn mấy đứa con của cán bộ miền Bắc nhìn tôi với đôi mắt sắc lẻm, soi bói. Chúng làm như tôi đốt hình ông nội, ông ngoại của chúng vậy. Sẵn sùng ông Xuân mập, tôi nhìn tụi nó, đưa cùi chỏ ra phía trước nói lớn: "Bác Hồ muôn năm!" Cả lớp cười rần rần. Cô giáo Việt văn rán nín cười. Mặt cô đỏ gay như đóa bông bụp, cái bụng cười rung rinh.

Chiều hôm đó tôi ghé nhà thầy Năm kể rõ sự tình cho thầy nghe. Cô Năm ôm bụng cười như nắc nẻ. Thầy Năm nói:

- Em chưa có thoát đâu. Thầy lo quá!

Cái lo của thầy tôi chưa được một tuần thì nhà trường mở cuộc họp hội đồng giáo viên và nhà trường quyết định đuổi cái thằng "cháu ngoan bác Hồ" này. Trong bản quyết định, người đứng ra đề nghị đuổi tôi chính là thầy Năm. Thầy gặp riêng tôi trong quán nước giọng đau khổ:

- Thầy bị nhà trường bắt buộc làm như vậy vì thầy là chủ nhiệm của em. Em hiểu cho thầy. Thầy đau đớn lắm. Thầy không làm gì hơn được. Thầy ký tên mà lòng thầy quặn thắt từng cơn. Thiệt thầy đoán không sai chút nào.

Tôi nắm tay thầy lắc mạnh:

- Thầy đừng lo. Em hiểu mà thầy.

- Bây giờ em làm sao? Trong học bạ của em đã bị đóng dấu "phản động". Em xin học trường khác không ai nhận em đâu! Tôi thở dài:

- Em chưa biết tính sao. Em phải về nói với ba má em đã. Nhưng bị đuổi, em không lo. Em chỉ lo cho thầy.

Thầy Năm nhìn tôi nhíu mày:

- Em lo cho thầy cái gì?

Tôi trả lời thành thật:

- Em nghỉ học rồi thì em đâu có cái cớ nói với ba má em là cần thầy dạy kèm nữa. Như vậy thầy sẽ bị thiệt thòi một số tiền không nhỏ.

Thầy Năm cảm động, vuốt đầu tôi:

- Trời ơi, em còn lo cái gì nữa. Thầy đã nói với em nhiều lần. Đồng tiền là phù du ảo ảnh. Có tiền thì thầy sống sung túc hơn. Còn không có thì cũng vậy. Cái tình nghĩa mới là khó kiếm. Biết rằng mười đồng mỗi tháng đối với gia đình thầy hiện tại thật không nhỏ. Có thêm mười đồng thì có thêm một nồi gạo thơm, một soong thịt heo hay một dĩa cá chiên... Nhưng nếu không có thì cũng đâu có sao. Nghèo cho sạch, rách cho thơm là đủ. Em hiểu không?

Tôi gật đầu:

- Dạ hiểu! Em không ngờ một phút bốc đồng của em mà ảnh hưởng đến đời sống của thầy. Nếu biết trước em không có làm.

- Thầy còn mến em về chuyện đốt hình ông Hồ nữa là khác. Và cũng không nghĩ tới số tiền mười đồng. Thầy chỉ tiếc mất một người học trò mà thầy thương mến nhất trong lớp. Bắt đầu ngày mai vô lớp thầy không còn thấy em nữa.

Nghe thầy nói, tôi rưng rưng nước mắt. Tôi nghẹn ngào:

- Em sẽ tới với thầy luôn luôn. Ông Xuân mập không cho em gặp thầy trong lớp, thì ông Trời luôn luôn cho em gặp thầy ở tại nhà thầy.

Tôi chợt thấy đôi mắt thầy Năm loáng ướt một màn nước mỏng. Thầy khóc cho tôi sao? Tôi cho rằng hình ảnh này đẹp nhất trong suốt cuộc đời tôi.

Tôi siết chặt tay thầy để dằn cơn xúc động, nói nhỏ:

- Ngày mai thầy lấy chiếc xe đạp của em mà đi dạy.

Thầy tôi lắc đầu:

- Thôi, thầy đi bộ được rồi. Ngày xưa không có em thầy vẫn từng đi bộ.

Tôi nhìn thầy, giọng nghiêm nghị như van lơn:

- Em không có đi học, em đâu cần xe. Nếu thầy thương em thì thầy phải nhận. Thầy thường nói "*con người với con người hãy đối xử với*

nhau bằng tình cảm chân thật". Vậy bây giờ em đối với thầy bằng tình cảm chân thật nhất. Thầy không nhận hay sao?

Thầy tôi mỉm cười:

- Thầy biết em thương thầy lắm. Nhưng còn gia đình em nữa. Em còn nhỏ nên chưa hiểu nhiều.

À, thì ra thầy sợ ba má tôi. Tôi nghĩ như vậy rồi nắm tay thầy lắc mạnh:

- Không sao đâu thầy. Ba má em quý thầy lắm. Ba má em không nói gì đâu. Em muốn gì ba má em cũng chiều em hết đó.

Thầy Năm thở dài thườn thượt. Tôi nhứt định phải nói cách nào cho thầy nhận. Sau cùng tôi tha thiết bảo:

- Nếu thầy không nhận tức là thầy không thiệt bụng thương em. Như vậy thầy còn nghi kỵ em.

Thầy Năm lố mắt nhìn tôi. Thầy hiền hậu:

- Thật là khổ! Em dùng tình cảm hiếp đáp thầy rồi.

Tôi mừng rỡ nhảy cỡn lên, ôm cổ thầy la lớn:

- Vậy là thầy nhận rồi. Phải không thầy?

*

Má tôi tỏ vẻ buồn khi tôi bị đuổi học. Nhưng ba tôi khuyên:

- Thà con mình dốt mà biết nhơn nghĩa, phải trái. Học hành làm chi vào thời buổi này, học chữ thì ít, học nhồi sọ thì nhiều. Con lũ cán bộ được điểm tốt, rồi khi thi đậu cao. Còn con của Ngụy suốt đời ở hạng chót bẹt trong lớp.

Ba tôi là nhà báo, nhà văn. Sau ngày 30-4-75, ông bị liệt vào hạng nhà văn phản động, bị buộc tội đã từng làm bồi bút cho Mỹ đế quốc nên ông bị cấm *viết* và phải *lách*, không còn chút hy vọng nào để viết lách như xưa. Ba thường ngâm nga nho nhỏ trong nhà:

Văn chương chi nữa mà mong?
Chợ trời chạy mánh cũng xong tháng ngày
Văn chương bức tử bởi ai?
Mau mau vượt biển, nước ngoài dung thân.

Má tôi tuy bực mình về cái tai họa của tôi, nhưng đôi lúc má mơ màng:

- Ờ há, ra nước ngoài, ba nó sẽ cầm bút trở lại, còn sắp nhỏ có nhiều cơ hội học hỏi.

Tôi khám phá ra một điều bí mật của gia đình trong một cuộc bàn tán nhỏ to của ba má tôi với những người khách lạ trong nhà. Họ nói với nhau về tàu bè, xăng dầu, bến bãi. Thì ra ba má tôi đang tổ chức vượt biên. Hèn gì tôi bị đuổi học ba má tôi không la rầy một tiếng. Thắc mắc của tôi đã được giải đáp. Vậy là tôi phải xa thầy Năm hay sao? Không thể được! Tôi không thể xa thầy. Thầy tuy không phải là hình bóng của tôi, không là nhịp thở, không là bầu không khí của tôi. Nhưng thầy là điểm tựa của tinh thần tôi. Con người không có hình bóng, không có nhịp thở, không có bầu không khí để thở thì dĩ nhiên làm sao mà sống? Nhưng mà, dẫu tôi có giữ được nhịp thở, trong lúc đó điểm tựa tinh thần bị vì lẽ gì đó mà mất đi, tôi sẽ cảm thấy hoang mang, lạc lõng. Giữa lúc dân tâm ly tán, thời buổi nhiễu nhương, tôi cảm thấy mình đã tìm được một chút giá trị tinh thần qua thầy Năm của tôi. Lẽ nào tôi chịu mất thầy?

Tôi thay quần áo, rảo bước đến nhà thầy Năm. Từ ngày nghỉ học cho đến nay tôi chỉ gặp thầy có buổi sáng. Thỉnh thoảng vào buổi tối. Những buổi trưa thầy đi dạy, tôi nằm nhà mà hồn tôi cứ thơ thẩn nhớ tiếc những ngày đi học. Tôi thèm thuồng nhìn thầy đứng trên bục gỗ, giọng trầm ngâm giải những bài toán hóc búa. Thi sĩ Đinh Hùng có bài thơ "*Khi Mới Lớn*" có hai câu: "*Ta ngồi nghe những tiếng thị thành xa. Hồn lơ đãng, mộng ra ngoài cửa lớp*". Tôi cũng có bài thơ với hai câu thơ là "*Khi Bị Đuổi*", "*Ta nằm nghe những tiếng giảng bài xưa. Hồn thơ thẩn mộng ra chợ trời kiếm mánh*". Hay! Hay quá! Đúng quá! Tiếng Việt nam thật là phong phú. Chỉ cần đổi có mấy chữ mà thay đổi cả một tâm trạng con người. Từ một tên học trò làm biếng, tối ngày cứ "*mộng ra ngoài cửa lớp*" mà trở thành một tên học trò siêng năng "*mộng ra chợ trời kiếm mánh*". Tuyệt cú mèo! Tôi cũng là thi sĩ đấy chớ. Mặc dầu là thi sĩ "chôm chỉa". Nhưng cái "chôm chỉa" của tôi nó có giá trị. Giá trị ở chỗ là tôi đối lập lại cả một trào lưu biếng

học. Thi sĩ Đinh Hùng mà còn sống chắc chắn ông sẽ kết bạn vong niên với tôi!

Sáng chủ nhật nào khu cư xá Kiến Thiết cũng ồn ào náo nhiệt. Những đám trẻ chơi tạt lon bên đường la lối om xòm. Những người đi chợ Hoa Lư tay cầm giỏ đổ xuống như một dòng thác. Có thể nói ở Việt nam ngày chủ nhật là ngày đăng hoa mở hội. Chớ ai đời đâu như ở trên đất Pháp này, ngày chủ nhật cửa hàng đóng kín mít, đường xá vắng tanh, buồn như đời người tỵ nạn lưu vong.

Tới nhà thầy Năm, tôi thấy thầy đang vá chiếc xe đạp cho một ông khách. Thầy nhìn tôi cười niềm nở:

- A Hưng! Ngồi chơi em.

- Dạ, chào thầy.

Nói xong tôi ngồi xuống bên cạnh thầy:

- Thầy đưa em vá cho.

Thầy Năm cười lắc đầu:

- Thôi được rồi, để thầy vá cái này. Em tháo cái líp hai mươi của chiếc xe đạp kia rồi thay cái líp mười sáu vào giùm thầy đi. Một hồi người ta đi chợ về người ta lấy đó.

Thầy Năm vừa nói vừa với tay đưa cho tôi cái líp xe mười sáu răng cưa. Tôi cầm lấy rồi lấy kềm, búa đi lại chiếc xe đạp C50 màu xanh dương dựa bên gốc mận hồng đào. Tôi vừa làm vừa to nhỏ với thầy:

- Theo em nghĩ, ngày nào mà thầy trò mình xa nhau chắc là buồn lắm phải không thầy?

Thầy Năm vừa chà giấy nhám vào ruột vỏ xe đạp, vừa nói:

- Làm sao mà xa nhau được em!

Trời ơi! Thầy Năm làm sao hiểu được là tôi sắp ra đi vĩnh viễn. Tôi nhìn thầy và nghĩ tới ngày nào đây thầy sẽ ngồi đây một mình lụm cụm với mấy chiếc xe đạp mà lòng buồn tê tái. Ai sẽ chuyện trò với thầy? Ai sẽ phụ giúp thầy? Tội nghiệp thầy quá. Cuộc đời của tôi dễ gì có được một người vừa là thầy vừa là bạn như thầy Năm? Hay là tôi ở lại với thầy. Nhưng mà làm sao ở lại được trên một đất nước mà tuổi trẻ, người dân không có tương lai! Tình cảm con người sao mà mâu

thuẫn quá vậy? Tình cảm và lý trí sao cứ phải đối nghịch. Lẩn thẩn thiệt! Nhưng mà suy nghĩ làm chi cho mệt. Chi bằng rủ thầy đi luôn là tiện lắm chứ gì. Mà thầy nghèo rớt mồng tơi, rách lá chuối thì đào tiền ở đâu ra để trả cho một chuyến đi? Lại thêm một vấn đề phức tạp. Ờ há! Sao tôi không nói với má tôi giúp cho thầy đi, rồi qua bển thầy sẽ đi làm trả dần. Ba má tôi tuy quý thầy, nhưng nếu giúp thì ba má chỉ giúp có giới hạn, không lẽ lại giúp hết cả gia đình thầy đi không? Mà nếu thầy đi có một mình bỏ lại cô và hai đứa nhỏ thì cũng kẹt. Thầy đi rồi, ai nuôi gia đình? Qua bên bển ít nhất cũng phải mất nhiều năm thầy mới gởi tiền về được? Cô và hai đứa nhỏ sẽ sống làm sao trong vòng thời gian đó. Trời ơi! Phải chi thầy độc thân thì dễ quá rồi! Cưới vợ làm chi vậy hổng biết. Bậy! Bậy thiệt! Tôi không nên nghĩ như vậy. Nghĩ như vậy là ích kỷ, nhỏ nhen. Thôi thì cứ bàn với thầy, coi thầy tính sao. Nhưng nhất định thầy phải theo tôi. Thầy phải xa lánh cái địa ngục này. Thầy phải hy sinh để gia đình thầy có tương lai. Thầy qua bển rồi thầy làm bảo lãnh cho cô và hai đứa nhỏ được đoàn tụ. Nghĩ vậy tôi cảm thấy thoải mái trong lòng. Ráp bánh xe đạp lại, tôi dựng chiếc xe dựa cây mận, tôi ngồi xuống bên cạnh thầy nói nhỏ:

- Thầy có muốn đi vượt biển với em không?

Tôi thấy khuôn mặt thầy thất sắc:

- Em nói cái gì?

Vừa lúc đó hai người đàn ông bước vô cửa sân. Một người lấy chiếc xe đạp vá bánh. Một người lấy chiếc xe thay líp. Thầy tôi đứng dậy giao xe, lấy tiền. Đợi cho hai người khách đi ra khỏi cửa. Thầy tôi kéo tôi lại băng ghế đá gần đó. Hai thầy trò ngồi xuống. Thầy Năm hỏi lại:

- Em nói làm sao?

Tôi nuốt nước miếng đánh ực:

- Em sắp đi vượt biên rồi. Em muốn thầy đi chung với em.

Thầy Năm nhìn tôi chăm chăm:

- Sao chuyện này em dám nói với thầy?

Tôi cười nhẹ:

- Em tin thầy mà.

Thầy tôi nghiêm nghị:

- Em có biết chuyện này quan trọng lắm không? Đừng có nói tùm lum. Nguy hiểm lắm Hưng à!

- Không, em chỉ nói với thầy thôi. Vì em tin thầy lắm. Thầy muốn đi với em không?

Thầy tôi thở dài:

- Tiền đâu để thầy đi với em? Cách đây hai năm thầy bán hết đồ đạc, gom tiền đi một chuyến. Nhưng thầy bị gạt, tiền hết rồi.

Thì ra vậy, hèn chi đồ đạc trong nhà không còn món gì hết. Tôi hỏi tới:

- Lúc đó thầy dự định đi một mình hay hết cả nhà?

- Tiền đâu mà đi hết cả nhà, em? Thầy định đi một mình rồi sẽ bảo lãnh cô và hai em sau.

Nghe thầy nói như vậy, tôi hy vọng tràn trề. Tôi náo nức:

- Vậy kỳ này thầy đi với em đi.

Thầy tôi lắc đầu chán nản:

- Thầy đâu còn tiền để mà đi, em. Em có thấy trong nhà thầy còn món gì giá trị để mà bán nữa đâu.

Tôi đặt tay lên vai thầy:

- Chuyện đó không thành vấn đề. Ba má em là người tổ chức chuyến đi này. Em sẽ nói má em cho thầy đi. Qua bên đó thầy làm ra tiền, thầy sẽ trả sau.

Thầy Năm đang buồn, nghe tôi nói như vậy, thầy cầm tay tôi, giọng run run:

- Em chắc là ba má em bằng lòng không?

Tôi bậm môi, gật đầu một cái mạnh:

- Em chắc chắn là được. Ba má em quý thầy lắm.

Thầy tôi nhìn tôi suy nghĩ một hồi, thầy nói:

- Vậy trăm sự nhờ em. Cái ơn này thầy không bao giờ quên.

Tôi vỗ vai thầy nhè nhẹ, nói theo kiểu người lớn:

- Thầy đừng nói ơn với em. Hai người thiệt lòng thương mến nhau thì không có chữ *ơn* ở trỏng. Chỉ có chữ *nghĩa* và chữ *tình* mà thôi.

Thầy Năm siết chặt tay tôi, không nói một lời nào. Nhưng trong đôi mắt thầy như nói lên ngàn lời chơn thật. Con người nhiều lúc không cần phải nói. Chỉ cần một ánh mắt cũng đã đủ. Bởi vậy mới có câu: "Đôi mắt là cửa sổ của linh hồn".

Tôi nhìn vô trong nhà rồi quay lại hỏi thầy:

- Vậy thầy đi rồi, cô và hai con làm sao mà sống?

Thầy tôi giọng buồn buồn:

- Cô em đã chuẩn bị tinh thần từ ngày dân miền Nam mình mất nước. Chính cô em bán đồ đạc trong nhà để thầy ra đi. Tuy là thầy bị gạt cô em vẫn còn hy vọng nếu thầy xoay sở thì cũng có ngày vượt biển thành công. Sau vụ vượt bể mánh, thầy đau bệnh thương hàn, thập tử nhứt sanh, cô em đứng ra kiếm sống, mua đầu chợ bán cuối chợ. Có gặp nghịch cảnh thầy mới biết được khả năng chịu đựng của người phụ nữ miền Nam tụi mình. Thầy và cô em còn trẻ, lúc nào cũng hy vọng, hư keo này bày keo khác, bể mánh này gầy mánh khác.

Tôi gật đầu nhìn thầy khâm phục. Thầy Năm vuốt đầu tôi âu yếm:

- Mai mốt thầy sẽ nói nhiều điều hơn nữa. Còn về vụ cô và hai em của em, chừng nào ba má em ưng thuận, thầy đưa cô em và hai em của em về Rạch giá sống với ba má của thầy. Nhà này cô em sẽ bán sau và sẽ dùng số tiền đó sinh sống cho đến ngày thầy gởi đồ về.

Thầy trò tôi ngồi hàn huyên một hồi. Thấy đã gần xế trưa, tôi xin phép thầy cô ra về. Tôi bước đi, lòng vui khấp khởi. Một cục gạch nằm bên đường, tôi giơ chơn đá mạnh. Đá làm sao không biết mà dập cả cái móng chơn cái. Đau gần chết mà tôi không dám ngồi xuống để xem vết thương. Tôi rán sức đi cà nhắc, thoăn thoắt về nhà.

Cuộc đời của tôi từ nhỏ tới lớn, chưa có lần nào tôi thấy cha mẹ tôi từ chối tôi điều gì. Má tôi chấp thuận dành cho thầy Năm một chỗ trên chuyến tàu sắp ra khơi ở Hà tiên. Tôi chạy vội vàng báo tin cho thầy mà quên cả mang dép. Chơn đạp trên đá sỏi nhọn lổm chổm đau buốt mà tôi cứ ngỡ như đang chạy trên tấm thảm nhung mềm. Biết

được mẹ tôi ưng thuận, thầy rưng rưng nước mắt ôm siết tôi vào lòng. Cô Năm đứng kế bên mừng quá nên khóc rấm rứt. Hai đứa nhỏ không hiểu gì, đứng ngơ ngác, mắt ngó láo liên.

Hôm sau tôi phụ thầy thu xếp hành trang để tuần sau đưa cô Năm và hai đứa nhỏ về quê nội. Tôi xin cha mẹ cho tôi tháp tùng thầy Năm đi Rạch giá. Trên đường đưa cô Năm và hai đứa nhỏ về ruộng vườn, tôi nhìn qua cửa kiếng xe đò, quê hương mình sao mà hiền lành, mộc mạc quá. Vậy mà tôi sắp phải xa mảnh đất thân yêu này rồi. Biết ngày nào mới trở lại? Tôi buồn rưng rưng nước mắt. Quê hương của mình mà mình phải dành bỏ hết để ra đi. Thầy tôi nói đúng. Cái chữ "dành" này tuy ngắn ngủi, tầm thường, nhưng nói lên một thời kỳ bi đát, thống khổ nhất của lịch sử Việt nam.

*

Hai thầy trò chúng tôi qua tới đảo Pulau Bidong. Ở Mã lai đã gần sáu tháng. Phái đoàn đã nhận hai chúng tôi vào nước họ định cư. Những ngày tháng ở đảo lẫn lộn vui và buồn. Tôi và thầy Năm có nhiều kỷ niệm đậm đà khó quên. Thầy Năm có thói quen cứ mỗi chiều cho tới xẩm tối, thầy thường ra ngoài bãi ngồi dựa gốc dừa ngắm biển vỗ sóng rì rào để tưởng nhớ đến quê hương thống khổ và vợ con còn kẹt lại ở bên nhà. Tôi cứ tưởng rằng thầy trò chúng tôi sẽ sống mãi bên nhau cho tới suốt cuộc đời còn lại. Nào ngờ...

Thầy Năm vốn là cựu quân nhân, giáo chức biệt phái, đã từng học thêm ở London School, ở Hội Việt Mỹ, nói trôi chảy tiếng Mỹ ngon lành. Em trai của thầy di tản sang Mỹ hồi năm 1975, hiện định cư ở Texas. Tôi cứ đeo theo thầy năn nỉ thầy tìm cách nào để được cùng tìm đất nước định cư chung với thầy. Thầy Năm gật đầu, mà sao tôi thấy thầy có vẻ buồn buồn.

Năm 1979, ông Jacques Chirac, đô trưởng thành phố Paris nước Pháp ra ứng cử Tổng thống. Ông ta muốn kiếm thêm số phiếu của Việt kiều sống trên đất Pháp nên nhận tám ngàn người Việt ở đảo, trong đó, số trẻ em không có thân nhân được ưu tiên. Thầy Năm khuyên tôi:

- Em nên nhận lời đi Pháp. Để thầy lo thủ tục giấy tờ cho em.

Tôi ngây thơ:

- Và thầy cũng xin đi Pháp theo em nghen.

Thầy gật đầu. Sống một ngày ở đảo cũng như sống một ngày tù. Tìm được một quốc gia định cư nào càng sớm càng tốt, càng khỏe. Có người ở đảo suốt ba năm, ngó đương sự mà tôi nản lòng, nản chí.

Nhưng tuần lễ sau, thầy Năm được *list* đi Mỹ. Buổi tối báo tin cho tôi biết, thầy có vẻ ngần ngừ... Cả hai đứng trên gộp đá, dưới bóng cây dừa trông ra biển tối đen, sóng vỗ ào ào, xa xa vài ánh đèn tàu sáng lấp lánh, lúc tỏ lúc mờ như tư tưởng của tôi lúc bấy giờ. Thầy cố gắng lắm, bảo:

- Hưng, mai này thầy đi Mỹ.

Và thầy ôm tôi, siết tôi vào ngực, thầy khóc rống lên. Trời ơi, con người điềm đạm, có vẻ nghiêm khắc kia có thể để cơn trào lòng dâng ào ạt như vậy hay sao? Thầy tức tưởi:

- Thầy dối gạt em. Em tha lỗi cho thầy.

Tôi cũng khốc, vừa hờn giận vừa tuyệt vọng. Thầy Năm cứ thế vỗ về tôi mà tôi vẫn không thèm nghe lời thầy. Tôi hơi giận vì ích kỷ nhỏ nhen trong thông cảm rộng lượng, hiểu chuyện của thầy.

Khi định cư trên đất Pháp, dù có giữ lá thư đầu tiên của thầy viết từ Texas gửi đến đảo cho tôi, nhưng tôi không viết thư cho thầy. Phải mất một thời gian sau tôi mới hiểu rõ hoàn cảnh của dân tỵ nạn, của người vượt biên. Đâu phải ai cũng có thể chọn lựa được một đất nước định cư theo ý muốn? Tôi hồi tưởng lại cơn khóc ồ ạt của thầy Năm. và tội, với tấm lòng thông cảm, với niềm thanh thản, viết một bức thư đầu tiên gửi về Texas cho thầy. May mà em trai của thầy còn ở địa chỉ cũ.

Trước khi dứt chuyện tôi muốn nói thêm một điều: Một bữa ngày 30-4... tôi gặp ông Xuân mập đang cầm cờ Quốc gia và miệng hét rất to: "Đả đảo Cộng sản!"

LA TOÀN VINH

suy niệm cho một ngày

*

Một ngày;
có tiếng chim,
có nắng và những bóng cây trải dài trên thảm cỏ.
Tôi nhìn
con đường qua những ô cửa, im lìm như một buổi trưa.
Bây giờ và nơi đây;
tôi chợt bắt gặp sự tĩnh mịch sâu thẳm
khi những chiếc lá đong đưa trong bể ánh sáng lung linh.
Bầu trời này vẫn xanh;
khi không còn dấu vết những bóng mây,
chiếc lá màu xanh non ươm lấy tuổi trẻ của tôi
như một sự hồi sinh
yên lặng.
Tôi cảm nhận một ngày qua bóng tối trong cùng ánh sáng,
bên chiếc bàn ngổn ngang trăm thứ.
Tôi ngắm nhìn bức tranh, không một câu hỏi hay đối đáp;
chỉ có tiếng vọng lui tới trong mỗi bước chân...
Hương trầm và thơ; làm hân hoan trong khoảnh khắc,
thời gian nơi này đã được đếm bằng con số không;
cho sự phóng lên của một chiếc phi thuyền.
Vũ trụ nơi tôi đang cùng bước đi,
dường như có sự sinh ra và hủy diệt;
cho tôi được lẩn tránh trong thế giới loài người,
và hóa thân làm thi sĩ

để ca ngợi những lời hư vô, bằng trái tim ban sơ;
để được đi trong vô tận,
ngắm nhìn những bình minh, hoa, lá, cỏ...
Một ngày;
tôi vẫn ngồi đây bên khung cửa,
bên ngoài trăng lên, bên trong là một chiếc hộp văn minh
có lò sưởi, có nhạc ru trong những phút cô đơn;
trong thiên đàng nhỏ của sự sáng tạo,
xin nhận diện qua hình hài của sắc màu.
Thế giới tôi đi qua, như một cơn mơ êm đềm;
thế giới trong suy niệm tôi còn nấn ná từng ngày...

NGUYỄN TẤT NHIÊN

mưa nhẹ

*

hôm nay phố vẫn đông người
khác chăng góc khuất anh ngồi lãng quên
hôm nay nhẹ nhẹ êm êm
gió, như em thở dài thêm điệu buồn...
*
hôm nay sinh, tử vẫn thường
khác chăng đầu óc không hồn nhớ điên
hôm nay chậm chậm hiền hiền
mưa, như sương khói tình em phụ chàng...
*
và hôm nay khéo vội vàng
nhắc phôn anh gọi đời ràng buộc nhau!

JOHN BROADUS
THANH HƯƠNG dịch

nhớ, sợ và yêu

*

Lời tòa soạn: *John Broadus, nhà văn kiêm kịch tác gia Hoa kỳ, là một thân hữu của Văn Học. Anh viết rất nhiều về Việt nam, nhưng khác với hầu hết các tác giả Mỹ khác, nhân vật chính của John - dù là kịch bản, truyện ngắn hay truyện dài - thường là Việt nam. Tuy vậy, truyện ngắn dưới đây, viết riêng cho Văn Học và được chuyển ngữ bởi chính hiền nội của anh, lại đề cập đến một phần đất khác đâu đó ở phía nam nước Mỹ.*

John thường xuyên viết cho các tạp chí văn chương Mỹ như Minnesota Review, Prisma... Dự định tương lai của anh là cho xuất bản một quyển truyện dài nói về người tị nạn Việt nam trên đất Mỹ.

NHỚ

Rồi bà cụ cũng trút hơi thở cuối cùng. Khuôn mặt bà xám xanh, miệng còn ngậm ống nhựa của máy hô hấp nhân tạo. Cô y tá vuốt mắt cho kẻ quá cố, gỡ bỏ ống dưỡng khí, dây truyền máu, điện cực, tất cả những đồ nhân tạo suốt ba tuần qua đã kéo dài cuộc sống của bệnh nhân trong cái hy vọng phục hồi mỏng manh. Rồi cô bỏ đi. Bây giờ thì tất cả chỉ còn yên lặng. Cả tiếng động cơ rù rì của máy hô hấp cũng đã tắt. Những giọt huyết tương đã thôi nhiễu trong ống nhựa đã được kẹp lại, nằm lùng bùng trên chiếc khay nhôm.

Người y sĩ trẻ đứng cuối giường, nhìn ngắm khuôn mặt người chết. Anh biết quá về chuyện chết chóc, hay ít ra anh tin vậy. Ngay ở làng

anh, suốt thời cách mạng bùng nổ, anh đã thấy thiếu gì người chết. Chết một cách tàn bạo, một cách bất thần, một cách khơi khơi. Có khi thần chết đến như một vị cứu tinh, chấm dứt mọi đớn đau, đem lại sự an nghỉ cho một cuộc sống đã quá dài, quá khổ. Nhưng mà cái chết này có gì bất thường. Nó chậm chạp quá. Bệnh tật từ từ xâm chiếm những ngõ ngách của tấ nhân thể này, độc tố lan ra làm thối rữa từng cơ quan một, từng tế bào một.

Nhưng không phải vì vậy mà cái chết bất thường. Cái bất thường không vì bệnh tật mà chính vì người chết.

Chắc phải cả mấy tháng rồi, bà lão nhà quê này đã biết bệnh tình mình vô phương cứu chữa. Bà được một kẻ lạ mặt nhặt ở ngoài đường mang vào bệnh viện. Ngay từ đầu, tình trạng hấp hối đã rõ ràng và nhân viên bệnh viện đã quyết định chỉ cứu chữa cầm chừng.

Người thầy thuốc trẻ nhớ lại hôm bà lão mới nhập viện. Bà gầy tong teo, sống dở chết dở. Giọng nói bà khàn và khô như giọng những người lầm than vất vả. Lưng thì còng, và khuôn mặt nhăn nhúm mang dấy chứng tích của một cuộc sống nông dân lam lũ. Xương mặt bà gồ lên, phơi căng làn da mỏng đã chai xạm vì những năm tháng dãi nắng dầm mưa. Tròng mắt bà vàng đục, và vài chiếc răng chưa rụng đều bị sún ăn đen thui. Bà khai tám mươi lăm tuổi, nhưng tuổi thực bà bao nhiêu thì không ai biết. Bà không còn thân thuộc để săn sóc chăm nom. Chồng bà đã chết từ lâu lắm. Và hai đứa con gái thì một bị lính giết, một biệt tăm. Bà lão hoàn toàn cô độc. Khám qua, anh đã biết tình trạng bệnh nhân hoàn toàn tuyệt vọng.

Anh không hiểu nổi tại sao một bệnh nhân như vậy, mỗi hơi thở là một cố gắng đớn đau, lại bám lấy sự sống một cách quyết liệt đến thế. Chết rồi, bà lão vẫn làm cho anh suy ngẫm. Anh thán phục cái can đảm của bệnh nhân trước những cơn đau đứt ruột, và cuộc chiến đấu dai dẳng của bà với thần chết. Cuộc chiến đấu không chút hy vọng mỏng manh.

*

Bà Romero là một y tá trưởng tận tụy với nghề. Sáng nay, cũng

như mọi sáng, bà đi một vòng bệnh xá. Thấy người thầy thuốc đứng tần ngần nơi chân giường bà lão, bà bước tới bên. Biết anh thắc mắc, bà mau mắn:

"Chuyện gì vậy, bác sĩ?"

"Không, không có chuyện gì cả. Tôi chỉ nghĩ..."

"Đằng nào thì cũng không cứu được. Bác sĩ có làm gì đi nữa cũng thế thôi."

"Tôi biết."

Yên lặng giây lâu. Rồi mắt vẫn đăm đăm nhìn người chết, anh nói:

"Bà Romero, tôi hỏi bà cái này nhé."

"Trường hợp bệnh nhân này làm bác sĩ ngạc nhiên phải không?"

"Đúng vậy. Tôi không hiểu... Tại sao nhỉ? Tại sao bà lão nhất định bám víu lấy sự sống nhỉ? Mấy tuần qua, đau đớn như thế... Chắc phải đau lắm, ngay cả từ trước khi đến đây. Tôi không hiểu tại sao một bà già đến thế này, bệnh thế này, đau thế này... bơ vơ, không bạn bè, không thân nhân, không một cái gì hết... vậy mà vẫn bám riết lấy sự sống. Nhiều người khi đau đớn quá chỉ cầu cho được chết. Nhưng trường hợp của bà lão thì không. Tôi chưa thấy ai chịu đau giỏi như bà ấy. Tôi cứ thắc mắc. Tại sao nhỉ? Thật ra chẳng có gì giữ bà lại cuộc đời này. Vậy thì chịu từng ấy đau đớn để làm gì nhỉ? Cả cái hiện tại trống không này..."

Bà Romero ngắm khuôn mặt măng trẻ của người thầy thuốc. Trẻ quá, bà nghĩ. Bà biết bà không cắt nghĩa được cho anh. Có những câu hỏi phải đến tuổi nào đấy mới hiểu được.

Nhưng tuổi trẻ không biết đợi. Và anh nhìn bà như chờ đợi câu trả lời. Sau cùng, bà nói cho xong chuyện:

"Hiện tại khốn khó, nhưng còn quá khứ, còn dĩ vãng..."

"..."

Bà Romero trả lời cho có trả lời. Nhưng câu trả lời cho có của bà bỗng có một ý nghĩa đặc biệt. Bà nhìn khuôn mặt người quá cố. Rồi mắt bà mờ đi... để thấy xa hơn, thấy thẳng về dĩ vãng của chính mình, cái dĩ vãng muôn vàn đẹp đẽ hơn cuộc sống hiện tại của người y tá già

tại một bệnh xá hẻo lánh. Ánh nắng xuân từ cửa sổ chiếu sáng khoảng giường phía trên chiếc gối làm bà lơ đãng nhìn ra ngoài. Bên ngoài là mùa xuân ấm áp. Có ngọn gió nhẹ lao xao trong lá cây. Cảnh vật như hồi sinh dưới nắng xuân ấm áp. Mắt mơ màng, bà như vừa nói vừa hình dung cái cảnh quá khứ bà đang kể cho anh.

Bà bỗng thấy rõ trước mắt cả câu chuyện đời của bà lão quá cố. Không, bà đang sống lại cuộc đời của một người đàn bà khác... quen thuộc lắm. Bà nói, giọng nhỏ nhẹ như nói với chính mình.

Bà nói, bác sĩ biết không. Không phải lúc nào bà lão này cũng tàn tạ như bây giờ. Đã có hồi bà là cô gái trẻ trung thanh tân. Có thể xinh đẹp nữa. Đúng, tôi nghĩ có hồi bà ấy đẹp lắm. Hồi ấy, cô gái yêu một cậu trai và được yêu lại. Rồi cô gái thành cô dâu mới, và ngày cưới, trông cô xinh đẹp như một bà hoàng và đã sống một đêm tuyệt vời hoan lạc, hạnh phúc.

Nhưng bình minh tới, niềm hoan lạc tan theo sương sáng, và cô dâu mới bước vào cuộc sống lam lũ của thường nhật, của chiến tranh, của bất hạnh... Thời gian qua, kỷ niệm mỗi ngày mỗi đẹp đẽ hơn, huy hoàng hơn, đẹp đẽ huy hoàng hơn cả sự thật. Sau cùng, tất cả chỉ có kỷ niệm là đáng kể, và tất cả chỉ là kỷ niệm. Và tất cả của cải trên đời chỉ có vậy, sao chịu để cho thần chết cướp đi. Thành thử, dù khổ sở đến đâu, đau đớn đến đâu, cũng bám chặt lấy cuộc sống, rán sống để còn có thể tưởng nhớ được cái kỷ niệm ấy.

Người thầy thuốc trẻ nhìn bà y tá già với đôi mắt ngờ vực:

"Chỉ có tưởng nhớ thôi sao? Chỉ có vậy thôi sao?"

Bà Romero tới bên xác chết, vuốt lại mái tóc bà lão cho ngay ngắn. Bà nói:

"Khi tất cả chỉ còn là kỷ niệm thì kỷ niệm là tất cả."

Người bác sĩ nhìn mặt bà, tìm hiểu. Không muốn nhìn nhận mình không hiểu, anh làm bộ thản nhiên đóng hồ sơ bệnh nhân lại. Rồi chững chạc anh bước sang phòng bệnh nhân bên cạnh.

★

Bà Romero đã "giáo dục" rất nhiều bác sĩ trẻ mới ra trường, trong

những năm đầu tiên họ về phục vụ ở bệnh xá tỉnh lỵ này. Họ bao giờ cũng chững chạc, tự tin. Rồi đời sống, không phải đời sống sách vở, mà đời sống thật làm họ ngỡ ngàng, có khi lạc lõng. Và họ cần người chỉ dẫn. Anh chàng bác sĩ trẻ tuổi này cũng giống như đồng bạn đến trước, có điều có lẽ kiêu căng hơn một chút, cái kiêu căng chóng phai với đời sống ở tỉnh lẻ này.

Rồi bà chặc lưỡi. Không phải lúc nào bà cũng dậy dỗ họ. Hôm nay, nhờ người bác sĩ măng sữa này mà bà học được một điều mới mẻ về đời sống, là dĩ vãng không hẳn chỉ là niềm an ủi cho những con người cơ cực, và chính bà cũng nhiều lần trốn về dĩ vãng để sống bằng sự tưởng nhớ những kỷ niệm xa xăm...

Bà làm hiệu cho người y công mang xác bệnh nhân đi. Chiều hôm đó, bà Romero đặt một cỗ quan và lo chôn cất kẻ xấu số. Bà cũng mua một tấm bia nhỏ, dặn thợ khắc mấy chữ trên bia "Để Tưởng Nhớ".

*

SỢ

Manolo thức giấc lúc ba giờ sáng. Cậu trai chỉ cảm thấy sợ. Mồ hôi ướt nhỏ giọt trên làn da nâu của tấm thân niên thiếu. Cậu nằm ngửa, trần truồng trên chiếc giường đơn chật hẹp, đệm cứng, mình đắp tấm ra bằng vải bông mỏng. Bạn bè đã bỏ về từ lâu, bỏ lại cậu một mình với cơn sợ kinh khủng này.

Bên ngoài, mấy ngôi nhà lờ mờ trong ánh trăng nhợt nhạt như những ngôi mộ. Mùa đông lần khân chưa muốn ra đi để nhường chỗ cho mùa xuân. Trong không khí lạnh và yên tĩnh, Manolo nghe tiếng mấy con bò đực rống trong chuồng. Đêm nay chúng cũng thức. Cũng như Manolo, chúng cũng nôn nóng.

Gắng không run rẩy, cậu trai cảm thấy chân tay gồng cứng. Lưỡi cậu khô khốc trong miệng. Chậm chạp như một ông già, cậu bò ra khỏi giường uống ngụm nước. Trong bóng tối căn phòng nhỏ, cậu trần truồng đứng nghe tim mình đập. Cậu bỗng rùng mình. Cậu trở lại giường chui xuống dưới tấm ra kéo lên đến cổ, tay nắm chặt mép vải.

Đêm qua, thằng Javier mang rượu tới và đám bạn trai ngồi uống.

Có những câu chuyện gẫu, có những tiếng cười gượng, có huênh hoang về những thành công xuất chúng trên đấu trường, về khán giả vỗ tay như sấm dậy, về những con bò đực chạy rầm rầm đến tấn công, sừng bò quẹt sát vào người làm khán giả há hốc miệng vì kinh sợ. Về phần thưởng lớn cho cả bọn, toàn phần thưởng lớn, nào tai bò, nào đuôi bò, nào khán giả công kênh lên để diễu quanh đấu trường. Đêm qua, tất cả bấy nhiêu vinh quang hư cấu đã xảy ra ở đây, ngay trong căn phòng chật chội này.

Vài giờ nữa mặt trời sẽ mọc, và trưa nay, khán giả sẽ tới tụ tập ở đấu trường. Đến bốn giờ, ban nhạc sẽ trỗi lên bản *Pasadoble*. Cửa đấu trường sẽ mở rộng, và bọn cậu, ba chàng trai trẻ sẽ hiên ngang bước vào, đối đầu với số mệnh trước sự chứng kiến của đám đông trong tiếng kèn đồng rộn rã. Lúc ấy mọi sợ hãi phải cất đi, các cậu chỉ còn được phép kiêu hãnh và khinh thường cái chết. Tất cả chừng đó trong khoảng thời gian mấy giờ chiều nay.

Manolo nghĩ đến mấy con bò mộng và cảm thấy ruột thắt lại. Mùa đấu bò đã trở về. Vận hội đã tới cho Manolo để thử tài, để hy vọng ra khỏi nghèo túng, để nổi danh.

Cậu nằm yên trên giường. Cậu thở chậm chạp điều hòa cái không khí nặng nề lẫn mùi rác rưởi trong con đường trước nhà. Cậu nhắm mắt lại rồi lại mở ra.

"Quên sợ đi. Hãy nghĩ chuyện tích cực. Biết đâu hôm nay mình lại gặp may. Biết đâu sẽ có một ông bầu tốt đến tìm gặp mình. Biết đâu mình sẽ được đấu với những con bò mộng dễ ăn. Biết đâu "nàng" cũng tới xem."

Ánh nắng đầu ngày mấp mé bên kia đồi soi sáng căn phòng bụi bặm của Manolo. Cậu trai nhìn trần nhà nứt nẻ và đầy vết ố, tưởng tượng ra những hình ảnh. Ruột gan cậu cồn cào và cậu gồng bụng lên để trấn áp.

Bộ đồ "ánh sáng" mới thuê treo ngay ngắn trên mắc trong tủ áo gần như trống trơn. Cậu đã vét túi thuê bộ đồ này, và tiền thuê tốn kém nhiều hơn dự tính. Người thợ may đã tính đắt gấp đôi, vì chắc lão

ta nghĩ bộ đồ cho tay mơ thuê chắc gì lấy về được lành lặn. Cậu đòi thuê bộ đồ "ánh sáng" *đẹp nhất*, hứa hẹn sẽ đem lại vinh quang cho lão trong cuộc đấu bò hôm sau. Nhưng lão cho cậu thuê bộ đồ cũ nhất, với những mảnh vá ghê rợn sau khi người thuê trước đã bỏ mạng trên cặp sừng tàn bạo của con bò mộng quá hung dữ.

Manolo mặc thử. Bộ đồ không vừa. Chiếc quần thì rộng thùng thình, phải tém lại. Mặc vào trông thật kỳ cục, nhưng lão thợ may thật nhẫn tâm. Không thuê thì thôi, chỉ có vậy. Và cậu phải lấy bộ đồ, nhẫn nhục chịu đựng sự nhạo báng của lão.

"Mình phải nghĩ chuyện khác tốt đẹp hơn. Hãy nghĩ đến nàng."

"Nàng" là Liliana, con gái ông chủ lò bánh, nơi Manolo thỉnh thoảng tới làm việc lặt vặt. Mỗi khi thấy cô gái là Manolo nhũn ra vì xúc động. Cậu lúng túng vụng về, không nghĩ ra được câu gì duyên dáng để nói. Cô gái nhìn cậu khinh khỉ, nhưng cậu không cần. Ngày mai cậu sẽ trở thành người đấu bò nổi danh, và mọi chuyện sẽ thuận lợi. Còn bây giờ, chỉ cần thấy mặt cô là đủ.

Sau cùng, cậu lấy hết can đảm hỏi cô có đi xem đấu bò không, cô chỉ bảo "Có lẽ", điệu bộ kiêu kỳ như khi nói với đám thợ của bố.

Có tiếng con chó hoang lục lọi đống rác ngoài đường tìm ăn. Cậu bỗng nhớ mình chưa ăn uống gì. Đấu bò xong cậu mới ăn. "Không nên đấu bò khi bụng no." Cậu nghe người ta nói vậy, và chắc đúng vậy. "Ăn no làm con người chậm chạp, và đầu óc cùn đi."

Cậu nhớ mùi bánh mới của tiệm ông già Liliana. "Ngày mai mình sẽ tới thăm ông, tới bằng cửa chính, và ông phải mời mình ăn bánh, mời cả cà phê nữa."

Lại có tiếng bò rống, và cậu nhắm mắt lại. Cậu cảm thấy bồn chồn nơi môi, nơi cổ họng, và bao tử như thắt lại. Cậu mở miệng, chậm rãi thở mấy hơi điều hòa, lấy lại quân bình. Cậu cảm thấy mồ hôi lạnh ngắt trong gió mai theo cửa sổ thổi vào, và cậu ngồi dậy bên mép giường. Tấm ra trải giường ướt sũng.

Lẽ ra tối qua cậu không nên uống rượu của Javier lúc bụng đói. Nhưng lẽ nào lại từ chối được? "Một người đấu bò không bao giờ từ

chối rượu bạn mời tối trước hôm ra đấu trường. Phải uống thâu đêm là đằng khác."

Manolo ngồi bên giường ôm đầu. Cửa sổ mở rộng, và cậu biết cậu đang ở truồng. Mặt trời đã lên và đã có tiếng người lao xao. Nếu ai nhìn vào cửa sổ thấy cậu trần truồng thì mất mặt lắm. Họ sẽ đàm tiếu về cậu. Cậu phải cẩn thận. "Người đấu bò bao giờ cũng phải nghiêm chỉnh, phải lịch lãm."

Nắng mai chiếu qua cửa sổ sáng rỡ. Mặt trời xuân ấm áp, chín tròn. "Như cô con gái ông chủ lò bánh." Cậu vừa nghĩ vừa cười, nụ cười căng thẳng ngượng ngùng.

Chiều nay, bè bạn sẽ đến chứng kiến lúc cậu mặc áo sửa soạn ra đấu trường. Rồi đến giờ, cậu sẽ bước ra khỏi cửa ga-ra của Martinez, có Paco theo sau cùng với gã hầu mang kiếm và thằng em họ tháp tùng. Tất nhiên là cô gái sẽ nhìn qua cửa sổ thấy cậu chững chạc bước trên đường tiến về phía đấu trường. Nếu không, chắc cô sẽ tới thẳng đấu trường xem cậu biểu diễn, và sẽ chứng kiến cái quang cảnh uy nghi khi cậu cúi mình chào ông chủ tịch chủ tọa cuộc đấu. Cô sẽ có mặt khi cửa chuồng bò mở ra và con vật hung dữ phóng ra sân đấu như một cơn lốc.

Bây giờ cậu lại thấy ruột gan nôn nao, miệng khô đắng, và cổ họng nghẹn ngào. Cậu chạy vội ra cửa sổ, nhoài đầu ra ngoài kịp thời để mửa thốc mửa tháo xuống đường hẻm phía dưới.

Manolo biết rõ là cậu nôn mửa vì sợ, và chai rượu rẻ tiền của Javier không ăn nhằm gì đến chuyện ấy. Nhưng lý trí cậu không chịu công nhận. Cậu vẫn đổ cho tại rượu. Miệng cậu chát đắng như ngậm đồng tiền đồng. Rồi bao tử cũng yên. Cậu ra chậu rửa mặt ở cuối phòng xúc miệng và lấy nước vã lên người. Nước mát lạnh.

Cậu nhìn lại căn gác xép và nghĩ biết đâu có ngày người ta sẽ bảo: "Nhà đấu bò đại tài Manolo có hồi sống tại đây." Và biết đâu ông Martinez sẽ treo bảng và tính tiền du khách vào xem nơi ăn chốn ở thuở hàn vi của nhà đấu bò lừng danh.

Buổi chiều bụi bặm. Paco mài lưỡi kiếm vào đá mài. Kiếm phải

sắc. Manolo ngắm những động tác ngắn gọn của Paco. Hai cậu trai không nhìn nhau. Tai Manolo lùng bùng, cậu ngửi thấy mùi ê-the hăng hăng. Bàn tay cậu ẩm mồ hôi, và cậu chùi tay vào quần. Đứng trong bóng dâm sau cổng đấu trường, cậu thấy lạnh đến xương. Rồi cổng mở ra, và hai cậu trai làm dấu thánh giá, lẩm nhẩm cầu nguyện. Cửa chuồng bò ở bên trái họ. Trên cửa là bảng ghi tên và trọng lượng con bò đầu tiên của cuộc đấu chiều nay. Có người lẩm bẩm xuýt xoa: "Chúa ơi! Một nghìn chín trăm hai mươi bốn kí. Bò gì mà to như cái nhà thờ!"

Tai Manolo ù hơn, và cậu cảm thấy choáng váng. Cậu bước chậm, những bước nhẹ nhàng như trong mơ. Cậu như tê dại, không cảm thấy ngón tay, ngón chân mình.

"Như thế này là thường. Người đấu bò nào cũng cảm thấy như mình khi chờ đợi con bò đầu tiên của cuộc đấu. Rồi cũng quen đi thôi."

Cậu tính nhổ nước bọt nhưng miệng cậu khô, khô quá. Những gã khác đang nhổ nước bọt để tỏ ra mình không sợ. Cậu gắng nhổ nhưng miệng vẫn khô ran.

Khán giả ồn ào náo nhiệt và dàn nhạc chơi hết cỡ, kèn trống oang oang. Cậu ngửi thấy mùi xì-gà trộn lẫn với mùi mồ hôi của chính cậu. Kèn thét vang và Manolo nấp sau tấm gỗ chắn. Cậu xòe tấm vải cánh gà để lừa bò, và cửa chuồng bò mở tung.

*

Bà Romero thuyết trình đám y tá phiên chiều. Bà bảo: "Có bệnh nhân mới nhập viện nằm giường 22. Một cậu trai mười bảy tuổi bị bò húc trong cuộc đấu ngày hôm nay..."

Người bác sĩ trẻ dừng lại thăm Manolo trước khi ra về. Thật là một ngày bận rộn cho anh. Anh đã thấm mệt và không muốn mất thì giờ cho những chuyện tầm phào. Anh nhìn trân trân cậu trai nằm trên giường bệnh:

"Cậu sẽ sống, mặc dù cậu quyết tâm muốn chết. Tôi không bao giờ hiểu được tâm lý những người thích làm những chuyện điên rồ như

vậy. Tại sao các cậu lại nghĩ mình là người đấu bò. Chẳng được tích sự gì, chỉ mua lấy chết chóc hay tàn phế suốt đời. Vài tuần nữa rời viện, sao không thử kiếm việc đàng hoàng mà làm."

Manolo cảm thấy bị mất mặt. Nếu bác sĩ không khen thưởng thì ít nhất ông cũng phải tỏ ra kính trọng cái nghề cậu chọn chứ!

Thấy lời khuyên phụ huynh của mình không có kết quả mong muốn, người y sĩ kết luận: "Thôi rán nằm nghỉ. Mai tôi sẽ khám cậu lại."

Manolo quay mặt đi chỗ khác, hàm răng cắn chặt. "Sao chuyện gì cũng trở nên đen tối vậy?"

Bà Romero nghe được câu chuyện. Bà tiếp tục kiểm lại những hồ sơ bệnh lý mấy cô y tá trẻ đã làm xong rồi cầm lên hồ sơ của Manolo cùng với ống thủy và bước tới giường 22.

"Ông đấu bò, cho phép tôi lấy thủy nhé."

Manolo nhìn quanh xem bà y tá nói chuyện với ai. "Có người đấu bò nào bị thương nằm đây nhỉ? Ai vậy kìa?" Rồi Manolo nhận ra là bà y tá đang nói với chính cậu. Cậu cố gắng ngăn chận một nụ cười sung sướng hãnh diện. Cậu phải kiềm chế được chính mình. Không thể phơi bày cảm xúc như trẻ con như vậy. "Người đấu bò bao giờ cũng phải giữ phẩm cách, phải thản nhiên với đau đớn hay khen chê."

Cậu nói "Được" trong khi bà y tá cài ống thủy vào miệng cậu.

"Gần tám giờ rồi, giờ cho thân nhân thăm bệnh. Cậu nên chải tóc lại... Tôi chắc thế nào cậu cũng có người đến thăm."

"Ai thăm tôi?"

"Đang lấy thủy xin đừng nói."

Bà cầm lấy cổ tay Manolo và bắt mạch. Cậu quay đầu thấy đám người thăm bệnh tụ tập cuối khu bệnh xá đang chờ vào thăm thân nhân. Trong đám có cô gái trẻ mặc chiếc áo mới. Bà Romero nhận ra cô gái con ông chủ lò bánh, và bà cảm thấy mạch cậu trai bỗng chạy nhanh hơn. Bà tháo ống thủy ra và ghi nhiệt độ bệnh nhân vào hồ sơ rồi bà cầm gương cho Manolo chải tóc.

Bà Romero ra hiệu cho đám người đi thăm bệnh vào. Từng người

một, họ dừng lại giường thân nhân trong khi bằng khóe mắt, Manolo kín đáo nhìn Liliana đang tiến lại giường 22. Cô nắm chặt trong tay một chùm hoa nhỏ mới hái trong vườn. Miệng Manolo khô cứng, bàn tay ướt đẫm mồ hôi và cậu thấy run sợ. Cậu nghe tim mình đang đập dồ hồi. "Tất nhiên đấu bò là có gái mê. Chuyện tự nhiên là như vậy. Đừng quan trọng hóa."

Chậm rãi, Liliana bước lại giường Manolo. Cô gái tránh ánh mắt cậu cho đến lúc cuối, cho đến lúc cô đến tận chân giường. Hai người nhìn nhau. Manolo mở miệng nhưng không thốt ra lời.

Hết giờ viếng thăm, bà Romero đảo qua khu bệnh lần chót. Lúc bà đi ngang qua, Manolo gọi:

"Bà Romero, người thân gọi bà bằng tên gì nhỉ?"

"Angela."

Angela là thiên thần, và cậu nói:

"Tên thật đúng với người."

*

YÊU

Ít lâu sau bình phục, Manolo rời viện, trở về ga-ra Martinez làm thợ phụ ban ngày và gác-dan ban đêm cho ông chủ để được ở miễn phí căn phòng trên gác lửng.

Ông Martinez rất thích xem đấu bò nên từ trận đấu ấy đặc biệt chú ý đến Manolo. Ông tổ chức một bữa tiệc nhỏ đón Manolo từ bệnh viện về. Bữa tiệc gồm rượu nho với bánh *tamales* dọn trên chiếc bàn kê trước ga-ra.

Suốt bữa tiệc, Manolo luôn luôn liếc mắt về phía lò bánh, hy vọng thấy hình bóng của Liliana. Biết đâu cô bé chẳng nhìn ra cửa sổ để thấy đám đông vui nhộn bên kia đường. Nhưng tiệc tàn rồi mà chẳng thấy bóng cô đâu.

*

Liliana ngồi trên chiếc ghế bên bàn giấy của bà Romero trong văn phòng nhỏ sát bên khu giải phẫu.

"Em muốn trở thành y tá phải không?"

"Thưa bà vâng."

"Nghề này vất vả và cần nhiều hy sinh chịu đựng. Em biết vậy không?"

"Dạ em biết."

"Ba má em bảo sao? Em đã thưa với hai bác chưa?"

"Dạ rồi. Ba mẹ em mừng lắm. Ba mẹ nghĩ có nghề chuyên môn như vậy thì tốt lắm."

"Tại sao em lại chọn nghề y tá? Nhọc nhằn lắm, chẳng có thì giờ cho chính mình nữa."

"Em muốn giúp người ta. Em muốn săn sóc người ta."

"Người ta nào? Mọi người hay chỉ một người thôi?"

Liliana ngần ngừ. Cô gái không hiểu hết câu hỏi. Cô lắp bắp:

"Mọi người chứ... Em nghĩ..."

Bà Romero cười:

"Mọi người, tất nhiên... Nhưng chắc đặc biệt cho những người đấu bò phải không?"

Tìm đọc:

BIỂN NGHIỆP

Truyện dài của Minh Đức Hoài Trinh

Nguyễn Quang xuất bản 1990

ĐOÀN NHẬT-TẤN

một vấn-đề trong chính-tả quốc-ngữ: khôi-phục lại dấu nối

*

Lời tòa soạn: *Giáo sư Đoàn Nhật Tấn, trước 1975, từng viết cho tạp chí Bách Khoa trong nhiều năm, có một tác phẩm do nhà Thời Mới xuất bản, và là hội viên trong Hội đồng Văn hóa Giáo dục. Văn Học hân hạnh giới đến bạn đọc bài viết dưới đây của giáo sư về một vấn đề liên quan đến văn tự dân tộc. Và cũng như lời kêu gọi của giáo sư ở phần cuối bài viết, Văn Học sẵn sàng đăng tải các ý kiến khác, đồng ý cũng như không đồng ý.*

BỐI-CẢNH CỦA VẤN-ĐỀ: *Vai-trò của chữ viết.*

Chữ viết hoàn-hảo nhất là chữ viết đáp ứng được tối-đa nhu-cầu của người đọc, nghĩa là qua chữ viết, người đọc phải nhận biết được rõ nhất, đúng và nhanh nhất cái ý-niệm mà nó phải biểu-thị. Nhiều chữ viết cổ xưa, trong đó có chữ Hán, đều là những chữ viết *tượng-hình:* Những chữ Hán như *khẩu, nhân, mục, điền, môn*... đều có hình tựa-tựa như *cái miệng, con người đứng, con mắt, khoảnh ruộng, khung cửa*... để mắt người đọc dễ nhận ra ngay nghĩa, như khi nhìn vào một bức hình. Nhưng không phải ý-niệm nào cũng có hình, nên còn có một số ký-hiệu ước-lệ để ghép vào nhau thì gợi nên hình, nên tiếng, nên ý. Ngày xưa người ta viết chữ Hán bằng bút lông như anh thợ vẽ dùng cọ vậy. Đó là một cố gắng để cho chữ viết đáp-ứng được vai-trò mình nhiều nhất.

Chữ quốc-ngữ ta dùng mẫu-tự la-tinh như nhiều chữ viết Tây-phương, thì phải đem lại ý-niệm qua trung-gian của âm-thanh

tiếng nói. Đó là loại chữ *ghi-âm*, có vẻ gián-tiếp trong vai-trò của mình hơn là tượng-hình: ghép một số tự-mẫu lại với dấu thanh, ta có bất kỳ một tiếng nói nào. Nhưng về lâu về dài, khi quen mắt rồi, nhờ phản-ứng theo điều-kiện (réflexe conditionnel) mà mỗi từ viết ra cũng đem lại hình ảnh của một ý-niệm không thua gì chữ tượng-hình bằng ký-hiệu ước-lệ: Khi người tình-nhân hát "Em viết tên anh trên lá trên hoa..." thì qua tên ấy họ đã nhìn thấy cái hình của "anh" với bao kỷ-niệm, chứ nhằm-nhò gì mấy nét nguệch-ngoạc đó! Cho nên về lâu về dài, với thói quen, chữ viết rồi cũng đi đến tượng-hình. Chữ ghi-âm còn trực-tiếp diễn-đạt được âm-thanh nữa, như khi ta đọc chữ: om-sòm, lao-xao, lổn-cổn, lụp-bụp... Lối chữ tượng-hình không làm được điều đó.

Cho nên trong chữ viết, vai-trò của chính-tả rất quan-trọng, nó không chỉ ghi-âm mà thôi, như ta ghi-âm tiếng hót của một loài chim, tiếng kêu của một loài vượn. Nó còn gắn-bó với hình-tượng của ý-niệm mà nó diễn-tả nữa.

VAI-TRÒ CỦA DẤU NỐI TRONG CHỮ QUỐC-NGỮ

Tự-dạng của một từ gồm có nhiều yếu-tố. Ta chỉ bàn ở đây cái dấu nối (trait d'union) trong các chữ ghép mà ngày nay bị coi thường hay bị xóa bỏ hẳn như trong các sách báo in bây-giờ.

Để làm được đầy-đủ vai-trò của mình, chữ viết phải theo đúng một số nguyên-tắc trong đó có điều: *Mỗi ý-niệm, mỗi thực-thể phải ứng với một chữ viết duy-nhất và không thể có một chữ viết ra mà không có nghĩa.* Bởi vì nếu có một ý-niệm mà phải đọc trên hai chữ rời ra, hoặc có một chữ viết rời ra mà không có ý-nghĩa thì người đọc phải cố gắng suy-đoán, tìm-hiểu, khiến cho chữ viết không còn rõ-ràng nữa. Trong quốc-ngữ ta, những từ như ấm-ớ, mộc-mạc, lẻ-loi, yếu- ớt... mà viết rời ra thì những bộ-phận riêng rẽ như *ấm, ớ, mộc, mạc, loi, ớt* không còn có nghĩa gì cả hoặc có nghĩa khác hẳn với ý của người nói, chẳng khác nào như trong chữ Pháp, những chữ *maison, cochon* mà viết rời là *mai son, co chon* vậy.

Do đó mà phải ít nhất có một dấu nối cho nó dính nhau để mỗi

ý-niệm hay thực-thể duy-nhất được diễn-tả bằng một chữ duy-nhất, rõ-ràng.

Sau đó, dấu nối còn cần-thiết trong một loại từ kép rất quan-trọng vì có rất nhiều, đó là những từ vay mượn từ tiếng ngoại-quốc, trong đó có chữ Hán. Từ xưa cho đến cả bây-giờ, đã có những ý-niệm, những thực-thể mà tiếng Việt ta không có sẵn từ để mô-tả, ta phải vay mượn ở ngoại-ngữ, nhất là chữ Hán, một từ đơn hay kép để dùng cho mỗi ý-niệm hay thực-thể đó. Cho nên, mỗi từ đó, nếu gồm nhiều âm thì những âm đó phải có dấu nối nhau để chỉ có một từ, một chữ duy-nhất ứng với một ý-niệm, một thực-thể duy-nhất mà ta chưa có tiếng để nói lên. Ví-dụ: nồi *xúp-de,* chó *bẹc-giê, ba-toong, bù-lon, cà-rốt, xa-lông, cà-ri,* v.v... phiên-âm từ tiếng Pháp, tiếng Ấn-độ, hoặc *điều-lệ, nguyên-tắc, chủ-nghĩa, hậu-vận, trường-kỳ, tiền-lệ, bất-đắc-dĩ, ứng-cử-viên, hàn-lâm-viện...* đã được phiên-âm từ tiếng Tàu viết theo chữ Hán. Văn-hóa ta chịu ảnh-hưởng lâu đời của văn-hóa Trung-hoa nên loại tiếng Hán-Việt này nhiều lắm. (Bởi đó mà *yếu-điểm* (có dấu nối) vốn phiên-âm từ tiếng Tàu có tính-từ *yếu* (essentiel) đứng trước danh-từ *điểm* theo ngữ-pháp Tàu, không phải là *điểm yếu* (không dấu nối) trong đó *yếu* (faible) là tính-từ thuần-túy Việt-nam, đứng sau danh-từ *điểm* theo ngữ-pháp Việt-nam, không thể nào lầm lẫn với nhau được).

Cuối cùng là vai-trò của dấu nối không thể thiếu trong những danh-từ riêng: những danh-từ như Bình-định, Qui-nhơn, Sài-gòn, Vĩnh-long, v.v... vì một chữ đứng rời riêng ra không diễn tả được gì, phải ghép làm một mới là tên của một địa-phương nhất-định. Tuy nhiên, họ và tên của người thì giữa họ và tên không nên có dấu nối vì đó là hai thực-thể riêng biệt; ví-dụ: Lê Lợi, Nguyễn Huệ... Nhưng trong tên kép và họ kép phải có dấu nối như: Nhất-Linh, Khái-Hưng, Hưng-Đạo... và Trần-đức Hòa nếu Trần-đức là một phái trong họ Trần với tên là Hòa; Trần Đức-Hòa nếu họ là Trần và tên là Đức-Hòa. Tên các nước ngoài, đáng lẽ được phiên-âm từ chữ viết của mỗi nước ấy, nhưng chúng ta có thói quen phiên-âm từ những tiếng đã phiên-âm theo tiếng Tàu vì ta có sẵn của ông cha để lại lối đọc chữ

Hán theo cách phiên-âm giọng đọc tiếng Tàu của người Tàu. Cho nên ta có Úc-đại-lợi, Tân-tây-lan, Hương-cảng, Bắc-kinh, Luân-đôn, Nữu-ước, Hoa-thịnh-đốn, Đan-mạch, Na-uy... Nhưng không ai cấm ta viết thẳng Australia, New Zealand, London, New York... cho đúng hơn.

Lại có trường-hợp dấu nối có thể cần hay không cần tùy dụng-ý của người nói; ví-dụ: khi viết *cái ông "trời đánh" đó* ta có thể viết *cái ông trời-đánh đó,* dụng-ý là để nêu rõ bật một ý-niệm mà ta muốn nhấn mạnh; có khi cả một đoạn trong câu được nối như thế.

Song, cũng có trường-hợp có những chữ đơn tưởng như vô-nghĩa nhưng thực ra là có nghĩa nên *không cần nối* nó với một chữ khác, như trong: bạc phếu, rỗng tuếch, trắng xóa, đỏ hoe, vàng chạch... Không cần dấu nối vì những chữ *phếu, tuếch, xóa, hoe, chạch...* thực ra là những tiếng có nghĩa khi đứng sau *bạc, rỗng, trắng, đỏ, vàng...* mà thôi; đó là những trạng-từ đặc-biệt chỉ dùng với những tính-từ đứng trước thích-hợp với riêng nó mà thôi, không được dùng đâu nữa.

THAY VÌ DÙNG DẤU NỐI, CÓ NÊN VIẾT DÍNH LẠI KHÔNG?

Dấu nối quan-trọng và cần-thiết trong chính-tả đến nỗi đã có người chủ-trương viết dính làm một mỗi từ-kép lại thay vì dùng dấu nối. Ông Hoàng-xuân Hãn năm 1948, tái-bản quyển *Danh-từ Khoa-học,* đã có đính kèm một phụ-trương bổ-túc gồm nhiều trang, trong đó các danh-từ kép đều viết dính lại như: khúcxạ, phảnchiếu, từtrường, hóahợp, độcgiả, v.v...

Nhưng sau đó, không thấy ai theo gương ông, mặc dù quyển *Danh-từ Khoa-học* đã từng là khuôn vàng thước ngọc cho các nhà-giáo dạy Toán, Lý, Hóa từ khi nhà trường ta bắt đầu dạy bằng tiếng Việt thay tiếng Pháp (vào khoảng 1945). Có lẽ bởi vì sáng-kiến này, tuy có hợp-lý và giản-tiện, nhưng đã vấp phải một tập-quán lâu đời và có thể sẽ đem lại cho chữ viết những tự-dạng như: bácál, tốnga, độcác... mà người đọc phải mất công suy-nghĩ chọn lựa trong nhiều cách đọc khác nhau. Ông Hãn là một nhà khoa-học nên rất nhạy-cảm về vấn-đề danh-từ vì cái yêu-cầu bậc nhất của Danh-pháp (nomenclature)

khoa-học là phải chính-xác; không thể có một thực-thể hay sự-kiện khoa-học mà được gọi tên bằng hai, ba chữ rời hay biểu-thị bằng hai, ba ký-hiệu, công-thức.

MỘT CHÚT LỊCH-SỬ

Chúng ta đặt vấn-đề *Khôi-phục lại dấu nối* vì việc dùng dấu nối đã có từ khi chữ quốc-ngữ được phát-minh và đã trở thành một truyền-thống. Trong các sách báo đời trước như Nam-Phong tạp-chí, Phụ-Nữ thời-đàm; các sách của Trương-vĩnh Ký, Phạm Quỳnh, Nguyễn-văn Vĩnh, Phan-kế Bính, Dương-quảng Hàm; các sách giáo-khoa bậc Tiểu-học... in dưới thời Pháp-thuộc, dấu nối đã được sử-dụng nghiêm-túc. Cho đến 1945 trở về trước, các sách báo đều in có dấu nối (1). Đó là một truyền-thống và chính-thống vì đã có từ khi chữ quốc-ngữ được phát-minh.

Sau khi có lộn-xộn với cuộc đảo-chánh Nhật, Việt-Minh thừa-cơ về bắt tay Pháp để thay-thế Nhật bại trận đầu-hàng, cho Pháp trở lại chính-trường Việt-nam.

Loại các đảng-phái xong, họ quay lại chống Pháp ở các thành-thị lớn và lấp vào khoảng trống rộng lớn về chính-quyền ở thôn quê. Việt-Minh bấy giờ thân Tàu (Hồ Chí-Minh đã tá-túc nhờ-vả Tàu trước khi về Việt-nam và nếu không có đại-pháo Tàu thì làm gì có chiến-thắng Điện-biên-phủ). Ở các vùng Việt-Minh chiếm đóng, nhà trường lấy Hoa-văn làm sinh-ngữ bắt-buộc. Hình Mao Trạch-Đông được đặt bên cạnh ảnh Hồ Chí-Minh trên "bàn thờ tổ-quốc". Một hậu-quả đương-nhiên là chữ quốc-ngữ được khuyến-khích bỏ dấu nối, viết rời từng chữ như chữ Hán trong Hoa-văn. Điều này đã vô-tình đáp-ứng được "luật cố-gắng tối-thiểu" (loi du moindre effort) trong khi viết và nhất là trong khi in, nên đã lan-tràn nhanh vào các thành-phố thuộc Pháp và được duy-trì cả ở miền Nam Việt-nam sau khi Việt-Minh rút qua bên kia Bến Hải (1955) mãi cho đến ngày nay; rồi nó cũng đã theo người vượt-biên ra hải-ngoại như ta đang thấy trên các sách báo Việt-ngữ trên khắp thế-giới bây giờ, dấu nối hầu như đã biệt-tích!

BỎ DẤU NỐI CÓ NHỮNG HẬU-QUẢ GÌ?

Viết rời từng tiếng mà không có dấu nối là đã công-nhiên xác-nhận rằng tiếng Việt ta là một tiếng đơn-âm *(monosyllabique* hay *isolante)* trái với những tiếng như Anh, Pháp là tiếng đa-âm hay liên-âm *(polysyllabique* hay *agglutinante)*. Chúng ta không có gì để hãnh-diện với một quốc-ngữ như thế nếu không nói là chúng ta đã khổ-sở với nó.

Thật vậy, so với tiếng liên-âm, chúng ta có quá nhiều đồng-âm dị-nghĩa. Cứ lật một quyển tự-điển Việt-Anh hay Việt-Pháp ra là thấy rõ điều đó. Điều này là một trở-ngại lớn cho việc viết và nói cho rõ-ràng. Kẻ viết bài này cũng đã khổ tâm khi dùng đến chữ "tiếng" mà nếu đứng đơn-độc thì cũng phải ít ra đến 12 từ tiếng Pháp mới dịch được hết các nghĩa của nó: *langue, language, mot, syllable, vocabulaire, bruit, voix, son, cri, renommée, réputation, réputé.* Có ghép thêm một chữ nữa thì nghĩa mới được xác-định hơn phần nào: danh-tiếng *(réputation),* tiếng kêu *(cri),* tiếng gọi *(appel),* tiếng động *(bruit),* tai-tiếng, mang tiếng *(scandale),* tiếng-tăm *(réputé),* tiếng nói *(voie, langue, language). "Tiếng nói"* mà muốn được cho rành cũng phải đọc cả câu nữa, như trong hai câu: "Nghe *tiếng-nói* là tôi biết có nó trong nhà" và "Mỗi dân-tộc đều có *tiếng-nói* riêng."

Từ xưa, ông cha ta cũng đã lưu-ý đến nhược-điểm xót-xa này của tiếng ta nên mới có những chuyện cổ-tích ngụ-ngôn để biếm-cợt những trường-hợp đồng-âm dị-nghĩa như chuyện một anh học-trò đi thi ước được *đậu* mà bà tiên lại cho anh ta làm chim *đậu* trên cây, rồi cho anh được hạt *đậu* trắng, sau cùng được hạt *đậu* đen mà vẫn chưa toại-nguyện. Lại có chuyện mượn một *vạc đồng* mà trả đến hai *cò đồng* nhưng vẫn chưa xong. (Truyện cổ Nước Nam của Nguyễn-văn Ngọc).

Nếu anh học-trò ghép chữ *đậu* với một chữ nữa như *đậu-đạt, thi-đậu* thì làm gì có lầm-lẫn được? Trong khi viết thì dấu nối sẽ giúp ta hiểu những chữ ghép để cho nghĩa được rõ ràng như ta nghe nói "Anh thợ may khỏi chết" thì chỉ người trong cuộc mới biết rõ là ai khỏi chết. Nếu đọc mà có luật dấu nối chặt-chẽ thì ta không thể nào

ngập-ngừng khi thấy có (hay không có) một dấu nối giữa hai chữ *thợ* và *may*. Thành ra phải đọc hết một câu mới hiểu được một chữ, phải đọc cả bài mới hiểu được một câu nếu không dùng dấu nối. Phí năng-lực trí óc quá nhiều, còn thông-minh đâu để mà phản-ứng kịp thời với từng ý trong lời của tác-giả? Vì vậy, người đọc không khai-thác được tối-đa trí thông-minh của mình, nếu không nói rằng: con người hóa ra bớt thông-minh khi đọc chữ quốc-ngữ nếu không có luật dấu nối chặt-chẽ.

Tiếng nói có kèm theo điệu-bộ, nét mặt, giọng nói, âm-độ mà còn có thể bị hiểu lầm huống hồ chữ viết chỉ có giấy trắng mực đen thì khả-năng diễn-tả còn kém sút biết bao nhiêu! Nếu có dấu nối cho rõ-ràng hơn chút nào thì cũng là rất quí.

Chúng ta hình như ai cũng ý-thức được cái bất-lợi của tiếng độc-âm, nên thay vì nói cộc-lốc: rõ, đẹp, sạch, của... ta lại dùng những từ kép: *rõ-ràng, đẹp-đẽ, sạch-sẽ, của-cải*... Có khi còn *tùm-lum tà-la, lu-bù lu-táng, sạch-sành-sanh, dài dằng dặc, lê-thê lướt-thướt*... Nói cho dài để nhấn cho rõ thêm. Rõ-ràng là khi nói chúng ta ngại những tiếng độc-âm lắm.

Chữ viết có nhiệm-vụ ghi lại trung-thành tiếng nói, mà tiếng nói đã ngại độc-âm thì chữ viết cũng đừng đứng lẻ-loi, rời-rạc để phản-bội nó. Lại nữa, so với nhiều ngoại-ngữ phương Tây thì tiếng Việt ta rất nghèo về danh-từ. Chúng ta không có những chữ riêng để nói lên nhiều thực-thể đơn-giản và rất thông-thông-thường như: đồ ăn, ánh sáng, người ăn xin, người thợ hớt tóc, người đánh cá... Vì nếu cứ viết rời những chữ ấy ra thì chẳng qua là đã nói đến những thực-thể ấy một cách quanh-co dài dòng (paraphraser) vì phải dùng một đoạn câu, một thành-ngữ (locution) để muốn nói là: đồ (để) ăn, ánh (làm) sáng, người ăn xin... trong khi tiếng Pháp, chẳng hạn, có những từ riêng-biệt như: aliment, lumière, mendiant, coiffeur, v.v... để chỉ những thực-thể ấy nhờ cách ghép nhiều ngữ-căn lại. Tại sao ta không làm như họ và chỉ với một dấu nối thôi (nếu không viết dính được) ta có thể có ba từ: *đồ, ăn* và *đồ-ăn* thay vì chỉ có hai từ: *đồ* và *ăn?* (2). Cho

nên, dùng dấu nối còn là cách cải-thiện chữ quốc-ngữ ta cho đủ hiệu-năng như các ngoại-ngữ liên-âm.

Chừng nào tiếng Việt ta mới được dùng trong các văn-tự, giao-dịch quốc-tế? Hãy chuẩn-bị ngay từ bây giờ để chúng ta tham-gia không mặc-cảm vào phong-trào đa-văn-hóa đang xuất-hiện ở các xã-hội văn-minh.

KẾT LUẬN

Vậy nếu tiếng Việt ta không phải là một tiếng hoàn-toàn độc-âm. Để xác-nhận thực-tế đó, nếu không viết dính các từ kép như có người đã từng làm, thì ít ra cũng đừng vứt phăng cái dấu nối đi, phản-bội lại một truyền-thống chính-đáng của tiền-nhân. Bỏ sót một dấu nối phải được coi như một lỗi chính-tả Việt-ngữ. Phải có luật dấu nối trong ngữ-pháp Việt-nam.

Điều này không chỉ là lời kết-luận cho một bài biên-khảo mà còn xin được coi như một *lời kêu gọi* đến tất cả những ai dùng chữ quốc-ngữ bởi vì đây phải là một cố-gắng kiên-trì và tập-thể. Kiên-trì để dần-dà trở thành một thói quen tự-nhiên. Tập-thể và đồng-loạt để tiếp-sức cho nhau, vì nếu chỉ có một số người dùng dấu nối mà phải đọc báo-chí hay sách vở nào đó in không dấu nối thì thói quen mắt quen tay của họ sẽ bị chi-phối, xao-lãng đi nhất là ở thế-hệ trẻ.

Chúng ta hãy bắt đầu càng sớm càng tốt để vớt-vát lại một truyền-thống quý-báu của cha ông trót đã bị đánh mất, và bắt đầu ngay từ hải-ngoại trong khi chờ đợi một ngày mai tươi sáng thuận-lợi hơn.

(*Xin sẵn-sàng lĩnh tôn-ý của hải-ngoại chư quân-tử*).

CHÚ-THÍCH:

(1) Trong nhiều sách xưa, in lại bây giờ, nhiều người tái-bản đã tự-tiện bỏ dấu nối. Nhưng thật may, vẫn còn có vài quyển in lại còn trung-thành với bổn cũ và đã giữ nguyên đầy đủ các dấu nối như *Nho-giáo* của Trần-trọng Kim, Việt-nam Văn-học Sử-yếu của Dương-quảng Hàm... tái-bản ở Mỹ; các tự-điển Anh-Việt, Việt-Anh của Nguyễn-văn Khôn do nhà Khai-Trí xuất-bản trước kia cũng đã được in lại với đầy đủ các dấu nối. Tôi xin cảm-phục ở đây tinh-thần trách-nhiệm

cao đó đối với nền văn-hóa dân-tộc. (Tòa-soạn xin ghi-chú thêm là hầu hết những quyển sách giáo-sư Đoàn Nhật-Tấn nêu ra trên đây được tái-bản bằng cách chụp lại bản in cũ).

(2) Trong tiếng Anh, tiếng Pháp cũng có một số ít từ loại này, nhưng có dấu nối rất chặt-chẽ như: cow-boy, donkey-boy, egg-and-spoon race, honey-bee, dull-eyed, v.v... và: dèse-majesté, compte-goutte, va-et-vient, sauve-qui-peset... Đó là một kinh-nghiệm hay cho ta, lấy từ những ngữ-pháp rất có qui-củ trên thế-giới ngày nay.

TÔN THẤT NGỰ

giao thừa

*

Pháo đuổi anh quanh co
Chấp chới suốt canh thâu.
Anh ơi anh ở đâu?
Anh đứng trên đồi cao
Mưa bay nhòe con mắt
Chân trời chìm bằn bặt
Anh tìm về xóm vắng
Gió gào thét dập dồn
Sỏi cát bám vào hồn
Anh lần vào ngõ hẹp
Tre nghiến răng kèn kẹt
Vung cành giương móng vuốt
Anh men theo bờ cỏ
Rào rào cây lá đổ
Mưa đêm thêm quằn quại
Anh ngã xuống vũng lầy
Bùn sình sùi sụt máu
Ta ở nơi nào đây?
Pháo giao thừa bao vây.

CAO XUÂN HUY

người muôn năm cũ

*

Cô Hiền,

Năm nay đào lại nở.

Tất cả vẫn cứ lập lại như mỗi năm vào đầu xuân hoa mai, hoa đào nở.

Vẫn lại những náo nức đợi chờ. Vẫn lại những xôn xao nhộn nhịp. Vẫn lại những chợ Tết. Vẫn lại những tiệc tùng. Vẫn lại những đón tiếp bạn bè, họ hàng phương xa.

Vẫn phố Bolsa mấy năm trước ngăn đường làm chợ Tết, bị dân bản xứ phản đối. Năm nay làm thụt sâu vào trong bãi đậu xe của khu thương mại. Cũng vẫn những hàng thịt nướng, cũng vẫn những trò chơi. Có lẽ mỗi năm một lớn hơn, ngày càng to lớn, đông đúc vui vẻ như Disneyland, Knott Berry Farm. Năm nay chợ Tết của cộng đồng có lẽ lời to.

Trường Golden West vẫn là khu làm chợ Tết của sinh viên. Tổ chức xuất sắc hơn, mang ý nghĩa Tết dân tộc hơn, cũng vẫn những gian trưng bày hình ảnh sinh hoạt ngày xưa, cũng vẫn những trò chơi cổ truyền. Mọi người đến thường "bị" nhắc nhớ về những ngày Tết cũ trên quê hương. Nhưng chắc không lời bao nhiêu vì đám trẻ không có khả năng làm thương mại.

Cũng vẫn lại lời, lỗ.

Đêm mùng hai Tết họp mặt tại nhà một ông bạn, ông "nhà thơ vạm vỡ".

Vẫn lại những món ăn quen thuộc của bất cứ một cuộc họp mặt nào: vẫn lại bò, vẫn lại heo, vẫn lại gà, vẫn lại rượu, vẫn lại chè... có khác chăng là thêm mứt, hạt dưa, cành đào cho có vẻ Tết.

Vẫn lại có các bạn phương xa từ DC, từ San Jose, từ San Diego tụ tập ăn uống, văn nghệ văn gừng.

Tất cả cũng vẫn đều lập lại, chỉ khác nhau chút đỉnh tùy theo tình trạng từng năm.

Cô Hiền,

"Cũng vẫn" trong cái không khí "vẫn lại" ấm cúng quen thuộc này, khi Quỳnh Giao vừa đàn vừa hát, tôi chợt nhớ đến những chương trình nhạc những năm trước 75. Nghe Quỳnh Giao hát, hình ảnh những buổi tối nằm trong hầm ở căn cứ Barbara, những đêm mưa thối đất của miền Trung hoặc những đêm trăng sáng vằng vặc của bãi cát vùng bờ biển Mỹ thủy chợt đến, chợt đi. Những ngày tháng chiến tranh, những giây phút thư thả... nhưng kỷ niệm sau cùng là một buổi cũng vào những ngày có hoa đào nở. Quỳnh Giao đã gợi lại cho tôi một câu chuyện có liên quan đến chương trình của cô.

*

Cô Hiền,

Đại đội tôi nằm dài theo hàng rào phân chia ranh giới giữa Thủy quân Lục chiến và Việt cộng suốt bề ngang đông tây của làng Phù liêu và Bích la thôn khoảng hơn một cây số, và kéo ra bờ ruộng về phía biển cho đến sát chợ Cạn.

Khoảng cách giữa hai người lính gác hai bên - ta và địch - có thể đo được bằng gang tay. Ngồi đối diện nhau qua hàng dây kẽm gai, mỗi bên chỉ cách hàng rào chừng độ một thước. Vui thì chia nhau thuốc hút, thực phẩm, mà buồn thì vác súng... bắn nhau.

Đã có rất nhiều chuyện vui và nhiều chuyện không vui.

Người anh em chơi rất bạo, cứ cách khoảng chừng hơn một trăm thước là đặt một cái loa điện lớn đường kính có đến hơn nửa thước,

chõ sang phía chúng tôi. Những cái loa này cứ ra rả, ông ổng suốt ngày từ sáng đến tối những điều nhàm chán, những điều bịa đặt bỉ ổi về những chiến thắng tưởng tượng, những thành công to lớn vĩ đại không có thật.

Cái khoản loa đã khiến chúng tôi điên đầu. Bởi vì để đối đầu với nguyên một hệ thống loa vĩ đại đó, đại đội tôi cũng có một cái loa, chỉ một cái loa thôi, to không hơn một gang tay đường kính, chạy bằng pin, một thứ pin mà tôi chưa bao giờ được trông thấy, vì có bao giờ được cấp phát đâu.

Những trận đấu võ mồm mà cán cân lệch hẳn về phía người anh em. Từ tài năng cho đến phương tiện. *Nói như Vẹm*, trái bẻ cong thành phải, phải bẻ quặt thành trái. Còn tôi, tôi là đại đội phó đương nhiên theo cấp số phải kiêm luôn cái chức sĩ quan chiến tranh chính trị. Một thằng chỉ biết đánh giặc, chưa qua một khóa chiến tranh chính trị nào, kể cả những buổi học chính trị trong quân trường cũng chẳng biết huấn luyện viên nói những gì, vậy mà bây giờ phải đối đầu một một việc không phải chuyên môn của mình, một công việc mà tôi rất ghét. Không có chó nên tôi đành phải ăn cho nên tôi bỗng nhiên trở thành sĩ quan chiến tranh chính trị một cách ngon ơ. Tôi có biết mẹ gì đâu mà đấu khẩu, mà đấu lý với cái đám người anh em ấy. Hở một tí là điều này, khoản nọ của hiệp định Ba lê, mà nói cho cùng, tôi nào có biết cái hiệp định khỉ gió ấy có bao nhiêu điều, bao nhiêu khoản đâu. Nội dung của nó là cái khỉ mốc gì tôi cũng không biết luôn. Mà cho dù có biết, có đủ mồm loa mép giải để cãi nhau, với cái loa được cấp phát như vậy, chắc chắn là "nghe ngoài rõ hơn trong", ai mà nghe cho nổi.

Hai bên muốn giải quyết với nhau những xung đột về bất cứ một điều gì, hoặc muốn nói chuyện trên trời dưới biển gì cũng đều hẹn nhau ra cái lều nằm giữa ngay hàng rào, gọi là nhà hòa hợp, nhà này do phía bên người anh em làm. Phe ta có lệnh là không cho bất cứ một người nào vì bất cứ một lý do gì được quyền ra nhà hòa hợp để tiếp xúc với phe bên kia, sợ bị tuyên truyền. Người anh em mời mọc thế nào thì mời, tôi không cho bất cứ ai ra gặp gỡ, tiếp xúc nếu không có gì thật cần thiết theo tình hình từng lúc. Cho nên mỗi lần phe ta thông báo là

sẽ ra tiếp xúc là người anh em đón tiếp một cách rất ư là long trọng. Nào kẹo bánh, nào thuốc lá, thuốc lào, trà... và một vài cán bộ dĩ nhiên là thứ "dữ" từ tận xa đằng sau đến tiếp xúc, và cũng dĩ nhiên là ra trước giờ hẹn rất lâu để chờ đợi.

Tôi đã ra nhà hòa hợp mấy lần để yêu cầu người anh em cho ngưng phát thanh qua bên hướng mình, bằng ngọt có, bằng nhạt có, bằng cáu kỉnh có, nhưng những lần đi "sứ" đó đều không thành công.

Đấu mồm thì tôi thua, nhưng nếu đấu súng thì tôi chấp. Găng nhau với người anh em về phần choảng nhau bằng súng tôi đâu có chịu thua. Nhưng người anh em biết rõ mười mươi là người anh em thắng thế trên mặt trận võ mồm. Người anh em triệt để khai thác cái ưu thế này.

Hệ thống loa của người anh em mở thật lớn và mở thật lâu, từ sáng đến chiều tối. Người anh em bắt chúng tôi nghe hết chuyện này đến chuyện nọ, nghe đến nỗi không còn thể nào chịu nổi. Đã nhiều lần tôi yêu cầu người anh em ngưng hành động gây hấn bằng mồm này, nhưng người anh em cười vào mũi tôi mà bảo:

- Chúng tôi không có quyền, loa này là của nhân dân, chúng tôi chỉ làm theo yêu cầu của nhân dân. Các anh có muốn ngưng thì qua đây, tìm nhân dân mà yêu cầu.

Loa của người anh em cứ the thé suốt ngày. Lời lẽ tuyên truyền một chiều ngu xuẩn. Nhạc eo éo kiểu Tàu phù chọc vào tai. Tin tức địa phương lại càng không ngửi nổi, vậy mà không lẽ chúng tôi cứ phải nghe. Báo cho đại đội để xin yểm trợ phương tiện của tiểu đoàn, chỉ nghe toàn những câu "rán chịu", ban 5 tiểu đoàn nào có hơn gì đại đội phó chiến tranh chính trị về phương tiện cho cái khoản "chiến tranh chính trị" dị hợm như thế này đâu.

Suy nghĩ nát óc mà tôi không thể nào tìm nổi một đòn trả hận. Bàn tính liên miên với mấy trung đội trưởng. Vô ích, không thể vô cớ mà chơi súng đạn được, mà cũng không thể chơi bằng võ lực vì chắc chắn tiểu đoàn sẽ không chấp thuận, mà cho dù tiểu đoàn có đồng ý thì mấy anh cao hơn cũng chẳng anh nào dám chấp thuận.

Nhưng, cuối cùng, một buổi tối khi đang nghe chương trình nhạc Quỳnh Giao, người anh em thò mõm sang yêu cầu mở lớn lớn cho nghe ké.

Cô Hiền,

Tôi đã bắt được đầu mối của vấn đề ở chỗ này rồi.

Ngày hôm sau, tôi mượn một cái radio về nghiên cứu. Đài phát thanh Quân đội không được, đài phát thanh Sàigòn cũng không xong, đài phát thanh Huế lại càng không được. Giọng điệu, lời lẽ hiền quá không thể chửi nhau kiểu hàng tôm hàng cá được, nhạc "vàng" kiểu Quỳnh Giao tối hôm trước lại càng không thể cho mấy người anh em nghe "cọp" được. Đây rồi, có đài Gươm thiêng Ái quốc, giọng điệu cũng hàng tôm hàng cá, tin tức cũng bạ xạo y như người anh em. Nhưng cũng không được, chẳng lẽ mình bỏ tiền túi ra mua pin để phổ biến, để phát thanh không công cho cái đài phát thanh chuyên môn chống Mỹ Ngụy y hệt như của mấy người anh em mà lại chẳng có gì hay hơn mấy người anh em, chỉ là một trò trí trá mà đứa con nít nào cũng biết, hơn nữa giờ phát thanh lại khó nhớ, khó bắt đài.

Nhưng còn một đài nữa, đó là đài mà cô đang làm xướng ngôn viên, đài Mẹ Việt nam, cũng tinh những tin thuộc loại cà chớn chẳng khác gì đài của người anh em. Cũng giọng điệu giễu dở của ông Thầy bói, giọng nũng nịu của cô. Nhưng có một cái khác hẳn, đó là chương trình "Sinh Bắc Tử Nam".

Cô Hiền,

Ban đêm, khi những cái loa to tổ bố của người anh em ngưng ông ổng, bắt buộc cái đám khỉ gió đó phải nghỉ ngơi vào ban đêm, vì chẳng có nhân dân nào yêu cầu mở loa suốt đêm được. Đêm miền quê, nhất là những đêm trăng nhờ nhờ, mưa lất phất, lạnh gai gai người, tiếng côn trùng kêu nghe thê lương sầu thảm, nếu tôi mà có cái giọng mùi một chút, chắc chắn là tôi đã đi một đường "tứ đại oán" theo kiểu Ngũ Viên Thiệu khóc vợ hay bắt chước ông Sáu Lầu ngồi trong chòi ruộng, đêm hôm khuya khoắt, sương sa gió lạnh bốn bề, kéo đàn cò mà ca một bài "Dạ Cổ Hoài Lang" não nuột để cho bớt nỗi cô quạnh

suốt đêm trường năm canh thao thức "xa quê hương nhớ chị dâu" liền. Nhưng tôi không có cái giọng Hữu Phước, Thành Được, Hùng Cường trời cho nên tôi phải cho mấy người anh em nghe cái giọng nũng nịu của cô trong đài Mẹ Việt nam vậy.

Tôi buộc *micro* vào *radio* rồi quay cái loa qua bên phía người anh em. Loa tuy nhỏ, pin tuy yếu, nhưng chỉ có mỗi cái loa của tôi dự thi tuyển lựa ca sĩ cùng ếch nhái ễnh ương thì chắc chắn cái loa phải to mồm hơn. Bảo đảm cái chương trình *Sinh Bắc Tử Nam* có giá trị không thua kém gì cái tiếng sáo đã làm "rã ngũ từng mảng" những người lính của Hạng Võ ngày xưa bên Tàu. Lính gác ca đêm, cứ mỗi đầu giờ, khi chương trình của cô bắt đầu là mở *radio.*

Mẹ Việt nam rất đau buồn khi có những người con Sinh inh inh... Bắc ắc ắc... Tử ử ử... Nam am am...

Anh Nguyễn văn Trỗi sinh tại Ba ra Đô lương Nghệ tĩnh, con ông Nguyễn văn Sướng và bà Nguyễn thị Hất, cấp bậc hạ sĩ thuộc sư đoàn Ba Lê Tư Bảng Đỏ đã chết tại chiến trường Trung tâm Tuyết huyết ngày 23 tháng Giêng năm 1968...

Anh Trần văn...

Cứ hết chương trình của cô buồn nẫu người như vậy là đến chương trình anh chàng Thầy bói ma quái, những tiếng chuông tiếng mõ gõ lóc cóc lóc cóc, kính coong kính coong nghe đến rợn người.

Cô Hiền, cô thử tưởng tượng, đêm âm u gai gai lành lạnh như vậy, hồn ma đồng đội còn lảng vảng chung quanh, những xác người, những kinh hoàng còn chưa thôi ám ảnh mà phải nghe những cái trò quái ác đó, đến chúng tôi còn thấy rờn rợn, nổi gai ốc huống gì những người anh em.

Trời chập tối là chương trình bắt đầu cho đến khi trời hừng sáng mới chấm dứt.

Đêm đầu tiên hình như chẳng ép phê gì cả vì tôi không thấy phản ứng của người anh em vào buổi sáng hôm sau. Hy vọng vào đêm thứ hai, sáng ra vẫn chẳng thấy phản ứng gì. Chờ đợi vào đêm thứ ba, sáng ra vẫn vô ích, không thấy bóng dáng một "con chuột" nào xuất hiện.

Cố gắng vào đêm thứ tư. Cố gắng tuyệt vọng vào đêm thứ năm, qua hết đêm thứ sáu thì vỡ lẽ.

Hóa ra không phải chỉ có mình cố gắng, mà người anh em còn cố gắng bạo hơn. Suốt sáu đêm liền như vậy, người anh em đã cố gắng một cách phi thường. "Khó khăn nào cũng vượt qua" mà, nhưng khó khăn này coi bộ vượt qua không nổi, sức người anh em cũng chỉ nằm trong giới hạn. Người anh em không thể nào chịu đựng thêm được nữa, mấy cái giọng cà chớn ma quái ấy cứ xoáy xoáy vào tai những người anh em, bất kể là người anh em có "bông Bạch Tuyết" để bịt tai hay không, bất kể là người anh em có "mũ ni" để che tai hay không.

Phải vậy chứ, cái chương trình tạp lục này chính chúng tôi còn rợn người, nếu còn kéo dài thêm nữa, chưa chắc chúng tôi đã có đủ can đảm nghe tiếp. Người anh em nếu chịu đựng được thêm vài ngày nữa thôi thì chính chúng tôi là kẻ thua cuộc. Nhưng, người anh em thua trước. Và người anh em phản ứng. Và tội nghiệp người anh em, phản ứng duy nhất của người anh em về cái chương trình tạp lục mà không vui này của cô chỉ có mỗi một cách là người anh em mời tôi ra nhà hòa hợp để thương lượng.

Á à, bây giờ thì thằng thượng phong là chúng ông chứ không phải là chúng mày nữa. Nghĩa là từ bây giờ, trên mặt trận võ mồm, chúng ông thắng thế và chúng ông "khai thác triệt để" để trả thù chúng mày đã bắt chúng ông nghe những cái loa ông ổng của chúng mày bao lâu nay.

Sau thêm cả tuần lễ để người anh em nghe cho nó "đã", tôi mới chịu ra nhà hòa hợp nói chuyện.

Tôi cười ơm ờ lập lại gần như nguyên văn lời của người anh em lúc trước:

- Chúng tôi không có quyền, chương trình này là của nhân dân, chúng tôi chỉ làm theo yêu cầu của nhân dân. Các anh có muốn ngưng thì qua đây, tìm nhân dân mà yêu cầu.

Người anh em biết rõ là chẳng có nhân dân ma nào ở đây cả. Nhưng làm sao bây giờ, trong khi chính người anh em đã lôi nhân dân

ra làm bình phong trước. Nói lý không xong, mà đánh nhau bằng súng bằng đạn thì người anh em không dám đụng đến đám lính "mồ côi" này.

Cô Hiền,

Từ đó về sau, ban ngày người ta chỉ còn nghe văng vẳng những âm thanh thật nhỏ phát ra từ những cái loa thật to. Và ban đêm, vẫn có những lời nũng nịu của cô, vẫn những lời rờn rợn, vẫn những tiếng chuông, tiếng mõ ai oán của ông Thầy bói nhưng thỉnh thoảng có điểm thêm vào đó là âm điệu của những bản nhạc vàng.

*

Cô Hiền,

Bây giờ cô ở đâu. Cô còn ở trong một trại "cải tạo" hay ở một vùng "kinh tế mới" nào đó trên đất nước đầy ngập những người anh em? Cô đang lang thang ở một miền đất tự do nào đó cũng đầy ngập những đồng nghiệp cũ hay đang âm thầm thiết lập lại đài Mẹ Việt nam?

Chung quanh tôi trong đêm mùng 2 Tết này, tại nhà ông "nhà thơ vạm vỡ", có thừa lực lượng cho một chương trình tương tự mà chỉ thiếu có mỗi cái giọng nũng nịu của cô.

Chúng ta có nên làm lại một đài Mẹ Việt nam mà giọng nũng nịu của cô chỉ cần thay đổi thành giọng "nghiêm và buồn, đượm một chút xa vắng" như những sinh hoạt "cũng vẫn", "vẫn lại" thường xuyên ở đây chăng:

Mẹ Việt nam rất đau buồn khi có những đứa con Sinh... Việt... Tử... Mỹ...

Chúng ta có nên làm lại một đài Mẹ Việt nam với chương trình "Sinh Bắc Tử Nam" mà giọng nũng nịu của cô chẳng cần thay đổi:

Mẹ Việt nam rất vui mừng khi có những đứa con trong "Chính trị bộ" Sinh... Bắc... Tử... Nam...

NGUYỄN ĐỨC LẬP

phong vũ tiêu tiêu lôi vũ động

*

Ngồi nói chuyện với nhau, giữa một căn nhà thủy tạ cất dựa mé sông chung quanh không có một ai lởn vởn, mà coi bộ ông Cả Bường và Chủ Sảnh vẫn không yên tâm. Hai ông vẫn xầm xì xầm xịt chớ không dám lớn tiếng. Mới mở đầu câu chuyện, ông Cả Bường đã nói rồi mà. Cái miệng móm xọm của ông đã thầm thì nhỏ rức:

- Coi chừng, tai vách mạch rừng.

Khuyến cáo bạn như vậy rồi, cặp mắt của ông còn nhấp nháy, xoay đảo dưới hai tròng kiếng, còn liếc ngang liếc dọc tứ phương.

Ngồi đối diện với nhau, ông Cả Bường và ông Chủ Sảnh đều chống hai cùi chỏ lên mặt bàn, chồm người tới phía trước, để cho hai cái đầu bạc trắng gần như muốn cụng vào nhau. Ông Cả Bường còn giữ theo phong tục "đàng cựu", bởi vậy, ông còn giữ nguyên cái củ nừng bới tòn ten sau ót, với chủ trương "thân thể phát phu thọ ư phụ mẫu, bất cảm hủy thương". Ông Chủ Sảnh, trái lại, theo lối tân thời, tóc hớt ngắn, chải rẽ bảy ba. Gió từ mặt sông thổi lên lồng lộng, cây cối trong vườn chuyển động, xào xạc không ngớt, vậy mà ông nào cũng rán nói cho thiệt nhỏ, gần như người này kê miệng vô lỗ tai người kia mà nói, để cho giả dụ như có ai đó, cố tình rình nghe, cũng không nghe được.

Ông Cả Bường nói trước:

- Anh nghĩ sao, anh Chủ? Vụ này, tôi e Chủ Thạnh "vẽ rắn thêm chưn".

Ông Chủ Sảnh có hơi ngơ ngác:

- Nghe Cả mời, tôi vội tới liền, tôi chưa biết đầu đuôi ất giáp...

Ông Cả Bường nóng nảy:

- Thì cái vụ Chủ Thạnh phong thanh bắn tiếng là sẽ ra tranh chức Hương cả kỳ này...

Trầm ngâm quan sát kỹ những biến chuyển ở trên nét mặt của ông Cả Bường một chút, ông Chủ Sảnh có vẻ như muốn dọ dẫm:

- Vụ này, ảnh đã từng nói qua với tụi mình. Mục đích của ảnh là làm sao cho Quận Nhiều thân bại danh liệt. Mình không nên nghi ngờ...

Ông Cả Bường chợt thở ra một cái. Ông thở ra bằng miệng. Cái miệng thụt sâu vô trong, chúm lại tum húm, như miệng con cá trèn bầu, bởi vậy, tiếng thở được phát ra như tiếng huýt sáo. Miệng lưỡi của ông có ve ngậm ngùi:

- Chớ chi mà có chỗ nghi ngờ được, thì tôi đâu phải thắc mắc, lo âu. Va đâu phải là hạng người tranh danh đoạt lợi. Nếu trong bụng của va mà còn ham tranh thắng thì cái ghế Hương cả này đâu có tới phần tôi ngồi vô. Bụng dạ nào mà tôi nghi ngờ va cho được. nhưng, tôi lo âu nhiều lắm. Hồi nãy, tôi nói rồi đó, không chừng va "vẽ rắn thêm chưn", hại tới thân va và hại luôn tới bọn mình...

Tới phiên ông Chủ Sảnh nóng nảy:

- Ý Cả muốn nói gì, tôi chưa hiểu đặng...

Ông Cả Bường thở ra lần nữa. Lần này, ông thở bằng mũi hẳn hoi. Tiếng thở kéo dài nhằng, nghe thất thẻo ruột gan. Giọng của ông trở nên lục cục như một con cọp già đang nhai đậu phọng rang:

- Quan Chánh biện là người Tây mà... Tây vốn có cái lối cai trị của nó... Nó đâu có thể vì mấy cái thằng già nhà quê như mình mà chặt bỏ tay chưn thuộc hạ thân tín của nó được...

Cái mặt của ông Chủ Sảnh ngẹt ra ngó thấy. Ông Cả Bường nói ít, ông còn hiểu lơ mơ. Ông Cả nói nhiều chừng nào, ông càng tối câm chừng nấy. Ông có vẻ dấm dẳn:

- Tự nãy tới giờ, tôi không hãn tường đầu đuôi gì được hết...

Ông Cả Bường không dấu được vẻ ngạc nhiên:

- Bộ va không nói gì với anh hết sao?

Lắc đầu nhè nhẹ, mặt có hơi đăm chiêu, ông Chủ Sảnh phân trần:

- Đối với anh Chủ Thạnh, tôi vẫn nể, vẫn phục từ lâu. Tuy nhiên, hình như tánh tình của tôi với ảnh không hạp. Tôi chỉ biết cui cút làm ăn, lẩn quẩn trong nhà trong cửa, sống lâu lên lão làng, chớ không được quảng giao hào phóng như ảnh... Tôi với ảnh thường không có gặp nhau một cách riêng tư...

Ông Chủ Sảnh còn nói thêm:

- Bởi vậy, khi không nghe Cả nói tắt ngang, tôi đâu có tài thánh gì mà hiểu đặng...

Ông Cả Bường gật gù, có vẻ thấu rõ:

- Đây là tại tôi hấp tấp. Tôi tưởng va đã nói hết cho anh nghe rồi. Như vầy nè... mưu kế của va như vầy... va cứ tung tiền ra cho Quận Nhiều ăn ngập mặt. Ăn quen nhịn không quen, Quận Nhiều cứ mám theo mà lần tới. Va nói với Quận Nhiều là va muốn tranh cái chức Hương cả với tôi. Va nhờ Quận Nhiều nghĩ cách tròng tréo cho va "đắc kỳ sở nguyện". Dĩ nhiên là Quận Nhiều sẽ híp mắt mà cầm tiền của va. Quận Nhiều còn tính xa hơn, va chưa làm Hương cả, mới chỉ là Hương chủ cựu, mà va đã "đút sấp" (1) cho Quận Nhiều như vậy, một khi mà va lên chức Hương cả rồi, tiền của va Quận Nhiều xài hoài đâu có hết... Một mặt khác, va đem việc này mật báo với quan chánh Tham biện và sẽ gài bẫy để quan chánh Tham biện bắt quả tang Quận Nhiều đang ăn hối lộ...

Thở ra một cái phào, ra vẻ thỏa mãn, ông Chủ Sảnh khoái trá:

- Kế của ảnh cũng thâm lắm đó chớ. Ảnh có tiền muôn, bạc ức. Ảnh lại có quen lớn với quan chánh Tham biện. Ảnh ra tay mẻ này, Quận Nhiều chạy đâu cho khỏi...

Ông Cả Bường có vẻ không bằng lòng:

- Anh quên rằng, mới hồi nãy, tôi nói với anh sao? Quận Nhiều tham lam, ăn hối lộ nổi tiếng, khắp một miệt từ Cần thơ, đổ xuống tới Long xuyên, Châu đốc, từ quan tới dân, ai mà không biết. Thiên hạ đã biết khắp một trời như vậy rồi, cớ sao càng ngày y càng thăng quan tiến chức. Con đường hoạn lộ của y chỉ có lên, không có xuống mà.

Không những vậy, càng ngày nhà nước Đại Pháp càng bổ nhiệm y trấn nhậm những hạt béo bở, như là một cách thức gián tiếp trả công cho y...

Làm như hứng thú lắm, quên cả giữ gìn, ông Chủ Sảnh có hơi lớn tiếng:

- Cả nói thậm phải, nhà nước Đại Pháp chủ trương dùng người bổn xứ để cai trị người bổn xứ. Có người bổn xứ nào mà nở ra tay đàn áp bóc lột dân mình, ngoài cái bọn tay sai ác ôn côn đồ cỡ như Quận Nhiều. Nhớ hồi nẳm, những tay sai thượng hạng như Trần Bá Lộc, như Đỗ Hữu Phương, đi tới đâu, tàn sát dân mình tới đó. Càng hại dân mình bao nhiêu, đám tay sai càng lập công to chừng nấy. Tay của tụi "bầy tôi" (2) càng đẫm máu dân mình càng nhiều, thì ngực của tụi nó càng được gắn nhiều "mề đay" chừng nấy...

Ông Chủ Sảnh càng nói càng hăng, trong khi ông Cả Bường càng nghe càng muốn run eng phát rét. Cặp mắt dáo dác, cái mặt xanh chành, ông Cả Bường cằn nhằn:

- Tại sao đang nói chuyện Chủ Thạnh, anh lại bàn chuyện quốc sự làm chi? Mấy chuyện này, không tới phiên mình bàn. Mà, cho dẫu có tới phiên, mình cũng không nên bàn...

Giọng ông hạ xuống thiệt nhỏ:

- Nếu thiệt có muốn bàn lắm đi nữa, cũng không mắc mớ gì mà mình phải lớn tiếng như vậy...

Ông Chủ Sảnh hơi mỉm cười trước cái điệu bộ mất bình tĩnh ngó thấy của ông Cả Bường. Bất giác, ông cũng liếc dọc liếc ngang như ông Cả. Làm như đã chắc ăn là chung quanh không có một người thứ ba, ông hùng hồn nói tiếp, tuy giọng có hơi thấp xuống để làm vừa lòng ông bạn già:

- Ừ, thì chuyện của anh Chủ Thạnh, nhưng muốn nói thì phải nói cho có đầu có đuôi. Chuyện của anh Chủ Thạnh có liên quan tới Quận Nhiều, tới quan chánh Tham biện, nhứt là liên quan tới chủ trương của nhà nước Đại Pháp. Mà, đã nói tới chủ trương của nhà nước Đại Pháp, không thể không nhắc tới ba cái đám tay sai như Tổng

đốc Lộc, Tổng đốc Phương được... nếu nói cho cùng tận nữa, mình phải nói từ cái hồi cử nhơn Phan Hiển Đạo cắm cờ tam tài trước mũi ghe, từ Vĩnh kim đông ra dự lễ "chánh chung" (3) ở Vĩnh long, hay là từ cái thuở Phủ ba Tôn Thọ Tường ra hợp tác với nhà nước Đại Pháp nữa kìa...

Tự nhiên, ông đổi giọng ngâm nga:

Ông về thác Vĩnh kim đông
Ông ra giúp nước, bụng đồng tương tri (4)

Ông Cả Bường lắc đầu quầy quậy. Ông không lạ gì cái tánh ăn nói có đầu có đuôi của ông Chủ Sảnh. Cái tật ăn nói có đầu có đuôi của ông Chủ Sảnh thiệt là vô tiền khoáng hậu. Mỗi lần nói "đầu đuôi", "đầu" thì ông bắt đâu ở khúc từ thời "ông nhạc còn ỉa cứt su" hay từ thuở "Đường Thế Dân sụp lầy", còn "đuôi" thì kéo lê thê tới đời cháu, đời chắt; "đầu" thì ông khởi từ cái thuở "*trên rừng muỗi kêu như sáo thổi, dưới nước đỉa lội như bánh canh*", từ cái thuở "*dưới sông sấu lội, trên rừng cọp đua*", "đuôi thì dặc dài tới cái thời buổi "*trên ô tô, dưới thì ca nô*" (5)... hay cái thời "*chớp nhoáng thẳng băng dây thép kéo, mây tuôn đen nghịt khói tàu bay*" (6). Ông mà nói chuyện "đầu, đuôi", ngồi nghe cho hết, thì chỉ có nước "cái đít mọc rễ".

Bởi vậy ông Cả Bường lật đật:

- Đầu đuôi thì anh biết đã đành, tôi cũng đâu phải là không biết. Thôi thì, mình cứ bắt ngang vô cái khúc của Chủ Thạnh với Quận Nhiều đi...

Ông Chủ Sảnh coi bộ không đặng bằng bụng:

- Thì anh nói tới chủ trương của nhà nước Đại Pháp... Hồi đó, nhà nước Đại Pháp đã mua chuộc tên Huỳnh Tấn để cho nó dẫn đường vô tận sào huyệt mà bắn chết ngài Bình Tây Đại soái Trương Công Định, rồi lại dùng mưu kế của tên Huỳnh Tấn nầy mà bắt ngài Lãnh binh Nguyễn Trung Trực phải ra mà nạp mình... Nói tới chủ trương của nhà nước Đại Pháp, phải nhắc lại từ đó mới được. Huỳnh Tấn đại gian đại ác như vậy mà vẫn được trọng dụng, tới nỗi tới đời con là Huỳnh Công Miêng còn được cấp "miễn tửu bài" để trở thành "lưu linh miễn tử" (7).

Ông Cả Bường ngán ngẩm thiệt tình. Ông không muốn cho ông Chủ Sảnh nói "đầu đuôi" thêm nữa. Ông dứt vạt chận ngang:

- Thôi, mình nói tắt vụ Chủ Thạnh đi... Tôi cho là va "vẽ rắn thêm chưn", tốn tiền vô ích, mà lại mất công mất sức...

Ông Chủ Sảnh lắc đầu:

- Anh Chủ Thạnh mưu kế đa đoan. Chưa chắc ảnh đã nói hết tất cả đường đi nước bước của ảnh cho Cả nghe. Những chuyện gì mình đã biết, như cái chủ trương của nhà nước Đại Pháp gì đó, ảnh biết còn rành hơn mình. Con người đa đoan, tính việc chu đáo như ảnh, đâu dễ gì mà "vẽ rắn thêm chưn".

Coi bộ cái ý nghĩ đầu tiên của ông Cả Bường muốn lung lay. Ông nói phân hai:

- Anh nói không phải là không chí lý, nhưng sao trong bụng tôi vẫn còn có chỗ hồ nghi... Tôi thấy sao coi bộ mưu kế của Chủ Thạnh không đặng xuôi chèo mát mái... Quận Nhiều đâu phải là cục bột mà muốn nhào, muốn nặn ra sao mặc ý... Chủ Thạnh tính thì Quận Nhiều cũng biết tính vậy. Chủ Thạnh tính thì tốn tiền tốn bạc, còn Quận Nhiều tính thì không mất một đồng xu teng. Ai lợi, ai hại, mình đã thấy rõ mười mươi...

Bộ mặt của ông Cả Bường trở nên buồn thiu, ông kéo giọng dài nhằng:

- Thấy Chủ Thạnh tung tiền, tôi bắt sốt ruột...

Ông Chủ Sảnh cũng buồn theo:

- Ảnh phóng tay để cho Quận Nhiều thân bại danh liệt, tốn hao bao nhiêu, ảnh đâu có thèm để vô trong bụng... Làm như chợt nhớ ra một điều gì, ông chủ Sảnh thắc mắc:

- Ờ, mà sao ảnh lại mặn cái vụ này dữ vậy kìa. Nói cho cùng thì Quận Nhiều cũng đâu đã động chạm gì tới ảnh. Y làm tiền là làm tiền chung hết đám hương chức hội tề có máu mặt trong quận, đâu phải y chỉ nhắm riêng vô một mình ảnh, mà ảnh phải đơn thương độc mã đứng ra mà đương đầu...

Ông bỗng ngập ngừng:

- Hay là... hay là... giữa hai người... có cựu thù cố oán gì đây?

Nhưng rồi, ông lại phân vân:

- Không lẽ như vậy... Anh Chủ Thạnh từ trẻ tới già đâu có rời khỏi làng nầy... Còn Quận Nhiều, đây là lần thứ nhứt mới đáo nhậm quận mình... Hai người chưa từng động chạm gì với nhau mà... Trước đây, gặp mặt với nhau chắc cũng chưa từng, làm sao mà có cựu thù cố oán? Còn như nói rằng hai người có thù hận với nhau trước khi anh Chủ Thạnh về ngụ cư ở làng này thì lại càng không phải. Tuổi tác của hai người chênh lệch nhau quá chừng mà. Vào cái khoảng thời gian đó, Quận Nhiều chắc còn ôm vú mẹ...

Ông Cả Bường nói gọn:

- Đây là Chủ Thạnh vì đại nghĩa mà muốn ra tay diệt trừ cái thứ sâu dân mọt nước...

Ông Chủ Sảnh gật gù, mấp môi, nhưng ông Cả Bường đã nói luôn:

- Bị vậy tôi mới lo cho va. Chuyện không phải là chuyện riêng, thành công cả thiên hạ đều nhờ, một mình va chịu tốn hao. Còn như thất bại, một mình va lãnh đủ... va cũng già lắm rồi. Đây có thể là lần chót mà va ra tay. Nếu lỡ có thất bại, va chịu sao cho nổi.

Ông Cả Bường lại thở dài hiu hắt:

- Gấm cho cùng, mình cũng già tận mạng rồi, mấp mé miệng lỗ hết rồi, đâu có còn hối tiếc cái gì nữa, mà không ra tay hụ hợ với va một phen? Nhưng ngặt một nỗi là muốn phụ với va cũng không biết làm cách nào. Va hành sự khôn ngoan kín đáo một mình, không muốn liên lụy tới bọn già tụi mình. Thấy va đang ở cái thế một sấp hai ngửa, nhứt chín nhì bù, biểu tôi không lo là không lo làm sao? Đâu phải tôi thày lay lo việc bao đồng hay "gánh bàn độc mướn", nhưng không lẽ đợi cho tới khi "thố tử" rồi "hồ mới bi".

Ông Chủ Sảnh như muốn trấn an ông bạn già:

- Anh Chủ Thạnh, xưa nay, đem tấm chân tình ra mà đãi khắp cả thiên hạ. Ảnh không bao giờ khuất lấp với tụi mình đâu. Theo tôi, nếu một khi cần mình vùa giúp, ảnh không ngậm miệng làm thinh đâu.

Đây chắc là ảnh thấy còn có thể đơn thương độc mã mà đảm đương nổi. Cả đừng lo tới quá trí...

Cúi đầu xuống thiệt thấp, ông Cả Bường nói nghe như một hơi thở:

- Không lo sao được? Hổm nay, Quận Nhiều gặp tôi tới ba lần. Một lần, y mời tôi ra quận đường. Hai lần, y vô tới tận nhà tôi... lần nào y cũng hỏi đon hỏi ren về Chủ Thạnh...

Ông Chủ Sảnh chưng hửng:

- Có thiệt vậy sao? Nếu vậy thì rối lắm rồi, chứ không phải dễ như úp bàn tay như mình nghĩ đâu... Mà rồi, Cả có cho anh Chủ Thạnh biết không vậy?

Ông Cả Bường gật đầu lia lịa:

- Sao lại không? Quận Nhiều nói cái gì, tôi đều học lại cho Chủ Thạnh, không sai chạy một câu, một chữ.

Ông Chủ Sảnh hấp tấp:

- Rồi, anh Chủ Thạnh mới tính làm sao? Mà... Quận Nhiều hỏi cái gì về anh Chủ Thạnh? Quận Nhiều có nghi ngờ anh Chủ Thạnh làm chuyện quốc sự không? Y có nói mí mí ra là sẽ đối phó với anh Chủ Thạnh ra sao không? Cả có đoán được là y sẽ xuống tay cách nào không?

Tuy vẫn không dám lớn tiếng, ông Cả Bường kêu lên:

- Anh hỏi ba hơi nhập một như vậy làm sao mà tôi trả lời cho kịp? Muốn hỏi cái gì, cũng phải từ từ chớ.

Kêu thì kêu như vậy, nhưng ông Cả Bường vẫn giải đáp đủ ngọn đủ ngành:

- Quận Nhiều hỏi đủ thứ hết, thậm chí tới đường đi nước bước, ngóc ngách trong nhà Chủ Thạnh, y cũng tò mò. Chắc y nghĩ rằng một khi Chủ Thạnh đã bắn tiếng muốn tranh cái ghế Hương cả với tôi, tôi sẽ thù sẽ oán Chủ Thạnh nhiều lắm. Bởi vậy, y mới tò vè tới tôi để điều tra về Chủ Thạnh. Y đâu có ngờ hết thảy anh em mình đều là một húi với nhau, "đông có mầy, tây có tao" với nhau. Y hỏi tới đâu, tôi trả lời tới đó. Y hỏi chăm bẳm, tôi trả lời ầu ơ ví dầu, theo cái kiểu

"đẩy đưa cho vừa lòng bạn", còn "cái sông giang hà chỗ cạn chỗ sâu", làm sao y biết được. Lạ một điều là y không có ý gì nghi ngờ Chủ Thạnh là tay làm việc quốc sự. Có thể đây là chỗ cáo già của y, bụng nghĩ một đàng, mà miệng nói một đàng khác, bụng thì đàng đông mà miệng thì đàng tây. Mà, cũng có thể, y tò mò về Chủ Thạnh vì một duyên cớ khác, mình nghiệm chưa ra...

Mặc dầu, ông Cả Bường nói một thôi dài, nhưng ông Chủ Sảnh vẫn chưa thỏa mãn:

- Rồi, anh Chủ Thạnh tính sao?

Ông Cả Bường có vẻ đăm chiêu:

- Lạ một điều là va không có ý lo lắng gì hết. Va còn nói nhờ tôi cho biết như vậy, va sẽ dễ dàng mà "tương kế tựu kế". Va còn nói như vậy mới vui, chớ nếu đối phương mở ở quá, thành công đâu có sướng ích gì. Tôi có nhắc va là không nên quá ỉ y. Va cám ơn tôi, nhưng coi bộ va không có để những lời khuyên của tôi vô bụng. Có thể, va có cao kiến, nhưng cũng có thể va tự đắc quá mà sanh ra sơ tâm...

Ông Chủ Sảnh không dấu được sự bâng khuâng:

- Không lẽ như vậy. Xưa nay, có bao giờ ảnh tự đắc, tự cao tự đại đâu...

Làm như sực nhớ ra, ông Chủ Sảnh hỏi chăm bẳm:

- Mà, Cả kêu tôi tới để làm gì vậy? Cả có muốn tôi tiếp tay điều gì trong vụ này không?

Ông Cả Bường thủng thỉnh:

- Tôi lo quá đi, mà không biết phải làm sao hết. Biết anh là người kín miệng, nên tôi mời anh tới để có bàn bạc với nhau, coi mình có giúp được cho Chủ Thạnh một chút gì không.

Ông chán ngán ngó thấy:

- Nhưng, như anh thấy đó, bàn bạc nãy giờ, mình cũng không tìm ra được một mưu mẹo nào hết. Tôi chỉ còn có một cách là nếu biết Quận Nhiều có động tịnh gì, tôi cho Chủ Thạnh biết liền, chỉ có như vậy thôi...

Ông Chủ Sảnh mỉm cười. Thì ra là ông Cả Bường lo lắng quá, ôm

riêng một mình trong bụng, ấm ách chịu không nổi, nên mới gọi ông tới mà xổ bầu tâm sự, chớ thiệt ra, không có chuyện gì để bàn bạc hết. Nghĩ vậy, ông Chủ Sảnh cảm thấy phải làm sao cho ông Cả Bường yên lòng. Ông chậm rãi:

- Cả làm như vậy là Cả đã giúp cho anh Chủ Thạnh nhiều lắm rồi. Trong một trận đánh mà nội tình của Quận Nhiều, Cả đã báo cho anh Chủ Thạnh hay hết, thì còn gì nữa mà Cả cho rằng không giúp ích được cho ảnh.

Ông Cả Bường nói như than:

- Khổ nỗi, nói thì nói vậy, chớ nội tình của Quận Nhiều, tôi có biết cái gì đâu. Y hỏi han ngoắt ngoéo, ngoằn ngoèo, nhưng y có để lộ một hình tích nào đâu. Mưu kế của Chủ Thạnh quanh co như "cửu khúc trường xà", nhưng bụng dạ của Quận Nhiều đâu phải là ngọn rạch cùng.

Nói dứt câu, ông Cả Bường nhìn trời, bâng khuâng. Mải miết nói chuyện, trời tối lúc nào, ông cũng không hay. Gió thổi ào ào, ông cũng không cảm thấy lạnh. Bất giác, ông than dài:

- Mọi sự coi bộ rối rắm dữ, mà tôi... không làm được cái gì hết.

*

Từ cái cổng của tòa Bố tỉnh Rạch giá, xăm xúi bước ra, ông Chủ Thạnh gặp ngay một người lính mã tà chận lại. Người này hỏi chăm bẳm:

- Ông là Chủ Thạnh ở Thạnh hòa?

Có hơi ngạc nhiên, nhưng không lúng túng, ông Chủ Thạnh gật đầu:

- Phải, tôi.

Người lính mã tà nói mau:

- Quan chủ quận Giồng riềng cho tôi mời ông tới gặp ngài. Quan chủ quận đang đợi ông ở tửu lầu đàng kia. Tôi chờ ông từ lúc ông mới bước chưn vô cửa tòa Bố...

Ông Chủ Thạnh phân vân. Thì ra, Quận Nhiều đã thấy ông ngay khi vô dinh quan Tham biện. Tính toan điều gì mà y không vào đó để

gặp ông, lại ra quán xá mà đợi ông? Ông tính thoái thác, lấy cớ phải về gấp cho kịp con nước. Nhưng, kịp nhớ câu "đã sợ thì không tới, đã tới thì không sợ". Ông nói mau:

- Nhờ chú dẫn đường giùm tôi... cơ may nào mà tôi gặp được quan chủ quận bất ngờ như vầy?

Nói chưa dứt câu, ông đã nhét vô tay người mã tà một tờ giấy con công (8) mới tinh. Ông thân mật:

- Chú đợi hằng lâu, chắc cũng khát nước lắm rồi.

Người lính mã tà chụp lẹ tờ bạc, nhét vô túi. Y vồn vã:

- Đây là lần đầu tiên, tui mới thấy quan chủ quận chịu khó ngồi cả buổi để đợi một người. Chắc ngài nể ông lắm...

Ông Chủ Thạnh mỉm cười:

- Giữa tôi với ngài vốn là chỗ giao tình thân thiết...

Tửu lâu có hai tầng. Người lính mã tà đưa ông Chủ Thạnh lên lầu. Quận Nhiều, đang ngồi trầm ngâm nơi một cái bàn kê ở góc quán, sáng mắt lên khi thấy ông Chủ Thạnh lụm cụm ló mặt lên ở đầu cầu thang. Quận Nhiều đứng dậy, chạy lại nắm tay ông Chủ Thạnh, vồn vã:

- Tôi đợi ông lâu lắm rồi. Vô đây... vô đây uống với tôi một ly nước, đặng... bàn thế sự...

Ông Chủ Thạnh lum khum, vén vạt áo dài, ngồi xuống ghế. Ông nói mau với người phổ ky:

- Một bình trà Thiết Quan Âm...

Người phổ ky chưa kịp đem bình trà tới, Quận Nhiều đã mở đầu:

- Ông thường tới thăm quan Tham biện lắm hả?

Ông Chủ Thạnh ngó thẳng vô mắt Quận Nhiều, chậm rãi:

- Ổng là người ơn của tôi mà. Ổng "thi ơn bất cầu báo", nhưng là kẻ thọ ơn, mình có lẽ nào mà quên được, lâu lâu cũng phải lễ lạc qua lại với ổng chớ...

Quận Nhiều vẫn chưa hết thắc mắc:

- Chắc là ông thân với quan Tham biện lắm?

Ông Chủ Thạnh mỉm cười:

- Ổng là người trên trước, còn tôi là phận dân giả, sao dám nói tới tiếng thân?

Ngó liếc qua một bên, thấy người lính mã tà khoanh tay đứng hầu, Quận Nhiều khoát tay:

- Bay đi xuống dưới, kiếm cái gì đó, ăn cho no đi...

Người phổ ky đem bình trà lại. Ông Chủ Thạnh lanh tay đỡ lấy, không cho y rót vô chén.

Uống xong một hớp trà nóng, ông Chủ Thạnh tìm cách gợi chuyện:

- Chắc sáng nay quan chủ quận có việc công nên...

Quận Nhiều chận lại:

- Không. Tôi cũng hơi rảnh, nên định dạo một vòng, kiếm mua ít mớ đồ...

Ngó vô cục diện, ông Chủ Thạnh và Quận Nhiều, bề ngoài thì niềm nở thân mật với nhau, nhưng ý tứ thì thủ kỹ với nhau, vờn qua vờn lại, chứ chưa ai nói thiệt bụng mình.

Đột nhiên, Quận Nhiều nheo mắt, hỏi nhỏ:

- Cái vụ tranh chức Hương cả của ông tới đâu rồi?

Ông Chủ Thạnh không trả lời thẳng vô câu hỏi:

- Trăm sự đều nhờ một tay quan chủ quận.

Quận Nhiều hớn hở:

- Dĩ nhiên, đã hứa với ông, tôi phải làm xong việc cho ông...

Y hạ giọng ngập ngừng:

- Nhưng... nhưng... có tôi mà cũng phải có ông... Tôi ở xa mà ông ở gần... Ông mà không cố sức cổ động, tôi có rán can thiệp, cũng chưa chắc đã làm gì được... Cả Bường coi vậy chớ thiệt là lợi hại... Hồi đó, ông nói sẽ gặp khó khăn mà tôi không mấy tin...

Ông Chủ Thạnh reo lên, làm như ông đang nghe nói về sự khó khăn của ai khác, chớ không phải của ông:

- Thấy chưa. Bây giờ, quan chủ quận mới thấy lời tôi là đúng...

Quận Nhiều buông nhẹ:

- Nghe đối thủ của ông lợi hại, sao ông lại mừng quá vậy?

Ông Chủ Thạnh tỉnh khô:

- Cả Bường lợi hại, tôi đã biết từ lâu. Ổng không lợi hại, tôi làm phiền tới quan chủ quận làm chi?

Quận Nhiều rung đùi:

- Đối thủ càng lợi hại thì càng tạo cho mình nhiều thích thú chớ. Phải không, ông?

Quận Nhiều nhấn mạnh ở hai chữ "thích thú". Ông Chủ Thạnh, in tuồng như đọc được thâm ý của kẻ đang đối thoại, mau mắn:

- Dạ, đúng như vậy. Hao công, tốn của tới đâu, tôi vẫn không từ nan, miễn là "mã đáo, công thành", để cho tôi có dịp nâng ly rượu lên mà mời quan chủ quận một bữa...

Đang hí hửng như cầm chắc được sự thành công ở trong tay, ông Chủ Thạnh bỗng lấc láo:

- Ủa, mà sao quan chủ quận lại biết Cả Bường lợi hại? Hay là ổng cũng mò tới quan đặng mà nhờ cậy?

Cặp mắt của Quận Nhiều xoay đảo mau lẹ. Vẻ bối rối của y không qua khỏi cặp mắt của ông Chủ Thạnh, mặc dầu y đã khỏa lấp bằng một tràng cười lớn. Y nói mau:

- Đợi gì có Cả Bường mò tới, tôi mới biết sự lợi hại của y. Binh pháp có câu: "ngồi trong trướng mà định được ngoài vạn dặm", ông quên rồi sao?

Ông Chủ Thạnh cũng cười ha hả:

- Quả là tôi nhắm vào quan để nhờ cậy, không sai chạy một chút nào. Đúng là "chọn mặt gởi vàng"...

Quận Nhiều nhắc lại, như muốn chắc ăn:

- Những gì ông đã nói, ông phải nhớ đó...

Ông Chủ Thạnh nói rõ từng tiếng:

- Sự dĩ nhiên là tôi phải nhớ. Mà đâu phải chỉ như vậy không. Tôi với quan còn nhiều việc thương lượng về lâu về dài nữa kìa...

Ông buông lửng lơ:

- Đâu phải khi không mà tôi muốn làm Hương cả...

Ông Chủ Thạnh đứng dậy cáo từ. Mặt ông hớn hở ngó thấy...

Gặp Hai Quờn đang ngồi chò hỏ đợi ở dưới ghe, ông Chủ Thạnh nói vào tai Hai Quờn. Ông lập lại câu nói của Quận Nhiều:

- Đối thủ càng lợi hại thì càng tạo cho mình nhiều thích thú chớ. Phải không, Hai?

Chú Thích

(1) Đút sáp: một hình thức hối lộ hồi thời Tây, tặng đèn cầy, sáp ong, nhưng ở bên trong là vàng.

(2) Bầy tôi: hai chữ nói lái của "bồi Tây".

(3) Lễ chánh chung: lễ độc lập Pháp, ngày 14 thánh 7.

(4) Cử nhơn Phan Hiển Đạo, người ở Vĩnh kim đông (Vĩnh long), đậu thời vua Tự Đức, không làm quan với triều đình Huế, về làng sống một đời tài tử phong lưu. Đáp lời mời của viên Tham biện (tỉnh trưởng) người Pháp, Phan Hiển Đạo ngồi nghe ra dự lễ chánh chung ở Vĩnh long, cắm cờ tam tài trên mũi ghe. Trên đường về, Phan Hiển Đạo ghé thăm quan Học sĩ Phan Thanh Giản, lúc ấy đang làm Tổng đốc Vĩnh long. Học sĩ họ Phan không tiếp, chỉ cho lính đưa ra cho Phan Hiển Đạo một mảnh giấy có ghi câu "gái lấy hai chồng, còn ngó mặt ta sao đặng?". Ông Phan Thanh Giản còn nói với thuộc hạ: "Tôn Thọ Tường chưa từng hưởng ơn huệ của trào đình, theo Pháp còn có chỗ khả thủ; còn Phan Hiển Đạo đã từng lãnh áo mão cân đai của trào đình, sao lại có thể theo giặc?". Phan Hiển Đạo, sau đó, về Vĩnh kim đông uống thuốc độc tự tử chết, lúc ấy vừa 42 tuổi.

Tôn Thọ Tường vốn là một tay công tử, văn chương thơ phú, đờn địch ca xang, ăn chơi khét tiếng lục tỉnh Nam kỳ, vốn thuộc dòng dõi võ quan Tôn Thọ Đức. Tôn Thọ Tường đã từng lập ra "Bạch Mai Thi Xã" để cùng các danh sĩ đương thời xướng họa với nhau. Sau, Tôn Thọ Tường xin tập ấm để làm quan văn, nhưng vì dòng dõi quan võ, nên việc xin tập ấm không được chấp nhận. Tôn Thọ Tường phẫn chí, về hợp tác với Pháp, được phong làm Đốc phủ sứ, gọi là Phủ ba Tường.

Nhân gian miền Nam có câu mỉa mai:

Lớp sau Thanh Giản tiếng đồn
Là Phan Hiển Đạo với Tôn Thọ Tường
Ông thời nhơn hã văn chương
Ông thì thi phú tót đường diệu công
Ông về thác Vĩnh kim đông
Ông ra giúp nước bụng đồng tương tri
Một còn một mất trọn nghì
Ngàn năm tạc để Nam kỳ danh nho

(5) Một câu trong bài hành vân "Hội Ca Cầm" thuở xưa.

(6) Thơ trong "Thập Thủ Liên Hườn" của Tôn Thọ Tường.

(7) Huỳnh Công Miêng, tức cậu Hai Miêng, con trưởng của Huỳnh Tấn, đã từng du học bên Pháp, sau bỏ về, không chịu làm công chức cho Pháp, với bản tánh ngang tàng có sẵn, trở thành một tay anh chị hạng nhất, thống lãnh đàn em, thường kiếm những người có thế lực mà gây sự, đánh lộn, cả đến người Pháp cũng không nể. Vì Huỳnh Tấn lập công lớn với Pháp nên cậu Hai Miêng không bị nhà cầm quyền đương thời trừng trị. Y còn được các hàng quán, theo lời dặn của nhà cầm quyền, không được tính tiền ăn nhậu của y. Bởi vậy, y được dân chúng truyền tụng là y có "miễn tửu bài" và tôn xưng y là "lưu linh miễn tử". Dân miền Nam đặt vè ca tụng y, gọi là "vè cậu Hai Miêng", và miền Nam truyền tụng câu ca nói về sự ngang tàng của y:

Bước vô trường gán
Vỗ ván cái rầm
"Bủa xua" quan Tham biện
Bạc tiền ông để đâu?
(Bủa xua là bắt tay, bonjour)

(8) Tờ giấy bạc năm đồng, có in hình con công.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

• BIỂN NGHIỆP

Truyện dài của Minh Đức Hoài Trinh, Nguyễn Quang xuất bản, sách dày 227 trang. Giá bán 12 Mỹ kim

• THƠ TRẦN MỘNG TÚ

Sách dày 120 trang, bìa Khánh Trường, Không đề giá bán.

• NGHE MƯA

Tập truyện của Kiệt Tấn. Xuân Thu xuất bản. Bìa Thái Tuấn, sách dày 300 trang. Giá bán 10 Mỹ kim.

• HẢI QUÂN VIỆT NAM CỘNG HÒA RA KHƠI

Tài liệu Lịch sử của Điệp Mỹ Linh. Sách dày 368 trang. Giá bán 22 Mỹ kim

CHÚC MỪNG

•

Chúng tôi vừa nhận được hồng thiệp của

Nhà thơ **Phạm Việt Cường**

sẽ kết duyên cùng

Ca sĩ **Cyndi Thủy**

(tức nhà văn, nhà báo Nguyễn Thụy Minh Ngữ)

Hôn lễ sẽ cử hành vào ngày 24-3-1991
tại Orange County CA, Hoa kỳ.

Chúc mừng hai bạn trăm năm hạnh phúc
và sớm có chung tác phẩm "sống"

•

Ban Chủ biên và toàn thể các văn thi hữu, họa sĩ
và thân hữu.

Viễn đông

RESTAURANT

ĂN CHƠI NGON HƠN ĂN THIỆT

Nổi tiếng trong cộng đồng người Việt khắp năm châu với các món ăn thuần túy miền Bắc:

1. Bún Chả "Chợ Đồng Xuân"	*11. Bún Ốc*
2. Chả Cá Thăng Long	*12. Bánh Đúc Đậu Rán*
3. Bún Vịt Xáo Măng	*13. Đu Đủ Bò Khô "Viễn Đông"*
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"	*14. Miến Gà*
5. Bún Bung	*15. Miến Lươn*
6. Bún Riêu	*16. Chả Giò*
7. Bún Giả Cầy	*17. Bún Vịt Sáo Măng*
8. Bún Thang	*18. Bánh Đúc Riêu*
9. Bún Mọc	*19. Chạo Tôm*
10. Bánh Cuốn "Thanh Trì"	*20. Nem Nướng*

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
9:00AM - 9:00PM
nghỉ ngày thứ ba

VIỄN ĐÔNG II
8966 E. Garvey # C-D
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
8:00AM - 9:00PM

Bộ Chữ Việt

VNI VENTURA -EZ

Bộ Chữ Việt Ấn Bản 2.0
Mới — Hoàn Hảo — Dễ Hiểu — Dễ Dùng
Nhiều loại, nhiều cỡ, nhiều kiểu chữ đẹp
Dùng với Ventura Version 2 & Gold Series 3

"Đặc Biệt Chữ Việt Sử Dụng Với
Hầu Hết Những Máy LapTop"

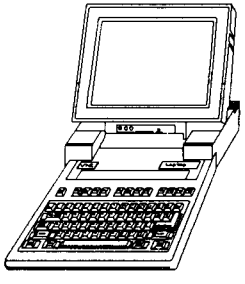

VNI

Computer Hardware & Software
15103 Moran St.
Westminster, CA 92683 U.S.A.
(Ngay tại trung tâm Little Saigon)

(714) 891-7656

Bác sĩ

NGUYỄN VĂN THẾ M.D

Y KHOA TỔNG QUÁT & BÁC SĨ GIA ĐÌNH

ĐIỀU TRỊ

• CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG TỔNG QUÁT • BỆNH TOÀN KHOA NGƯỜI LỚN, TRẺ EM • BỆNH PHỤ NỮ VÀ THAI • KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH • CHÍCH NGỪA • KHÁM BỆNH NHẬP HỌC • TIỂU GIẢI PHẪU •CÁC LOẠI TAI NẠN •HỢP TÁC VỚI CHƯƠNG TRÌNH BÔNG SỮA WIC •

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC

– Ngày Thường: 9:30 Am – 6:30 Pm

– Thú Bảy: 9:30 Am – 3:00 Pm

– Thứ Tư – Chủ Nhật Nghỉ

9196 Bolsa Ave • Westminster, CA 92683

(714) 898.5951 / 898.2967

NHA Y SĨ

ƯTHỊ MỸ LAN

GENERAL DENRISTRY

Chữa Bệnh Nướu Răng

9141 Bolsa Ave # 302

(714) 898-6449

Giờ Làm Việc:

Ngày Thường: Từ 10Am đến 7Pm

Thứ Bảy: Từ 9Am đến 6Pm

Chủ Nhật: Từ 10Am đến 2Pm

nhà xuất bản

TÂN THƯ

13081 Hope St. Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 537-2468

Trân trọng giới thiệu những sách đã in trong năm 1990:

• CÓ YÊU EM KHÔNG? Tập truyện Khánh Trường. Bìa tác giả, phụ bản Nguyễn Đồng, Nguyễn thị Hợp, Võ Đình, Nguyễn Trọng Khôi, Thái Tuấn - 352 trang - Giá 14 Mỹ kim.

• KHÔNG CÓ MÂY TRÊN THÀNH PHỐ LOS ANGELES. Tập truyện và tùy bút Lê Uyên Phương. Bìa Khánh Trường. Dày 250 trang. Giá 12 Mỹ kim

• ĐIỂM TÂM CHO NGƯỜI TÌNH. Thơ Trân Sa. Bìa Phạm. Dày 100 trang. Giá 5 Mỹ kim.

• CÓ NHỮNG BỰC MÌNH TỨC KHÔNG THỂ NÓI. Thơ Đỗ Khiêm. Bìa Khánh Trường. Giá 5 Mỹ kim.

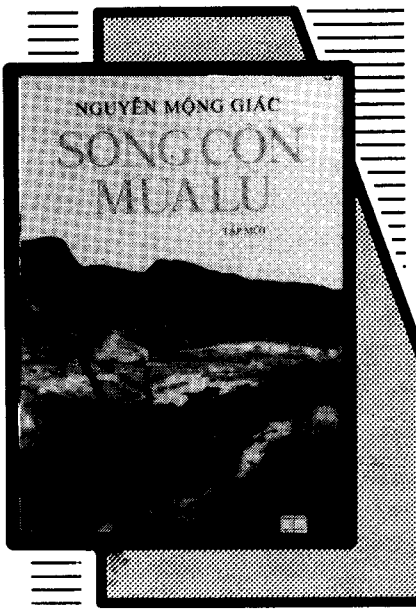

NHÀ XUẤT BẢN ***AN TIÊM*** *VỪA PHÁT HÀNH KHẮP NƠI*

BỘ TRƯỜNG THIÊN TIỂU THUYẾT THỨ NHÌ CỦA NHÀ VĂN

NGUYỄN MỘNG GIÁC

SÔNG CÔN MÙA LŨ

BỘ TIỂU THUYẾT ĐỒ SỘ DÀY GẦN 2000 TRANG VIẾT VỀ THỜI KỲ LỊCH SỬ HÀO HÙNG VÀ BI ĐÁT NHẤT CỦA DÂN TỘC: THỜI TÂY SƠN

★ MỘT THIÊN ANH HÙNG CA VÀ MỘT THIÊN TÌNH SỬ ★

PHÁT HÀNH ĐỢT ĐẦU:

TẬP I : DÀY 414 TRANG, GIÁ 18 MK
TẬP 2: DÀY 500 TRANG, GIÁ 20 MK

SÁCH HIỆN CÓ BÁN TẠI CÁC HIỆU SÁCH. BẠN ĐỌC Ở XA LIÊN LẠC :

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ:
P.O. BOX 2301 WESTMINSTER CA 92683
PHONE: **(714) 527-5761**

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

- bệnh nội khoa: tiểu đường - máu cao...
- bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở

NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM

giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)

ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM

thứ bảy: 9 AM - 1 PM

Tel: **(714) 641-0263**

Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

CENTRAL VALLEY

MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA Blvd, RESEDA, ca 91335

Tel **(818) 708-7227**

Bs NGUYỄN VĂN HƯNG MD

Bác sĩ Điều trị Olive Medical Center

(khu cấp cứu và quang tuyến)

BS TRƯƠNG NGỌC THẠCH MD

Bác sĩ điều trị Olive View Medical Center

(khu theo dõi nội khoa và chương trình săn sóc toàn diện)

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai - Thứ Sáu 9Am đến 8 Pm

Thứ Bảy - Chủ Nhật 9Am đến 3Pm

Nhận MEDICAL & BẢO HIỂM

Bãi đậu xe rộng rãi và miễn phí

Tìm đọc:

THUYỀN NHÂN

Truyện dài MAI KIM NGỌC
Văn Nghệ xuất bản

Liên lạc Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
(714) 527-5761

NHÀ XUẤT BẢN XUÂN THU

hân hạnh giới thiệu sách mới phát hành tháng 12 năm 1990:

Con Rồng Việt Nam (610p, bìa cứng) hồi ký chánh trị 1913-1987, của Bảo Đại	$30.00
Đại Nam Quấc Âm Tự Vị (1210p, bìa cứng) của Paulus Huỳnh Tịnh Của	32.00
Thành Ngữ Điển Tích Danh Nhân Tự Điển (1474p, bìa cứng) của Trịnh Văn Thanh	40.00
Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến (2273p, trọn bộ 3 cuốn) của Nguyễn Tấn Long	60.00
Ba Chàng Tị Nạn Độc Thân (284p) tiểu thuyết, của Hoàng Việt	12.00
Cụm A22 (228p, tình báo chiến lược Hànội tại dinh Độc Lập) của Trần Trung Quân	13.00
Đệ Nhất Phu Nhân (1240p, trọn bộ 2 cuốn) của Hoàng Trọng Miên	32.00
Đi Về Nơi Hoang Dã (264p) tiểu thuyết, của Nhật Tuấn	11.00
Đỏ Và Vàng (524p) tiểu thuyết, của Xuân Vũ	16.00
Đường Về Dân Ca (192p) biên khảo, của Phạm Duy	12.00
Ký Sự Đi Tây (180p) của Đỗ Kh.	10.00
Lịch Tử Vi Năm Tân Mùi 1991 (490p)	13.00
Mạng Người Lá Rụng (459p, tức Đường Đi Không Đến tập 3) của Xuân Vũ	16.00
Một Tù Binh Mỹ Ở Việt Nam (316p) của Duyên Anh	13.00
Người Tù Trong Cấm Thành (The Last Emperor, 366p) cuộc đời vua Phổ Nghi	13.00
Nhục Bồ Đoàn (260p) thiên hạ đệ nhất phong lưu tiểu thuyết, của Lý Ngư	18.00
Ó Đen (538p) hồi ký vượt biển của Lý Tống	18.00
Tình Dục Cho Tuổi Trên 40 (312p) tủ sách giáo dục sinh lý, của Bác Sĩ Đỗ Thế Nhân	18.00
Tự Vị Thế Kỷ (390p) tập truyện ngắn, của Xuân Vũ	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 1: Tình Khúc Mùa Xuân	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 2: Giáng Sinh	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 3: Tình Khúc Mùa Thu	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 4: Nghệ Sĩ Với Cây Đàn	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 5: Tình Khúc Buồn	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 6: Chuyện Chúng Mình	14.00
(Tuyển Tập 1 cho đến 6 có phần hòa âm dành cho dương cầm)	
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 7: Độc Tấu Guitare	12.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 8: Những Tình Khúc Bất Tử	10.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 9: Nhạc Pháp Lời Việt	10.00
Văn Học Từ Điển (374p) phần tiểu sử tác giả, của Thanh Tùng	11.00
Văn Phạm Việt Nam (462p) có thêm phần ngôn ngữ học, của Bùi Đức Tịnh	16.00

Xin gửi thư về Nhà Xuất Bản Xuân Thu để nhận được Thư Mục đầy đủ.
Gửi thư mua sách thẳng tại Xuân Thu được bớt từ 10% đến 30%.

Nói đến sách, nghĩ ngay đến một địa chỉ đáng tin cậy:

XUÂN THU
P.O. Box 97
Los Alamitos CA 90720
(213) 430-3828

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ

Quí vị đã đọc: *Hành Trình Về Phương Đông*
Mời đọc tiếp:

Hoa Sen Trên Tuyết

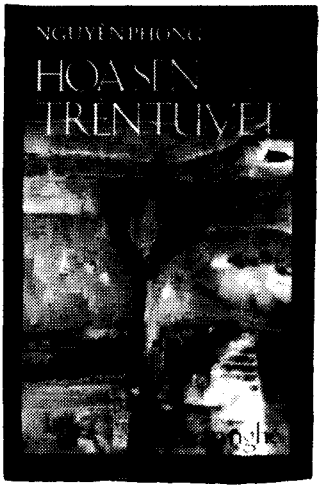

do Nguyên Phong tuyển dịch
Văn Nghệ xuất bản 1990
Giá 7 Mỹ kim, ngoài nước Mỹ giá 8 Mỹ kim

Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel (714) 527 5761

Tìm đọc:

THƠ TRÍCH

Thơ LÊ BI

- một tập thơ có thể đánh động vào những suy nghĩ vì cảm xúc của người Việt nam trong cũng như ngoài nước
- sách dày 120 trang. Cao Xuân Huy trình bày ruột. Khánh Trường trình bày bìa. Tủ sách Người Dân xuất bản lần thứ hai.
- giá 5 Mỹ kim. Ngoài Bắc Mỹ xin gửi thêm 2 Mỹ kim cho cước phí máy bay.

Xin liên lạc:

tủ sách NGƯỜI DÂN

P.O. Box 2674
Costa Mesa, CA 92682
USA

Thời Văn
Đã phát hành:

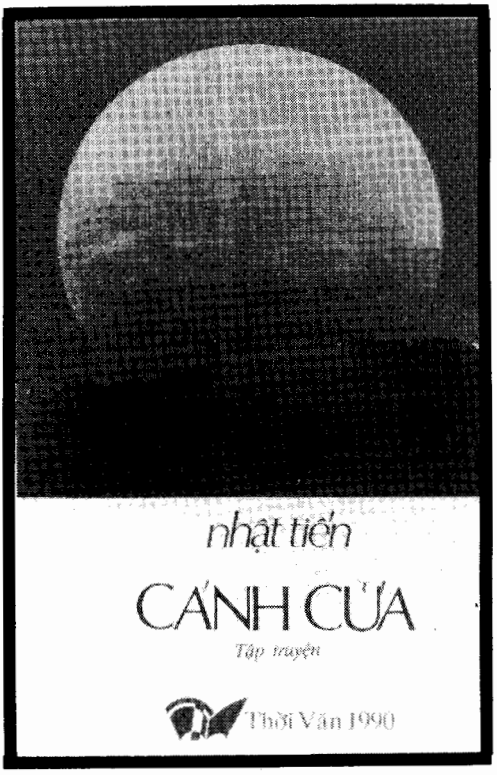

CÁNH CỬA
tập truyện Nhật Tiến

giá 12 mỹ kim
ngoài Hoa Kỳ thêm
2 mỹ kim cước phí

Thư từ bưu phiếu xin đề:
Cao Xuân Huy
P.O. Box 3192
Tustin, CA 92680 USA

ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI

sự tích đức Phật

Võ Đình kể chuyện và vẽ tranh

---

30 CHƯƠNG TRUYỆN về

- Thái tử Tất-đạt-đa
- Sa môn Gô-ta-ma
- Đức Phật Thích Ca

3 THỨ TIẾNG: Việt, Anh, Pháp

30 BỨC MINH HỌA cho 30 chương – Bìa màu rực rỡ

ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI là

- một tác phẩm văn/họa cực kỳ công phu
- một sự cúng dường lên đấng Đại giác. Tạ ơn quê hương và gia đình
- một món quà thanh nhã, hữu ích
- một lời giới thiệu đẹp đẽ về văn hóa và văn nghệ đất nước

Sách lớn 8"x10$^{3/4}$" – 100 trang giấy đầy đặc biệt – Xin hãy tìm ở các tiệm sách hay gởi mua tại: Nhà xuất bản Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. Điện thoại: (714) 527-5761

NGON Restaurant

10526 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683

(714) 554-9193

Vietnamese & French Cuisine

- Quán ăn Việt Nam lớn và độc đáo nhất Hải ngoại
- Đầy đủ các món Ăn, Nhậu và cơm phần tuyệt hảo
- Quán nửa khuya thoải mái

Nơi gặp gỡ
của mọi giới thanh lịch

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Muốn an tâm khi đi mua máy Computer không gì bằng đến

ACS ADVANCED COMPUTER

Tel: (714) 648-0325
Fax: (714) 648-0326

1714 E. Mc Fadden Ave. Suite O
SANTA ANA, CA 92705
Store Hours: Mon - Sat: 9AM - 7PM

- Bán sỉ và lẻ computer giá hạ
- Nhận Visa & Master Card & Trả Góp
- Nhận gửi đi xa qua UPS
- IBM COMPATIBLE 100%
- AT 286-12 / Super VGA / 40Mb HD $1195
- AT 386 SX / Super VGA / 40Mb HD $1425
- AT 386-25 / SupeR VGA / 40Mb HD $1750
- AT 386-33 / Super VGA / 40Mb HD $1995

(All System Include 1 year Part & Labor Warranty)

Đặc Biệt

- Laser Jet printer memory upgrade:
- 1 Mb $165 / 2 Mb $235 4 Mb $375

Thời Văn

Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu

của **Trần Vũ.**

Đã có bán
tại các nhà sách.

Thư từ bưu phiếu :

Cao Xuân Huy
P.O. Box 3192
Tustin, CA 92680 USA

văn nghệ
P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

SÁCH 1990

- **HOA SEN TRÊN TUYẾT** — 7.00MK
  Nguyên Phong phóng tác
- **LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM**
  Biên khảo Tạ Chí Đại Trường
- **KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI** — 7.00MK
  Biên khảo Nguyễn văn Xuân
- **ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI** — 12.00MK
  Việt Anh Pháp Sự tích Đức Phật tranh và truyện Võ Đình
- **NGOÀI GIẤC NGỦ** — 11.00MK
  Thơ Thường Quán
- **ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI** — 23.00MK
  Hồi ký tù của Hoàng Liên
- **VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ** — 7.00MK
  Nguyên Giác Phan Tấn Hải
- **LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC**
  Will Durant — Nguyễn Hiến Lê dịch
- **HỒI KÍ TẬP II**
  của Nguyễn Hiến Lê

TỔNG PHÁT HÀNH

- **DỊA NGỤC SÌNH LẦY** — 14.50MK
  Trần Nhu
- **SỢI CHỈ TRONG HỒN** — 13.00MK
  Truyện dài Nguyễn Ý Thuần
- **NHẤT BIẾT, NHÌ QUEN** — 12.00MK
  Truyện dài Nguyễn Đức Lập

Nhà xuất bản AN TIÊM:

- **ĐỌC KINH** — 6.00MK
  Vũ Khắc Khoan
- **HOÀNG TỬ BÉ** — 6.00MK
  Le Petit Prince của Saint Exupéry Bùi Giáng dịch
- **MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC** — 6.00MK
  Bùi Giáng dịch
- **TỪ CHỐN LƯU ĐÀY** — 13.00MK
  của Hoàng Nguyên Nhuận
- **NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG** — 15.00MK
  Hermann Hesse — Trí Hải, Vĩnh Bách và Lan Nhã dịch
- **THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI** — 6.00MK
  Rainer Maria Rilke — Phạm Công Thiện dịch
- **SÔNG CÔN MÙA LŨ TẬP I** — 18.00MK
  Trường thiên tiểu thuyết của Nguyễn Mộng Giác

Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK

Giá: 3$50